



Domino G-Series  
**Sách hướng dẫn  
về Sản phẩm**

**G20i**

TRANG NÀY ĐƯỢC CỐ Ý ĐỂ TRỐNG

# MÁY IN DOMINO G-SERIES

## SÁCH HƯỚNG DẪN VỀ SẢN PHẨM

Sổ tay hướng dẫn này, Domino Phần số EPT026010, được sử dụng để hướng dẫn quy trình vận hành và bảo dưỡng máy in Domino G20i.

Để xem hướng dẫn cơ bản về cách vận hành máy in, vui lòng tham khảo Hướng dẫn Tham khảo Nhanh cho Người vận hành Domino G20i, Domino Phần số EPT026003.

Chúng tôi khuyến cáo người dùng máy in phải đọc kỹ, hiểu rõ và tuân thủ các thông tin trong Phần 1: Sức khỏe và An toàn. Phần này trong sổ tay hướng dẫn cũng quy định cụ thể các biểu tượng được sử dụng trong các phần khác trong sổ tay hướng dẫn để truyền đạt các cảnh báo hoặc yêu cầu đặc biệt. Do đó, người dùng phải hiểu rõ về các biểu tượng này và thực hiện các hành động phù hợp.

Bảo lưu mọi quyền. Không có phần nào trong ấn phẩm này được phép tái bản, lưu trữ trên hệ thống khôi phục hoặc truyền đi dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào bằng điện, cơ học, photocopy, ghi âm hoặc các phương tiện khác khi chưa có sự đồng ý trước của Domino Printing Sciences plc.

Domino Printing Sciences plc có chính sách cải tiến sản phẩm liên tục, do đó Công ty có quyền sửa đổi thông số kỹ thuật có trong sổ tay hướng dẫn này mà không cần thông báo trước.

© Domino Printing Sciences plc 2019.

Để được hỗ trợ kỹ thuật, vui lòng truy cập [www.DominoCaseCoding.com](http://www.DominoCaseCoding.com) hoặc liên hệ với Đại diện Domino tại địa phương.

### **Domino UK Ltd.**

Trafalgar Way  
Bar Hill  
Cambridge  
CB23 8TU  
United Kingdom  
Tel: +44 (0) 1954 782551

### **CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠT MỸ**

12-14, Khu Dân Cư An Lạc, Đường số 16,  
Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel: +84-28-37511715  
Fax: + 84-28-37511714  
info@datmy.com.vn

## **Thông báo của Ủy ban Truyền thông Liên bang**

Thiết bị này đã được kiểm chứng và xác nhận đã tuân thủ với các giới hạn cho thiết bị kỹ thuật số Loại A, theo Phần 15 Quy định của Ủy ban Truyền thông Liên bang (FCC). Các giới hạn này được thiết kế để ngăn tình trạng nhiễu có hại một cách hợp lý trong trường hợp thiết bị được vận hành trong môi trường thương mại.

Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng tần số vô tuyến, và có thể gây nhiễu có hại cho truyền thông vô tuyến nếu không được lắp đặt và sử dụng theo sổ tay hướng dẫn. Việc vận hành thiết bị này tại khu dân cư có thể gây nhiễu có hại, trong trường hợp này, người dùng phải tự chi trả cho công việc khắc phục tình trạng nhiễu này.

Nếu thiết bị này gây nhiễu có hại cho việc thu sóng vô tuyến hoặc truyền hình, được xác định bằng cách tắt và bật thiết bị, người dùng nên khắc phục tình trạng nhiễu bằng một hoặc các biện pháp sau:

- Định hướng lại hoặc di chuyển ăng ten thu sóng.
- Tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ thu sóng.
- Kết nối thiết bị với đầu ra của mạch khác với mạch nối với bộ thu sóng.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc kỹ thuật viên vô tuyến/truyền hình lành nghề để được trợ giúp.

Mọi thay đổi hoặc sửa đổi không được nhà sản xuất phê duyệt rõ ràng có thể làm quyền vận hành thiết bị của người dùng.

## **Thông báo của EMC**

Thiết bị này có thể hoạt động sai khi vận hành tại một địa điểm quá gần với một thiết bị viễn thông không dây như điện thoại di động, thiết bị Wifi hoặc Bluetooth.

### **Loại A (Thiết bị Truyền thanh và Truyền thông cho Doanh nghiệp)**

Người bán và người dùng nên chú ý rằng thiết bị này là một thiết bị điện từ dùng cho doanh nghiệp (loại A), và sẽ được sử dụng ngoài trời.

Thiết bị này sẽ không thể cung cấp các dịch vụ liên quan đến an toàn cá nhân bởi nguy cơ nhiễu sóng radio có thể xảy ra.

### **Tuyên bố về Tính tuân thủ Mexico**

Sản phẩm này có một mô-đun đã được phê duyệt, Mẫu số G20i, IFETEL Số RCPDOG218-1916.

Việc vận hành thiết bị này phụ thuộc vào hai điều kiện sau:

- a. Máy tính hoặc thiết bị này không gây nhiễu có hại.
- b. Thiết bị này phải chịu được mọi loại nhiễu, kể cả loại nhiễu sóng có thể gây ra tác động không mong muốn.

TRANG NÀY ĐƯỢC CỐ Ý ĐỂ TRỐNG

## **NỘI DUNG**

<b>PHẦN 1</b>	<b>SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN</b>
<b>PHẦN 2</b>	<b>MÔ TẢ</b>
<b>PHẦN 3</b>	<b>VẬN HÀNH</b>
<b>PHẦN 4</b>	<b>PHÁT HIỆN LỖI</b>
<b>PHẦN 5</b>	<b>BẢO DƯỠNG</b>
<b>PHẦN 6</b>	<b>LẮP ĐẶT</b>

# NHẬT KÝ SỬA ĐỔI

## Sửa đổi

## Ngày

Tất cả các phần trong số phát hành 1

Tháng Sáu 2016

Tất cả các phần trong số phát hành 2

Tháng 11 năm 2016

Tất cả các phần trong số phát hành 4

Tháng 4 năm 2017

Tất cả các phần trong số phát hành 5

Tháng 9 năm 2017

Tất cả các phần trong số phát hành 6

Tháng 2 năm 2019



# PHẦN 1: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN

## NỘI DUNG

	Trang
GIỚI THIỆU .....	1-3
Yêu cầu Cơ bản .....	1-3
Nguy cơ Hỏa hoạn .....	1-5
Đổ mực và tiêu hủy mực .....	1-5
BIỂU TƯỢNG G-SERIES .....	1-6

SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN

TRANG NÀY ĐƯỢC CỐ Ý ĐỂ TRỐNG

## GIỚI THIỆU

Domino cung cấp Phiếu An toàn Hóa chất (SDS), bao gồm các thông tin an toàn cho từng loại mực của công ty. Các ghi chú sau chỉ nhằm mục đích hướng dẫn chung.

### Yêu cầu Cơ bản

- Đọc kỹ Phiếu An toàn Hóa chất (SDS) trước khi bảo quản, xử lý, vận chuyển hoặc sử dụng hộp mực.
- Ngắt điện trước khi thực hiện bất kỳ quy trình nối dây điện nào.
- Đảm bảo mọi dây cáp đều được tách biệt khỏi các bộ phận chuyển động trong dây chuyền sản xuất.
- Chỉ sử dụng vải không xơ để lau đầu phun mực.
- Vệ sinh đầu phun mực theo các đề xuất đi kèm.
- Tránh để đầu in bị va chạm bằng cách điều chỉnh và sắp xếp hợp lý thanh ray bên và theo hướng dẫn sử dụng sản phẩm.
- Không được mở bất kỳ bộ phận khép kín nào trong máy in hoặc đầu in. Các bộ phận này không chứa các thành phần có thể thay thế.
- Sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp khi vận hành G20i.
- G20i là sản phẩm chỉ được sử dụng trong nhà. Không được sử dụng máy in ngoài trời, hoặc trong môi trường nằm ngoài phạm vi vận hành cụ thể của sản phẩm.

## SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN

Khi được sử dụng chính xác, mực in sẽ không gây ra sự cố nào. Tuy nhiên, người dùng nên hiểu rõ các tiêu chuẩn an toàn phù hợp và các biện pháp phòng ngừa cần thực hiện. Dưới đây là các yêu cầu cơ bản:

- Tiêu chuẩn thực hành công nghiệp phù hợp liên quan đến duy trì sự sạch sẽ và gọn gàng.
- Hộp mực phải được bảo quản và xử lý cẩn thận.
- Việc hút thuốc hoặc sử dụng lửa (hoặc các nguồn phát lửa khác) trong khu vực gần mực hoặc dung môi rất nguy hiểm, do đó tuyệt đối không nên thực hiện các hành động này.
- Mọi cá nhân sử dụng mực phải được hướng dẫn cách sử dụng mực phù hợp.

Các hướng dẫn về biện pháp thực hành làm việc an toàn có thể khác nhau tùy theo môi trường làm việc. Dưới đây là các nguyên tắc mở rộng để người dùng có thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa cần thiết:

- Không để mực tiếp xúc vào miệng. Do đó, không được ăn, uống, hút thuốc, hoặc các thói quen cá nhân hoặc hành động khác có thể đưa mực vào miệng.
- Không để mực tiếp xúc vào mắt. Nếu mực dính vào mắt, biện pháp điều trị sơ cứu là rửa mắt bị dính mực trong vòng 15 phút bằng dung dịch nước muối (hoặc nước sạch nếu không có dung dịch nước muối), cẩn thận không để nước chảy vào mắt không bị dính mực. Cần lập tức đi khám y tế. Domino có cung cấp thuốc rửa mắt (Phần số 99200).
- Một số loại mực G-Series có chứa dung môi có thể gây tổn thương da. Luôn thực hiện các biện pháp thực hành làm việc tốt và tiến hành đánh giá rủi ro. Công ty cung cấp Phiếu An toàn Hóa chất có chứa các tư vấn về thiết bị bảo hộ cá nhân. Hầu hết các loại găng tay chỉ bảo vệ tiếp xúc cho người dùng trong một khoảng thời gian ngắn và có hạn, và phải được thay thế thường xuyên hoặc sau khi bị bắn hóa chất.
- Mọi vật liệu vệ sinh đã sử dụng, ví dụ giẻ, giấy lau có thể gây hỏa hoạn. Các vật liệu vệ sinh này phải được thu lại để được tiêu hủy an toàn sau khi sử dụng.
- Sau khi dính mực, mọi vết mực phải được rửa sạch ngay khi có thể tại thiết bị rửa gần nhất.

## Nguy cơ Hỏa hoạn

Không được sử dụng nước đối với trường hợp hỏa hoạn do điện. Nếu bắt buộc phải sử dụng nước, chẳng hạn trong trường hợp hỏa hoạn do mực Nitrocellulose (xem bên dưới), **CẦN PHẢI NGẮT ĐIỆN TRƯỚC TIÊN.**

Nguy cơ hỏa hoạn là điều cần lưu ý quan trọng nhất khi bảo quản và sử dụng mực in. Mức độ nguy cơ hỏa hoạn có thể khác nhau đáng kể giữa các loại mực hoặc nước rửa.

Mực in gốc nước không cháy, mặc dù các loại mực từ hỗn hợp nước - cồn có thể cháy nếu có đủ lượng cồn. Việc tiếp xúc với hệ thống gốc nước lâu dài ở nhiệt độ cao có thể khiến nước bốc hơi và tạo ra chất cặn dễ cháy.

Mực in gốc dung môi có mức độ nguy cơ hỏa hoạn cao hơn, tùy thuộc vào loại dung môi cụ thể hoặc hỗn hợp dung môi. Các thông tin phù hợp được cung cấp trong SDS trong trường hợp có mối nguy hại đặc biệt.

Trong trường hợp có hỏa hoạn, các loại khói nguy hiểm có thể phát sinh từ mực in. Vì lý do này, mực phải được bảo quản ở nơi mà đội chữa cháy có thể lấy nhanh chóng, và ở nơi mực không lan rộng ra khỏi khu bảo quản.

## Đổ mực và tiêu hủy mực

**CẢNH BÁO:** **Một số loại mực khô rất dễ cháy. Lập tức vệ sinh tất cả các lượng mực bị đổ. Không để mực bị khô hoặc để mực chảy thêm vào lượng mực bị đổ đã khô.**

Lượng mực bị đổ phải được lau sạch ngay khi có thể bằng vật liệu dung môi phù hợp và để đảm bảo tính an toàn cho cá nhân. Trong khi lau dọn, cần thận trọng tránh để lượng mực bị đổ hoặc lượng mực còn dư chảy vào đường cống hoặc hệ thống nước thải.

Mực và các dung dịch liên quan là các vật chất dẫn điện. Do đó, cần tắt nguồn điện tới máy in khi lau lượng mực bị đổ bên trong tủ máy in.

Không xử lý mực in và các dung dịch liên quan như với chất thải thông thường. Các dung dịch này phải được tiêu hủy bằng các biện pháp được phê duyệt theo quy định địa phương.

## BIỂU TƯỢNG G-SERIES

Các biểu tượng sau đây được sử dụng trong sổ tay hướng dẫn. Khi các biểu tượng này xuất hiện bên cạnh một quy trình hay một hướng dẫn, các quy trình hoặc hướng dẫn đó sẽ bao gồm các cảnh báo văn bản quan trọng.



Cảnh báo hoặc Thận trọng, hãy đọc và làm theo nội dung ghi dưới biểu tượng này để tránh thương tích cơ thể hoặc làm hư hại thiết bị.



Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.



Phải mặc quần áo bảo hộ. Sử dụng găng tay bảo hộ đầy đủ. Tham khảo Phiếu An toàn Hóa chất (SDS) liên quan.



Phải tắt thiết bị và ngắt điện.



Chỉ nhân viên lành nghề mới được tiến hành quy trình này.



Thận trọng với tình trạng phóng tĩnh điện. Phải sử dụng các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện.

- Phải tắt máy trước tiên
- Đeo dây đeo cổ tay chống phóng tĩnh điện được cung cấp
- Tránh mặc quần áo có thể tích điện
- Sử dụng túi bảo hộ chống phóng tĩnh điện để truyền PCB.
- Chỉ đặt PCB trên thảm được làm bằng vật liệu khử điện tĩnh và được nối đất.

# PHẦN 2: MÔ TẢ

## NỘI DUNG

	Trang
GIỚI THIỆU .....	2-3
Giới thiệu chung .....	2-3
MÔ TẢ MÁY IN .....	2-4
Yêu cầu về Thiết bị Android .....	2-4
Yêu cầu về máy tính cá nhân .....	2-4
Thông số Kỹ thuật Máy in .....	2-5
Kết nối máy in .....	2-6
Đèn Trạng thái của Máy in .....	2-7
ĐIỀU KHIỂN MÁY IN .....	2-8
Giao diện Bàn phím USB Không dây .....	2-10
Trình đơn chính .....	2-10
Trình đơn Nội dung .....	2-11
Trình đơn Thao tác .....	2-12
Trình đơn Thiết lập .....	2-13
Giao diện Máy tính .....	2-15
Màn hình Điều khiển Máy in .....	2-15
Màn hình Thiết kế .....	2-19
Trình đơn Công cụ .....	2-21
Giao diện Thiết bị Android .....	2-22

MÔ TẢ

TRANG NÀY ĐƯỢC CỐ Ý ĐỂ TRỐNG



# GIỚI THIỆU

## Giới thiệu chung

Sổ tay hướng dẫn này cung cấp:

- Giới thiệu cơ bản về G20i.
- Chi tiết về cấu trúc trình đơn.
- Hướng dẫn tạo nội dung.
- Quy trình bảo dưỡng phòng ngừa.
- Phát hiện lỗi và chẩn đoán.
- Chi tiết về cập nhật phần mềm, chuyển đổi nội dung, logo và phông chữ.
- Hướng dẫn lắp đặt.



*Máy in phun nhiệt Domino G20i*

## MÔ TẢ MÁY IN

G20i là máy in phun nhiệt nhỏ gọn giúp người dùng in thông tin lên các sản phẩm của họ trên dây chuyền sản xuất đang vận hành.

G20i có thể được điều khiển bằng bàn phím USB không dây, thiết bị Android qua Bluetooth hoặc bằng máy tính cá nhân được kết nối qua USB.

### Yêu cầu về Thiết bị Android

Yêu cầu tối thiểu về thiết bị Android:

Hệ điều hành:	Phiên bản Android 4.0 trở lên.
Khả năng kết nối:	Bluetooth

### Yêu cầu về máy tính cá nhân

Yêu cầu tối thiểu về máy tính cá nhân:

CPU:	Core 2 Duo 2x2,0 GHz
Ram:	2GB
Không gian ổ cứng:	50MB
Hệ điều hành:	Windows 7, Windows 8, Windows 10 (32, 64 bits), (Microsoft .NET Framework 4)

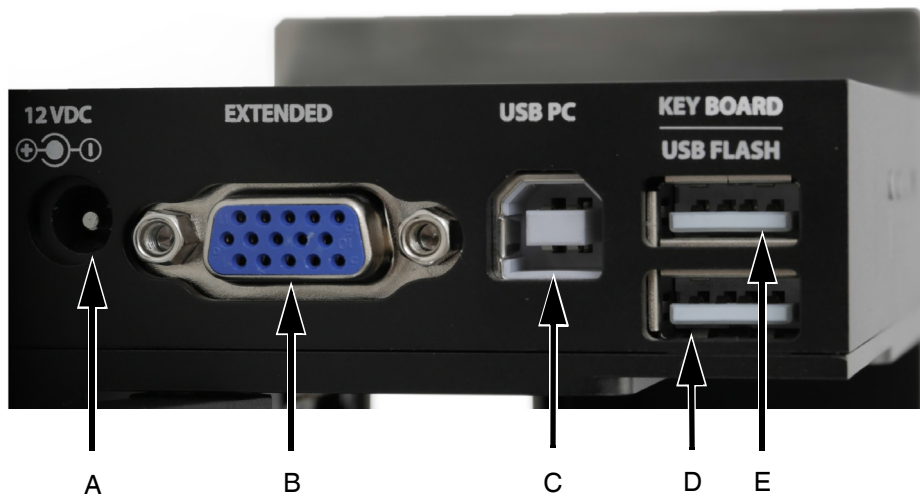
MÔ TẢ

**Thông số Kỹ thuật Máy in**

Màn hình:	Màn hình LCD 2,8" xoay tự động
Kích thước:	Chiều dài: 107,5mm (4,23") Chiều rộng: 74,5mm (2,93") Chiều cao: 83mm (3,27")
Trọng lượng:	450g
Nguồn cấp điện:	Đầu vào: 100V - 240V AC, 50/60Hz, 1,4A Đầu ra: 12 V, 5,0A, 60W
Mức tiêu thụ điện tối đa:	48W
Độ phân giải in tối đa:	600 X 600 DPI (Khi sử dụng máy tính cá nhân để điều khiển G20i)  300 X 300 DPI (Khi sử dụng thiết bị Android hoặc bàn phím USB không dây để điều khiển G20i)
Tốc độ in:	76m/phút ở 300 x 300 dpi
Mật độ in:	5 mức
Giao diện người dùng:	PC, Bàn phím USB không dây hoặc thiết bị Android qua Bluetooth
Bộ nhớ nội dung:	Lên đến 100 nội dung
Dung dịch mực:	Dạng nước và Dung môi
Ngôn ngữ trình đơn:	Đa ngôn ngữ/lựa chọn ngôn ngữ
Ký tự có thể in:	Phông Windows khi kết nối máy tính cá nhân
Số dòng tối đa:	6
Chiều cao ký tự tối đa:	Tối đa 12,7mm (0,5")
Khoảng cách chiếu:	Lên đến 6mm (0,23")
Loại dữ liệu có thể in:	Chữ cái, biểu tượng, logo, Ngày/tháng, Ngày hết hạn, bộ đếm, mã Shift và mã vạch.
Phạm vi nhiệt độ:	+5°C đến +50°C (+41°F đến +122°F)
Phạm vi độ ẩm:	10% đến 90% không ngưng tụ

## MÔ TẢ

### Kết nối máy in

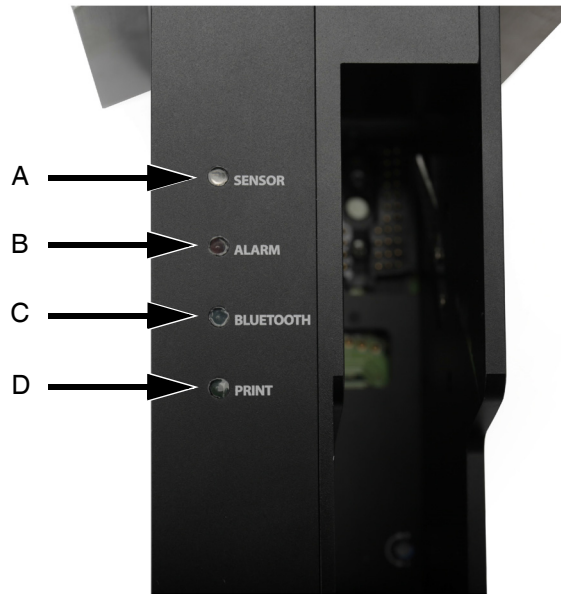


*Kết nối máy in*

A	Nguồn cấp điện đầu vào một chiều 12V.
B	Kết nối nối tiếp cho các bộ cảm biến sản phẩm bên ngoài, bộ đo tốc độ trực quay, đèn cảnh báo, v.v..
C	Cổng USB-B để kết nối máy tính cá nhân.
D	Cổng flash USB để cập nhật firmware, phông chữ và logo.
E	Cổng USB dành cho đầu thu phát tín hiệu bàn phím USB.

## MÔ TẢ

### Đèn Trạng thái của Máy in



*Đèn Trạng thái của Máy in*

A	Đèn LED cảm biến Kích hoạt khi máy in nhận được tín hiệu từ bộ cảm biến sản phẩm.  Đèn đỏ = Bộ cảm biến sản phẩm bên trong Đèn xanh = Bộ cảm biến sản phẩm bên ngoài
B	Đèn LED cảnh báo Kích hoạt khi có lỗi.
C	Đèn LED Bluetooth Kích hoạt khi có thiết bị Bluetooth kết nối với máy in.
D	Đèn LED In Kích hoạt khi in nội dung.

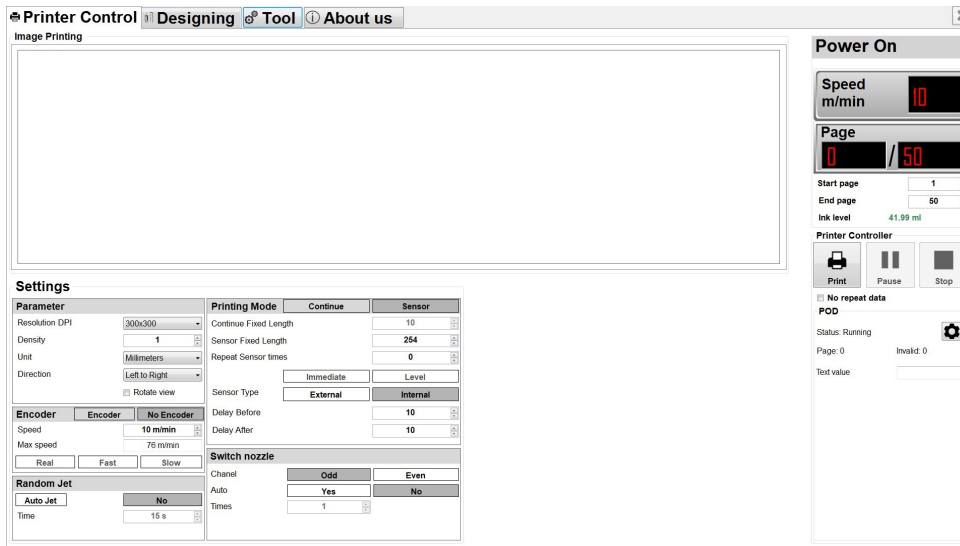
## MÔ TẢ

# ĐIỀU KHIỂN MÁY IN

G20i có thể được điều khiển bằng 3 loại giao diện người dùng khác nhau:

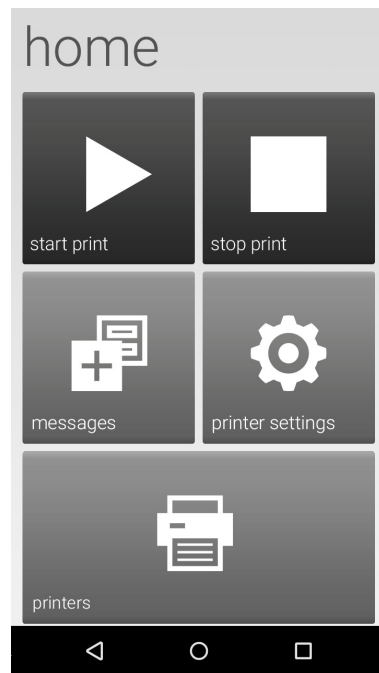


*Bàn phím USB 2.0 không dây và Màn hình LCD, được mô tả trong [trang 2-10](#).*



*Máy tính đã cài đặt ứng dụng Domino G20i PC, được mô tả trong [trang 2-15](#).*

## MÔ TẢ

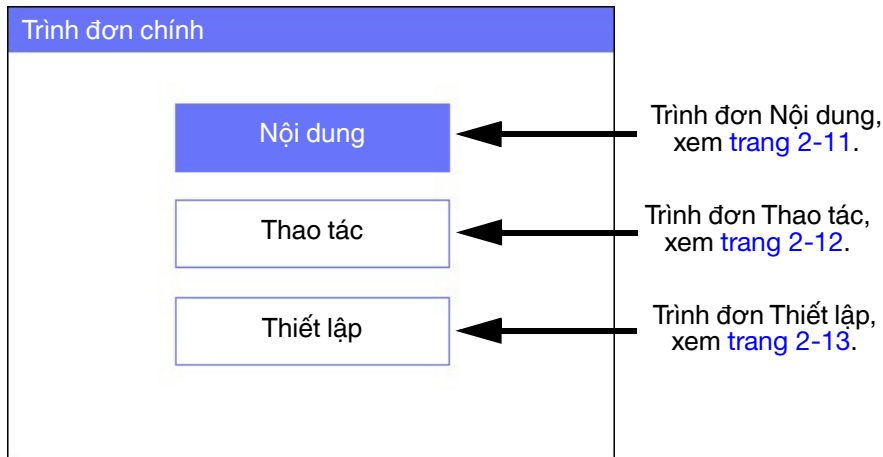


*Thiết bị Android đã cài đặt ứng dụng Domino G20i, được mô tả trong [trang 2-22](#).*

## Giao diện Bàn phím USB Không dây

### Trình đơn chính

Khi khởi động máy in, màn hình *Trình đơn chính* sau đây được hiển thị trên màn hình LCD của G20i.



Màn hình Trình đơn chính

Bảng dưới đây xác định các chức năng của các phím trên bàn phím USB không dây. Bàn phím USB không dây được sử dụng để điều hướng trình đơn chính và nhập dữ liệu vào màn hình LCD của G20i.

Enter	Xác nhận, lưu hoặc áp dụng thiết lập.
ESC	Quay về màn hình trước đó.
←/→	Di chuyển con trỏ sang trái hoặc phải.
↑/↓	Di chuyển con trỏ lên hoặc xuống.
Tab	Giữ nút Tab để di chuyển con trỏ nhanh hơn.
Home/End	Di chuyển con trỏ về Đầu trang hoặc Cuối trang.
Shift	Giữ nút Shift để nhập ký tự chữ hoa.
Insert	Ấn nút Insert trong quá trình tạo nội dung để chèn Biểu tượng, Logo, Số đếm, Ngày, Tháng, Chuỗi, hoặc Mã vạch vào thiết kế nội dung.
Backspace	Xóa trường nội dung từ bên phải.



## MÔ TẢ

### Trình đơn Nội dung

*Trình đơn Nội dung* bao gồm các mục sau:

Tạo mới	Tạo nội dung mới.
Thiết kế tự do	In nội dung đã được tạo bằng công cụ thiết kế web và lưu vào ổ đĩa USB.
Mở	Mở nội dung hiện tại để in, sửa hoặc xóa.
Thông tin	Hiển thị thiết lập máy in hiện tại: <ul style="list-style-type: none"><li>• Mức mực</li><li>• Tốc độ</li><li>• Mật độ</li><li>• Độ phân giải</li><li>• Trì hoãn Trước (Khoảng cách giữa bộ cảm biến sản phẩm kích hoạt bản in, và nội dung được in.)</li><li>• Trì hoãn sau (Khoảng cách giữa các nội dung được in.)</li><li>• Chế độ in</li><li>• Lặp lại</li><li>• Tối thiểu (Số lượng bản in tối thiểu có thể được tạo với mức mực và thiết lập hiện tại.)</li></ul>
Chi phí mực	Xác định cài đặt công cụ tính toán chi phí mực cho nội dung được tải: <ul style="list-style-type: none"><li>• Giá</li><li>• Mã</li></ul>

## MÔ TẢ

### **Trình đơn Thao tác**

*Trình đơn Thao tác* bao gồm các mục sau:

Bắt đầu / Dừng	Bắt đầu hoặc ngừng in.
Lọc	Lọc đầu in để thông đầu phun bị nghẽn.
Kết nối với máy tính/Ngắt kết nối với máy tính	Kết nối hoặc ngắt kết nối G20i với máy tính.

## MÔ TẢ

### Trình đơn Thiết lập

Trình đơn Thiết lập bao gồm các mục sau:

Tốc độ	Thiết lập bộ đo tốc độ để đo tốc độ dây chuyền sản xuất. Hoặc, nhập thủ công giá trị tốc độ dây chuyền sản xuất.
Độ phân giải	Thiết lập độ phân giải in.
Mật độ	Thiết lập mật độ in.
Trì hoãn	Thiết lập khoảng cách khi kích hoạt in và khi nội dung được in. Và, đặt khoảng cách giữa các nội dung được in.
Hộp mực	Nhập thủ công số lượng mực trong hộp mực, và hiển thị loại mực.
Cập nhật Logo	Cập nhật logo hoặc hình ảnh từ USB sang bộ nhớ trong của máy in.
Chuỗi	Tạo và cập nhật chuỗi văn bản có thể được chèn vào nội dung.
Đầu in phun ngẫu nhiên	Lọc đầu in với khoảng thời gian định kỳ để tránh làm đầu phun in bị nghẽn trong quá trình máy không hoạt động.
Mặt in	Chọn dây đầu phun được sử dụng để in, hoặc tự động chuyển dây đầu phun.
Bộ cảm biến	Chọn sử dụng bộ cảm biến sản phẩm bên ngoài hoặc bên trong để kích hoạt quy trình in nội dung.
Hướng	Thiết lập hướng in.
Chế độ in	Thiết lập chế độ in/kích hoạt.
Đơn vị	Chọn đơn vị đo. (mm hoặc inch)
Bluetooth	Kích hoạt, vô hiệu hóa và thiết lập kết nối Bluetooth để điều khiển G20i từ thiết bị Android.
Cập nhật phông chữ	Cập nhật loại phông chữ.
Chuyển ca	Kích hoạt hoặc vô hiệu hóa giá trị thời gian khác nhau tùy theo lịch trình ca sản xuất. (Giá trị thời gian mặc định là 00:00)
Đồng hồ hệ thống	Thiết lập ngày giờ cho đồng hồ hệ thống.
Xoay	Thiết lập các chế độ màn hình. (Tự động xoay hoặc cố định)

## MÔ TẢ

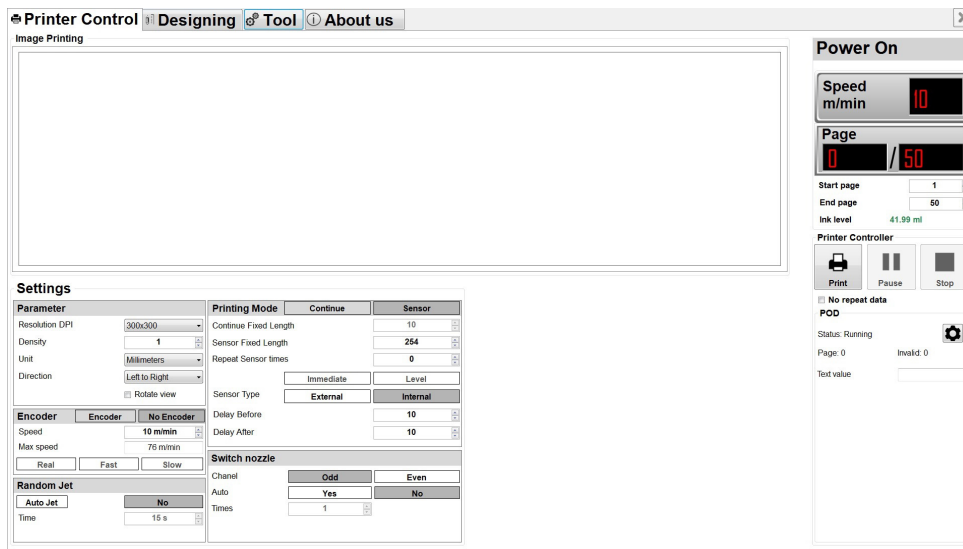
Mật khẩu	Thiết lập bảo vệ mật khẩu để ngăn truy cập trái phép vào thiết lập máy in.
Mặc định	Khôi phục G20i về thiết lập mặc định gốc.
Ngôn ngữ	Chọn ngôn ngữ giao diện.
Tín hiệu IO	Kích hoạt hoặc vô hiệu hóa nút bắt đầu/dừng từ xa tùy chọn.
Chuỗi tùy chỉnh	Cập nhật và xem các chuỗi văn bản tùy chỉnh.
Tên bộ mã hóa	Xem và chỉnh sửa tên máy in.
RS485	Kích hoạt, vô hiệu hóa và thiết lập cấu hình cho thiết lập mạng RS485.
Đèn nền LCD	Điều chỉnh chức năng đèn nền LCD.
Đặt lại	Đặt lại bộ đếm trong nội dung về giá trị mặc định của chúng.
Ngày tháng ở địa phương	Đặt tên ngày và tháng.
Sao lưu & Phục hồi	Sao lưu hoặc phục hồi: phông chữ, logo, ngôn ngữ và thiết lập máy in bằng ổ đĩa USB.
Giới thiệu	Hiển thị phiên bản phần mềm máy in hiện tại và cập nhật phần mềm máy in.

## Giao diện Máy tính

Để kết nối G20i với máy tính, vui lòng xem “[Kết nối Máy tính Cá nhân và Lắp đặt Phần mềm](#)” trên trang 6-16.

## Màn hình Điều khiển Máy in

Khi khởi động ứng dụng Domino G20i PC, màn hình *Điều khiển máy in* xuất hiện.



*Phần mềm Domino G20i PC*

Màn hình *Điều khiển máy in* bao gồm các mục sau:

Trình đơn phụ	Tên thiết lập	Giải thích
Thanh tác vụ	Điều khiển máy in	Nhấp vào <i>Điều khiển máy in</i> để quay lại trình đơn <i>Điều khiển máy in</i> từ các trình đơn khác.
	Thiết kế	Tạo và chỉnh sửa mẫu nội dung, xem <a href="#">trang 2-19</a> .
	Công cụ	Công cụ để xả mực đầu in, theo dõi bản ghi sự kiện, tính toán chi phí mực và chuyển đổi logo, xem <a href="#">trang 2-21</a> .
	Giới thiệu về chúng tôi	Xem phiên bản phần mềm và xem thông tin liên hệ chi tiết của Domino Printing Sciences plc.


MÔ TẢ

<b>Trình đơn phụ</b>	<b>Tên thiết lập</b>	<b>Giải thích</b>
Thông số	Độ phân giải DPI	Chọn độ phân giải in cần thiết.
	Mật độ	Chọn mật độ in cần thiết.
	Đơn vị	Chọn đơn vị đo.
	Hướng	Chọn hướng in.
	Xoay khung hình	In nội dung theo chiều lộn ngược.
Chế độ in	Cảm biến	Chọn để in 1 bản mỗi lần bộ cảm biến phát hiện sản phẩm được kích hoạt.
	Liên tục	Chọn để in nhiều hơn 1 bản mỗi lần bộ cảm biến phát hiện sản phẩm được kích hoạt.
	Chiều dài Cố định ở chế độ Liên tục	Nếu chọn chế độ <i>Liên tục</i> , đặt khoảng cách giữa các bản in.
	Chiều dài Cố định ở chế độ Cảm biến	Nếu chọn chế độ <i>Cảm biến</i> , đặt khoảng cách giữa các bản in.
	Số lần Cảm biến Lặp lại	Nếu chọn chế độ <i>Cảm biến</i> , đặt số lần lặp lại một bản in.
	Ngay lập tức	Nếu chọn chế độ <i>Cảm biến</i> , hãy chọn mục này để in liên tục sau khi bộ cảm biến phát hiện sản phẩm được kích hoạt một lần.
	Mức	Nếu chọn chế độ <i>Cảm biến</i> , hãy chọn mục này để in liên tục khi bộ cảm biến phát hiện sản phẩm được kích hoạt liên tục. Ngừng in khi bộ cảm biến phát hiện sản phẩm không được kích hoạt.
	Ngoài	Chọn để dùng bộ cảm biến phát hiện sản phẩm bên ngoài.
	Trong	Chọn để dùng bộ cảm biến phát hiện sản phẩm lắp sẵn trong máy in.
	Trì hoãn trước	Đặt mức trì hoãn giữa bộ cảm biến sản phẩm kích hoạt bản in và nội dung được in.
	Trì hoãn sau	Đặt mức trì hoãn sau khi nội dung được in.

MÔ TẢ

<b>Trình đơn phụ</b>	<b>Tên thiết lập</b>	<b>Giải thích</b>
Đồng tốc	Đồng tốc	Chọn xem máy in có dùng đồng tốc để đo tốc độ dây chuyền sản xuất hay không.
	Không dùng đồng tốc	Chọn xem tốc độ in có được đặt thủ công hay không.
	Tốc độ	Đặt tốc độ in theo cách thủ công.
	Tốc độ tối đa	Hiển thị tốc độ in tối đa có thể đạt được khi dùng cài đặt hiện tại.
	Thực	Tối ưu hóa đồng tốc cho việc thay đổi tốc độ.
	Nhanh	Tối ưu hóa đồng tốc cho tốc độ in nhanh.
	Chậm	Tối ưu hóa đồng tốc cho tốc độ in chậm.
Đầu in phun ngẫu nhiên	Đầu in phun tự động	Tự động xả mực đầu in theo khoảng thời gian do người dùng xác định.
	Không	Không tự động xả mực đầu in.
	Thời gian	Đặt khoảng thời gian giữa mỗi lần xả mực đầu in.
Chuyển béc phun	Kênh: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Lẻ</li> <li>• Chẵn</li> </ul>	Chọn xem sẽ dùng bên béc phun nào để in.
	Tự động: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Có</li> <li>• Không</li> </ul>	Bật hoặc tắt chế độ tự động chuyển bên béc phun.
	Số lần	Đặt số lần in mà máy thực hiện khi dùng một bên béc phun trước khi chuyển sang bên còn lại.
Trạng thái in	Bật/Tắt nguồn	Hiển thị xem máy in đang Bật hay Tắt.
	Tốc độ m/phút	Hiển thị tốc độ in hiện tại.
	Trang	Hiển thị số nội dung đã được in, so với số nội dung cần in.
	Trang bắt đầu	Chọn trang bắt đầu in.
	Trang cuối	Chọn trang kết thúc in.
	Mức mực	Hiển thị lượng mực trong hộp mực.

MÔ TẢ









<b>Trình đơn phụ</b>	<b>Tên thiết lập</b>	<b>Giải thích</b>
Điều khiển Máy in	In	Chọn <i>In</i> để bắt đầu in.
	Tạm dừng	Chọn <i>Tạm dừng</i> để tạm dừng in.
	Dừng	Chọn <i>Dừng</i> để dừng in.
	Không lặp lại dữ liệu	Tích vào hộp chọn <i>Không lặp lại dữ liệu</i> để dừng lặp lại dữ liệu nội dung.
POD	Trạng thái	Hiển thị trạng thái In Dữ liệu Trực tuyến (POD).
		Hiển thị thiết lập POD.
	Trang	Hiển thị số bản in POD đã in ra.
	Không hợp lệ	Hiển thị số mục POD không hợp lệ mà máy in nhận được.
	Giá trị văn bản	Hiển thị giá trị văn bản dữ liệu trực tuyến.




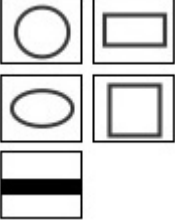





## MÔ TẢ

### Màn hình Thiết kế

Màn hình *Thiết kế* bao gồm các mục sau:

Mẫu mới 	Tạo mẫu nội dung mới.
Chỉnh sửa mẫu 	Chỉnh sửa mẫu nội dung hiện có.
Mở 	Mở mẫu nội dung đã lưu trên máy tính.
Lưu 	Lưu mẫu nội dung vào máy tính.
Xuất sang tập tin .tiff 	Xuất mẫu nội dung dưới dạng tập tin .tiff.
Xóa 	Xóa đối tượng đã chọn.
Cắt 	Cắt đối tượng đã chọn.
Sao chép 	Sao chép đối tượng đã chọn.






MÔ TẢ

<p>Dán</p> 	<p>Dán đối tượng.</p>
<p>Hình dạng</p> 	<p>Chèn Đường thẳng, Hình chữ nhật, Hình vuông, Hình tròn và Hình bầu dục vào thiết kế mẫu nội dung.</p>
<p>Văn bản tĩnh</p> 	<p>Chèn văn bản tĩnh và mã vạch vào thiết kế mẫu nội dung.</p>
<p>Trường dữ liệu</p> 	<p>Chèn văn bản hoặc mã vạch vào thiết kế mẫu nội dung có chứa thông tin từ một cơ sở dữ liệu.</p>
<p>Số sê-ri</p> <p>123</p>	<p>Chèn số sê-ri hoặc số đếm vào thiết kế mẫu nội dung.</p>
<p>Mã chuyển đổi</p> 	<p>Chèn mã chuyển đổi vào thiết kế mẫu nội dung.</p>
<p>Ảnh</p> 	<p>Chèn ảnh hoặc logo vào thiết kế mẫu nội dung.</p>
<p>POD</p> 	<p>Chèn một mục In Dữ liệu Trực tuyến (POD) vào thiết kế mẫu nội dung có chứa dữ liệu được truyền từ một nguồn nối mạng hoặc thiết bị quét mã vạch.</p>

## MÔ TẢ

### Trình đơn Công cụ

Trình đơn *Công cụ* bao gồm các mục sau:

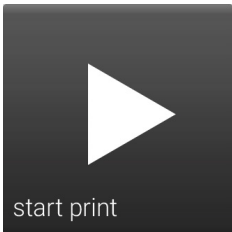
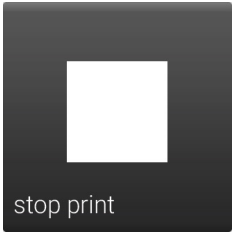
Lọc 	Lọc đầu in để thông đầu phun bị nghẽn.
Chi phí mực 	Tính chi phí mực.
Nhật ký hoạt động 	Xem nhật ký hoạt động của máy in.
Chuyển đổi Logo 	Chuyển đổi logo sang định dạng tương thích với G20i.
Ngôn ngữ 	Chọn ngôn ngữ.

## MÔ TẢ





### Giao diện Thiết bị Android

Để kết nối G20i với thiết bị Android, vui lòng xem [“Kết nối Thiết bị Android” trên trang 6-20](#).

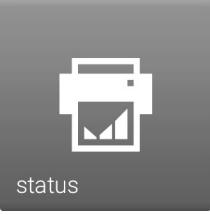
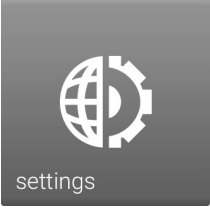
Khi khởi động ứng dụng Domino Printer G20i Android, các mục sau sẽ được hiển thị:

<p>bắt đầu in</p>  <p>start print</p>	<p>Bắt đầu in.</p>
<p>dừng in</p>  <p>stop print</p>	<p>Dừng in.</p>
<p>nội dung</p>  <p>messages</p>	<p>Mở, chỉnh sửa, thiết kế và lưu nội dung.</p>

## MÔ TẢ

<p>thiết lập máy in</p> 	<p>Xem và thay đổi cài đặt máy in:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• mật độ</li><li>• độ phân giải</li><li>• hướng in</li><li>• chế độ in</li><li>• giờ luân chuyển</li><li>• tốc độ in</li><li>• trì hoãn in</li><li>• mặt in</li><li>• cảm biến</li><li>• đầu in phun ngẫu nhiên</li><li>• hộp mực</li><li>• đồng hồ hệ thống</li><li>• đơn vị đo</li><li>• xoay</li><li>• tên bộ mã hóa</li><li>• đặt lại bộ đếm</li></ul>
<p>tìm kiếm máy in</p> 	<p>Xem và chọn máy in khi được kết nối Bluetooth.</p>
<p>logo &amp; mã vạch</p> 	<p>Xem các mục sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Tạo mã vạch</li><li>• Tạo logo văn bản</li><li>• Cập nhật logo</li></ul>
<p>lọc</p> 	<p>Lọc đầu in để thông đầu phun bị nghẽn.</p>

## MÔ TẢ

<p>trạng thái</p>  <p>The icon shows a printer with a document being printed, set against a dark grey background. Below the printer icon, the word "status" is written in a small, white, sans-serif font.</p>	<p>Xem các mục trạng thái máy in sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Trang đã in</li><li>• Tốc độ</li><li>• Mật độ</li><li>• Độ phân giải</li><li>• Trì hoãn trước</li><li>• Trì hoãn sau</li><li>• Mức mực</li><li>• Chế độ mặt in</li><li>• Cạnh bên hộp mực</li><li>• Tự động thay đổi sau</li><li>• Chế độ in</li><li>• Số lần lặp lại</li><li>• Trì hoãn lặp lại</li><li>• Trì hoãn liên tục</li><li>• Tên máy in</li><li>• Firmware</li></ul>
<p>thiết lập</p>  <p>The icon features a white gear with a globe inside it, symbolizing settings or configuration. It is set against a dark grey background. Below the gear icon, the word "settings" is written in a small, white, sans-serif font.</p>	<p>Xem các mục sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Ngôn ngữ</li><li>• hướng dẫn nhanh</li><li>• giới thiệu</li></ul>

# PHẦN 3: VẬN HÀNH

## NỘI DUNG

	Trang
<b>KHỞI ĐỘNG</b> .....	3-5
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	3-5
Sử dụng máy tính .....	3-6
Sử dụng thiết bị Android .....	3-8
<b>TẮT MÁY</b> .....	3-9
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	3-9
Sử dụng máy tính .....	3-10
Sử dụng thiết bị Android .....	3-11
<b>BẮT ĐẦU IN</b> .....	3-12
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	3-12
Sử dụng máy tính .....	3-12
Sử dụng thiết bị Android .....	3-12
<b>DỪNG IN</b> .....	3-13
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	3-13
Sử dụng máy tính .....	3-13
Sử dụng thiết bị Android .....	3-13
<b>TẢI VÀ IN NỘI DUNG</b> .....	3-14
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	3-14
Sử dụng máy tính .....	3-15
Sử dụng thiết bị Android .....	3-16
<b>TẠO NỘI DUNG</b> .....	3-17
Tạo Nội dung bằng Bàn phím USB Không dây .....	3-17
Mã vạch .....	3-18
Mã vạch động .....	3-19
Biểu tượng .....	3-20
Logo .....	3-21
Bộ đếm đơn .....	3-22
Bộ đếm Hộp/Lô .....	3-23
Ngày tháng .....	3-25
Ngày hết hạn .....	3-26
Thời gian .....	3-27
Chuỗi .....	3-28
Chuỗi tùy chỉnh (văn bản chứa Hán tự và ký tự đặc biệt) .....	3-29
Mã Shift .....	3-30
Tạo nội dung bằng Máy tính .....	3-31

## VẬN HÀNH

Văn bản tĩnh .....	3-32
Mã vạch .....	3-33
Mã vạch động .....	3-36
Hình dạng .....	3-38
Ảnh .....	3-39
Số sê-ri .....	3-40
Ngày / Giờ .....	3-41
Ngày hết hạn .....	3-42
Mã Shift .....	3-43
Trường dữ liệu (từ tệp máy tính) .....	3-44
Trường dữ liệu (từ vị trí máy chủ) .....	3-46
POD (In Dữ liệu Trực tuyến) .....	3-49
<b>Tạo Nội dung bằng Thiết bị Android .....</b>	<b>3-51</b>
Văn bản tĩnh .....	3-51
Logo văn bản (văn bản chứa Hán tự và ký tự đặc biệt) .....	3-52
Mã vạch .....	3-53
Mã vạch động .....	3-54
Thời gian .....	3-56
Ngày tháng .....	3-57
Ngày hết hạn .....	3-58
Bộ đếm đơn .....	3-59
Bộ đếm Hộp/Lô .....	3-60
Mã Shift .....	3-61
Logo .....	3-62
<b>CÔNG CỤ THIẾT KẾ NỘI DUNG WEB .....</b>	<b>3-63</b>
Tạo nội dung .....	3-63
Xuất nội dung .....	3-63
In nội dung .....	3-65
<b>MỞ VÀ CHỈNH SỬA NỘI DUNG .....</b>	<b>3-66</b>
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	3-66
Sử dụng máy tính .....	3-67
Sử dụng thiết bị Android .....	3-68
<b>CHỈNH SỬA TRƯỜNG NỘI DUNG .....</b>	<b>3-69</b>
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	3-69
Sử dụng máy tính .....	3-69
Sử dụng thiết bị Android .....	3-69
<b>XÓA TRƯỜNG NỘI DUNG .....</b>	<b>3-70</b>
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	3-70
Sử dụng máy tính .....	3-70
Sử dụng thiết bị Android .....	3-70



## VẬN HÀNH

SAO CHÉP TRƯỜNG NỘI DUNG .....	3-71
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	3-71
Sử dụng máy tính .....	3-71
Sử dụng thiết bị Android .....	3-71
LƯU NỘI DUNG .....	3-72
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	3-72
Sử dụng máy tính .....	3-72
Sử dụng thiết bị Android .....	3-72
XÓA NỘI DUNG .....	3-73
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	3-73
Sử dụng máy tính .....	3-73
Sử dụng thiết bị Android .....	3-73
CẬP NHẬT LOGO .....	3-74
Sử dụng Bàn phím USB Không dây và Máy tính .....	3-74
Chuyển đổi Logo .....	3-74
Cập nhật logo .....	3-76
Sử dụng thiết bị Android .....	3-77
CẬP NHẬT VÀ TẠO CHUỖI .....	3-78
CẬP NHẬT VÀ TẠO CHUỖI TÙY CHỈNH .....	3-79
CÔNG CỤ TÍNH TOÁN CHI PHÍ MỤC .....	3-81

VẬN HÀNH

TRANG NÀY ĐƯỢC CỐ Ý ĐỂ TRỐNG

## KHỞI ĐỘNG

### Sử dụng bàn phím USB không dây



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

Để khởi động G20i bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Cắm đầu thu phát tín hiệu của bàn phím USB vào khe cắm bàn phím USB trên G20i.



- (2) Bật bàn phím lên, sử dụng công tắc bật/tắt phía sau bàn phím.



- (3) Lắp hộp mực vào G20i. Xem "[Lắp đặt Hộp mực](#)" trên trang 6-14.

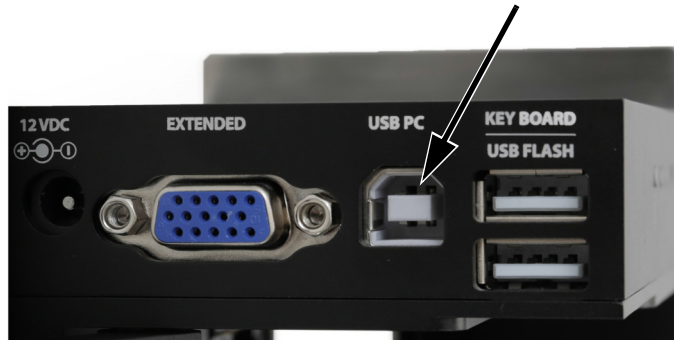
## Sử dụng máy tính



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

Để khởi động G20i bằng máy tính:

- (1) Kết nối máy tính với ổ cắm USB PC của G20i bằng dây cáp USB A-B.



- (2) Bật máy tính lên.
- (3) Cắm đầu thu phát tín hiệu của bàn phím USB vào khe cắm bàn phím USB trên G20i.



- (4) Bật bàn phím lên bằng công tắc bật/tắt phía sau bàn phím.



## VẬN HÀNH

- (5) Lắp hộp mực vào G20i. Xem [“Lắp đặt Hộp mực”](#) trên trang 6-14.
- (6) Từ trình đơn chính của máy in, tô sáng *Thao tác*.
- (7) Ấn nút *Enter*.
- (8) Tô sáng *Kết nối với máy tính*.
- (9) Ấn nút *Enter*.
- (10) Trên máy tính, mở phần mềm Domino G20i.

## Sử dụng thiết bị Android



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

Để khởi động máy in bằng thiết bị Android:

- (1) Cắm đầu thu phát tín hiệu của bàn phím USB vào khe cắm bàn phím USB trên G20i.



- (2) Bật bàn phím lên bằng công tắc bật/tắt phía sau bàn phím.



- (3) Lắp hộp mực vào G20i. Xem [“Lắp đặt Hộp mực”](#) trên trang 6-14.
- (4) Từ trình đơn chính của máy in, tô sáng *Thiết lập*.
- (5) Ấn nút *Enter*.
- (6) Tô sáng *Bluetooth*.
- (7) Ấn nút *Enter*.
- (8) Đảm bảo *Hoạt động* được chuyển thành *Kích hoạt*.
- (9) Bật Bluetooth trên thiết bị Android.
- (10) Mở ứng dụng Domino Printer G20i trên thiết bị Android.
- (11) Chọn *Máy in*.
- (12) Chọn *Tim kiếm* để tìm G20i.
- (13) Sau khi tìm thấy máy in G20i, tên của máy in sẽ hiện trên danh sách máy in.
- (14) Chọn tên của G20i.
- (15) Chọn *Kết nối*.

# TẮT MÁY

## Sử dụng bàn phím USB không dây



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

**THẬN TRỌNG:** Để ngăn hộp mực không bị khô, cần bảo quản hộp mực đúng cách. Xem [“Bảo quản Hộp mực”](#) trên trang 5-3.

Để tắt máy in bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính của máy in, tô sáng *Thao tác*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Ấn nút *Enter* để chọn *Dừng*.
- (4) Tắt bàn phím bằng công tắc bật/tắt phía sau bàn phím.



- (5) Tháo hộp mực và thay thế nắp hộp mực. Xem [“Bảo quản Hộp mực”](#) trên trang 5-3.

## Sử dụng máy tính

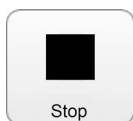


**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

**THẬN TRỌNG:** Để ngăn hộp mực không bị khô, cần bảo quản hộp mực đúng cách. Xem [“Bảo quản Hộp mực” trên trang 5-3](#).

Để tắt máy in bằng máy tính:

- (1) Mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Điều khiển máy in*.
- (3) Nhấp vào biểu tượng *Dừng* để dừng in.



- (4) Tháo hộp mực và thay thế nắp hộp mực. Xem [“Bảo quản Hộp mực” trên trang 5-3](#).



## Sử dụng thiết bị Android

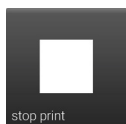


**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

**THẬN TRỌNG:** Để ngăn hộp mực không bị khô, cần bảo quản hộp mực đúng cách. Xem [“Bảo quản Hộp mực” trên trang 5-3](#).

Để tắt máy in bằng thiết bị Android:

- (1) Mở ứng dụng G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Dừng in*.



- (3) Tháo hộp mực và thay thế nắp hộp mực. Xem [“Bảo quản Hộp mực” trên trang 5-3](#).

## BẮT ĐẦU IN

### Sử dụng bàn phím USB không dây



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

Bắt đầu in bằng cách sử dụng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính của máy in, tô sáng *Thao tác*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Ấn nút *Enter* để chọn *Bắt đầu*.

### Sử dụng máy tính



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

Để bắt đầu in bằng cách sử dụng máy tính:

- (1) Trên máy tính, mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Điều khiển máy in*.
- (3) Nhấp vào biểu tượng *In* để bắt đầu in.



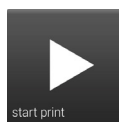
### Sử dụng thiết bị Android



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

Để bắt đầu in bằng cách sử dụng thiết bị Android:

- (1) Mở ứng dụng Domino Printer G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Bắt đầu in*.



## DỪNG IN

### Sử dụng bàn phím USB không dây



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

Ngừng in bằng cách sử dụng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính của máy in, tô sáng *Thao tác*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Ấn nút *Enter* để chọn *Dừng*.

### Sử dụng máy tính



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

Để ngừng in bằng cách sử dụng máy tính:

- (1) Mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Điều khiển máy in*.
- (3) Nhấp vào biểu tượng *Dừng* để dừng in.



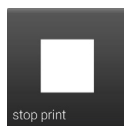
### Sử dụng thiết bị Android



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

Để dừng in bằng cách sử dụng thiết bị Android:

- (1) Mở ứng dụng G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Dừng in* để dừng in.



# TẢI VÀ IN NỘI DUNG

## Sử dụng bàn phím USB không dây



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

Để tải và in nội dung bằng Bàn phím USB Không dây:

- (1) Từ *trình đơn chính*, tô sáng *Nội dung*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Mở*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Tô sáng nội dung cần in.
- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Sử dụng*.
- (8) Ấn nút *Enter*.
- (9) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Thao tác*.
- (10) Ấn nút *Enter*.
- (11) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Bắt đầu*.
- (12) Ấn nút *Enter*.

## Sử dụng máy tính



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

*Chú ý:* Khi sử dụng máy tính, nội dung sẽ được lưu lại trên ổ cứng của máy tính. Nếu G20i bị ngắt kết nối với máy tính, nội dung sẽ không còn trong G20i để in.

Để tải và in nội dung bằng máy tính:

- (1) Mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Thiết kế*.
- (3) Nhấp vào biểu tượng *Mở*.



- (4) Điều hướng đến vị trí của tập tin nội dung được lưu và chọn tập tin.
- (5) Nhấp vào *Mở*.
- (6) Một cửa sổ mở ra thông báo cho bạn biết nội dung có được mở thành công hay không, nhấp *OK* để tiếp tục.
- (7) Mở trình đơn *Điều khiển máy in*.
- (8) Nhấp vào biểu tượng *In* để bắt đầu in nội dung.



## Sử dụng thiết bị Android



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

*Chú ý: Khi sử dụng thiết bị Android, chỉ các nội dung được tạo gần đây trên thiết bị Android mới có thể được chọn.*

Để tải và in nội dung bằng thiết bị Android:

- (1) Mở *Ứng dụng G20i* trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Nội dung*.
- (3) Chọn nội dung từ danh sách *Nội dung gần đây*.
- (4) Chọn *gửi*.

## TẠO NỘI DUNG

**Chú ý:** Cài đặt độ phân giải và mật độ in cao làm giảm tốc độ in và tiêu thụ nhiều mực, xem [trang 6-33](#).

### Tạo Nội dung bằng Bàn phím USB Không dây

**Chú ý:** Cần sử dụng chuỗi tùy chỉnh để chèn Hán tự hoặc các ký tự đặc biệt khác vào nội dung. Xem "[Chuỗi tùy chỉnh \(văn bản chứa Hán tự và ký tự đặc biệt\)](#)" trên [trang 3-29](#).

Tạo nội dung bằng cách sử dụng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính của máy in, di chuyển con trỏ để tô sáng *Nội dung*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Tạo mới*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Tô sáng *Phông chữ thường* hoặc *Phông chữ hoa*.
- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Tô sáng cỡ phông cần thiết và số dòng văn bản.

Cỡ phông	Dòng
12,7mm (0,50")	1
5,92mm (0,23")	2
3,83mm (0,17")	3
2,54mm (0,10")	4
1,69mm (0,07")	6

- (8) Ấn nút *Enter*.
- (9) Lúc này, bạn có thể sử dụng bàn phím để nhập văn bản tĩnh. Hoặc, ấn nút *Insert* để nhập các loại dữ liệu khác vào thiết kế nội dung.

## Mã vạch

Để đảm bảo duy trì chất lượng mã vạch đồng nhất, cần sử dụng bộ đo tốc độ trực để đo tốc độ dây chuyền sản xuất. Xem [“Kết nối bộ đo tốc độ trực” trên trang 6-27](#).

Để chèn mã vạch vào thiết kế nội dung:

- (1) Trong khi tạo nội dung mới, đặt con trỏ ở vị trí cần đặt mã vạch.

*Chú ý: Nếu in nhiều dòng văn bản, đặt con trỏ ở dòng dưới. Việc này đảm bảo mã vạch được in đầy đủ.*

- (2) Ấn nút *Insert* trên bàn phím.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Mã vạch*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Tính*.
- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Nhập thiết lập cần thiết:

Tên thiết lập	Giải thích
Loại	Chọn loại mã vạch: <ul style="list-style-type: none"> <li>• CODE 39</li> <li>• CODE 2/5</li> <li>• CODE 128</li> <li>• CODE 93</li> <li>• UPC-A</li> <li>• EAN</li> <li>• CODABAR</li> <li>• CODE 11</li> </ul>
Chiều rộng	Chọn chiều rộng mã vạch. Phạm vi: 1 - 4
Chiều cao	Chọn chiều cao mã vạch. Phạm vi: 1 - 3
Khoảng cách	Đặt khoảng cách ký tự văn bản có thể đọc được.
Văn bản	<i>Kích hoạt hoặc Vô hiệu hóa</i> văn bản có thể đọc được.
Giá trị	Nhập dữ liệu mã vạch.

- (8) Ấn nút *Enter*.



## Mã vạch động

Mã vạch động có chứa số đếm trong giá trị mã vạch.

Để chèn mã vạch động vào thiết bị nội dung:

- (1) Trong khi tạo nội dung mới, đặt con trỏ ở vị trí cần đặt mã vạch.

*Chú ý: Nếu in nhiều dòng văn bản, đặt con trỏ ở dòng dưới. Việc này đảm bảo mã vạch được in đầy đủ.*

- (2) Ấn nút *Insert* trên bàn phím.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Mã vạch*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Động*.
- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Nhập thiết lập cần thiết:

Tên thiết lập	Giải thích
Loại	Chọn loại mã vạch: <ul style="list-style-type: none"> <li>• CODE 39</li> <li>• CODE 2/5</li> <li>• CODE 128</li> <li>• CODE 93</li> <li>• UPC-A</li> <li>• EAN</li> <li>• CODABAR</li> <li>• CODE 11</li> </ul>
Chiều rộng	Chọn chiều rộng mã vạch. Phạm vi: 1 - 4
Chiều cao	Chọn chiều cao mã vạch. Phạm vi: 1 - 4
Khoảng cách	Đặt khoảng cách ký tự văn bản có thể đọc được.
Văn bản	Kích hoạt hoặc vô hiệu hóa văn bản có thể đọc được.
Tiền tố	Thêm văn bản sẽ xuất hiện ở đầu giá trị mã vạch động.
Số đếm	Thêm giá trị cho số đếm sẽ được sử dụng trong mã vạch.
Hậu tố	Nhập văn bản tĩnh sẽ xuất hiện sau số đếm trong mã vạch.

- (8) Ấn nút *Enter*.

## VẬN HÀNH

### Biểu tượng

Biểu tượng có trong bảng dưới đây có thể được thêm vào nội dung dưới dạng văn bản tĩnh bằng cách sử dụng bàn phím:

!	“	#	\$	%	‘	(	)	*	+	,	-	.	/	:	;	<
=	>	?	@	[	\	]	^	_	`	{		}	~			

Các biểu tượng bổ sung có trong bảng dưới đây có thể được thêm vào nội dung bằng cách chèn biểu tượng:

€	,	f	„	...	†	‡	^	‰	<	‘	’	“	”	•	-	—
~	™	>	ı	?	£	¤	¥	ı	§	”	©	ª	«	¬	®	-
°	±	²	³	´	µ	¶	·	¸	¹	º	»	¼	½	¾	¿	×
Ø	P	÷	ø	p	á	é	í	ó	ú	ü	ñ	à	À	Á	ã	Ã
ç	Ç	É	ê	Ê	Í	Ó	Ú	Ü	ä	å	æ	ë	ü	ß	ÿ	Ä
Å	Æ	Ë	Ö	â	è	î	ï	ô	œ	ù	û	Â	È	Ī	Ĭ	Ô
Œ	Ù	Û	ÿ	«	»											

Để chèn biểu tượng vào thiết kế nội dung:

- (1) Trong khi tạo nội dung mới, đặt con trỏ ở vị trí cần đặt biểu tượng.
- (2) Ấn nút *Insert* trên bàn phím.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Biểu tượng*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ để tô sáng biểu tượng cần dùng.
- (6) Ấn nút *Enter*.

## Logo

Bạn có thể lưu tới 4 logo trong bộ nhớ trong của máy in và có thể chèn các logo đó vào thiết kế nội dung.

Để cập nhật 4 logo đã lưu: Xem [“Cập nhật Logo” trên trang 3-74](#).

Để chèn logo vào thiết kế nội dung:

- (1) Trong khi tạo nội dung mới, đặt con trỏ ở vị trí cần đặt logo.

*Chú ý: Nếu in nhiều dòng văn bản, đặt con trỏ ở dòng dưới. Việc này đảm bảo logo được in đầy đủ.*

- (2) Ấn nút *Insert* trên bàn phím.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Logo*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ để tô sáng logo cần dùng.
- (6) Ấn nút *Enter*.

## Bộ đếm đơn

Bạn có thể chèn tới 6 bộ đếm khác nhau trong một nội dung.

Trong trường hợp bị mất điện, khi có điện trở lại, bộ đếm sẽ bắt đầu lại từ điểm bị tắt máy.

Để chèn bộ đếm đơn vào thiết kế nội dung:

- (1) Trong khi tạo nội dung mới, đặt con trỏ ở vị trí cần đặt bộ đếm.
- (2) Ấn nút *Insert* trên bàn phím.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Bộ đếm*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Đơn*.
- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Lúc này, bạn có thể cài đặt các thiết lập bộ đếm sau.

*Chú ý: (1) Sử dụng phím mũi tên để di chuyển con trỏ tới thiết lập mong muốn, và nhập giá trị mới.*

*(2) Ấn nút Enter sau khi mỗi thiết lập được thay đổi để áp dụng giá trị mới.*

Tên thiết lập	Giải thích
Bắt đầu	Nhập giá trị bắt đầu cho bộ đếm.
Hiện tại	Giá trị hiện tại của bộ đếm.
Đặt lại	Nhập giá trị đặt lại cho bộ đếm. Khi bộ đếm đạt đến giá trị này, nó sẽ trở về giá trị bắt đầu. Giá trị đặt lại tối đa là: 2.000.000.000.
Bước	Nhập số bước mà bộ đếm cần đếm. Ví dụ, nếu giá trị Bước được đặt là 5, bộ đếm sẽ đếm theo trình tự: 5, 10, 15, 20, v.v.. Giá trị bước tối đa là: 250.
Lên/Xuống	Chọn hướng đếm <i>Lên</i> hoặc <i>Xuống</i> .
Điền số không	Thêm các số không dẫn đầu khi bắt đầu bộ đếm.

(8) Tô sáng *Thêm bộ đếm ở đây*.

(9) Ấn nút *Enter*.

## Bộ đếm Hộp/Lô

Bộ đếm Hộp/Lô là bộ đếm kép có thể được sử dụng để in số hộp và số lô.

Trong trường hợp bị mất điện, bộ đếm hộp/lô sẽ tiếp tục đếm từ giá trị tại thời điểm có điện trở lại.

Để chèn bộ đếm hộp/lô vào thiết kế nội dung:

- (1) Trong khi tạo nội dung mới, đặt con trỏ ở vị trí cần đặt bộ đếm hộp/lô.
- (2) Ấn nút *Insert* trên bàn phím.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Bộ đếm*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Hộp/Lô*.
- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Bộ đếm 1*.
- (8) Ấn nút *Enter*.
- (9) Lúc này, bạn có thể cài đặt các thiết lập sau đây cho nửa đầu của bộ đếm hộp/lô:

*Chú ý: (1) Sử dụng phím mũi tên để di chuyển con trỏ tới thiết lập mong muốn, và nhập giá trị mới.*

*(2) Ấn nút *Enter* sau khi mỗi thiết lập được thay đổi để áp dụng giá trị mới.*

Tên thiết lập	Giải thích
Bắt đầu	Nhập giá trị bắt đầu cho bộ đếm.
Hiện tại	Giá trị hiện tại của bộ đếm.
Đặt lại	Nhập giá trị đặt lại cho bộ đếm. Khi bộ đếm đạt đến giá trị này, nó sẽ trở về giá trị bắt đầu. Giá trị đặt lại tối đa là: 2.000.000.000.
Bước	Nhập số bước mà bộ đếm cần đếm. Ví dụ, nếu giá trị Bước được đặt là 5, bộ đếm sẽ đếm theo trình tự: 5, 10, 15, 20, v.v.. Giá trị bước tối đa là: 250.
Lên/Xuống	Chọn hướng đếm <i>Lên</i> hoặc <i>Xuống</i> .
Điền số không	Thêm các số không dẫn đầu khi bắt đầu bộ đếm.

(10) Tô sáng *Thêm bộ đếm ở đây*.

(11) Ấn nút *Enter*.

(12) Ấn nút *Insert* trên bàn phím.

(13) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Bộ đếm*.

## VẬN HÀNH

- (14) Ấn nút *Enter*.
- (15) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Hộp/Lô*.
- (16) Ấn nút *Enter*.
- (17) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Bộ đếm2*.
- (18) Ấn nút *Enter*.
- (19) Lúc này, bạn có thể cài đặt các thiết lập sau đây cho nửa sau của bộ đếm hộp/lô.
- (20) Tô sáng *Thêm bộ đếm ở đây*.
- (21) Ấn nút *Enter*.

## Ngày tháng

**Chú ý:** Đồng hồ hệ thống của máy in phải được thiết lập để in giá trị ngày tháng chính xác. Xem [“Thiết lập Đồng hồ Hệ thống” trên trang 6-34](#).

Để chèn ngày tháng hiện tại vào thiết kế nội dung:

- (1) Trong khi tạo nội dung mới, đặt con trỏ ở vị trí cần đặt giá trị ngày tháng.
- (2) Ấn nút *Insert* trên bàn phím.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Ngày tháng*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Nhập định dạng ngày tháng cần thiết vào ô văn bản *Định dạng*:

<b>Định dạng ngày</b>	<b>Giải thích</b>
d hoặc D	Ngày trong tháng từ 1 đến 31.
dd hoặc DD	Ngày trong tháng, từ 01 đến 31.
M	Tháng, từ 1 đến 12.
MM	Tháng, từ 01 đến 12.
MMM	Tên viết tắt của tháng. Ví dụ: T1, T2, T3, v.v..
YY	Năm, từ 00 đến 99.
YYYY	Năm dưới dạng 4 chữ số.
JJJ	Ngày dưới dạng 3 chữ số ngày Julius. Ví dụ: Ngày 01 tháng Một = 001
/ - . SPACE	Dấu phân cách ngày.

- (6) Ấn nút *Enter* để xác nhận định dạng ngày tháng.

## Ngày hết hạn

**Chú ý:** Đồng hồ hệ thống của máy in phải được thiết lập để in giá trị ngày hết hạn chính xác. Xem [“Thiết lập Đồng hồ Hệ thống” trên trang 6-34](#).

Để chèn ngày hết hạn vào thiết kế nội dung:

- (1) Trong khi tạo nội dung mới, đặt con trỏ ở vị trí cần đặt giá trị ngày hết hạn.
- (2) Ấn nút *Insert* trên bàn phím.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Hết hạn*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Nhập định dạng ngày tháng cần thiết vào ô văn bản *Định dạng*:

<b>Định dạng ngày</b>	<b>Giải thích</b>
d hoặc D	Ngày trong tháng từ 1 đến 31.
dd hoặc DD	Ngày trong tháng, từ 01 đến 31.
M	Tháng, từ 1 đến 12.
MM	Tháng, từ 01 đến 12.
MMM	Tên viết tắt của tháng. Ví dụ: T1, T2, T3, v.v..
YY	Năm, từ 00 đến 99.
YYYY	Năm dưới dạng 4 chữ số.
JJJ	Ngày dưới dạng 3 chữ số ngày Julius. Ví dụ: Ngày 01 tháng Một = 001
/ - . _   SPACE	Dấu phân cách ngày.

- (6) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Đơn vị*.
- (7) Chọn thời gian đo lường giữa ngày sản xuất và ngày hết hạn được tính theo ngày, tháng hay năm.
- (8) Di chuyển con trỏ để tô sáng giá trị *Hết hạn*.
- (9) Nhập số ngày, số tháng hoặc số năm từ ngày sản xuất cho đến ngày hết hạn.
- (10) Ấn nút *Enter*.



## Thời gian

**Chú ý:** Đồng hồ hệ thống của máy in phải được thiết lập để in giá trị thời gian chính xác. Xem “**Thiết lập Đồng hồ Hệ thống**” trên trang 6-34.

Để chèn thời gian hiện tại vào thiết kế nội dung:

- (1) Trong khi tạo nội dung mới, đặt con trỏ ở vị trí cần đặt giá trị thời gian.
- (2) Ấn nút *Insert* trên bàn phím.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Thời gian*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Nhập định dạng thời gian cần thiết vào ô văn bản *Định dạng*:

<b>Ký tự định dạng thời gian</b>	<b>Giải thích</b>
s hoặc ss	Hiển thị số giây từ 0 đến 59.
m hoặc mm	Hiển thị số phút từ 0 đến 59.
h	Hiển thị số giờ từ 1 đến 12.
hh	Hiển thị số giờ từ 01 đến 12.
H	Hiển thị số giờ từ 1 đến 24.
HH	Hiển thị số giờ từ 01 đến 24.
tt	Hiển thị SA hoặc CH.

- (6) Ấn nút *Enter*.

## Chuỗi

Chuỗi là chuỗi văn bản được lưu trong bộ nhớ trong của máy in và có thể chèn vào thiết kế nội dung.

Bạn có thể tạo và lưu đến 5 chuỗi trong bộ nhớ trong của máy in.

Chuỗi có thể chứa tới 50 ký tự.

**Chú ý:** Để tạo và cập nhật chuỗi: Xem "[Cập nhật và Tạo Chuỗi](#)" trên [trang 3-78](#).

Để chèn chuỗi vào thiết kế nội dung:

- (1) Trong khi tạo nội dung mới, đặt con trỏ ở vị trí cần đặt chuỗi.
- (2) Ấn nút *Insert* trên bàn phím.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Chuỗi*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ để tô sáng chuỗi cần dùng.
- (6) Ấn nút *Enter*.

## **Chuỗi tùy chỉnh (văn bản chứa Hán tự và ký tự đặc biệt)**

Chuỗi tùy chỉnh là chuỗi văn bản có thể chứa Hán tự và các ký tự đặc biệt khác. Sau khi tạo và lưu chuỗi tùy chỉnh, bạn có thể chọn và chèn chuỗi tùy chỉnh đó vào thiết kế nội dung.

Bạn có thể tạo và lưu đến 20 chuỗi tùy chỉnh trong bộ nhớ trong của máy in.

*Chú ý:* Để tạo và cập nhật chuỗi tùy chỉnh: Xem "[Cập nhật và Tạo Chuỗi Tùy chỉnh](#)" trên trang 3-79.

Để chèn chuỗi tùy chỉnh vào thiết kế nội dung:

- (1) Trong khi tạo nội dung mới, đặt con trỏ ở vị trí cần đặt chuỗi tùy chỉnh.
- (2) Ấn nút *Insert* trên bàn phím.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Chuỗi tùy chỉnh*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ để tô sáng chuỗi tùy chỉnh cần dùng.
- (6) Ấn nút *Enter*.

## Mã Shift

Để chèn mã shift vào thiết kế mẫu nội dung:

- (1) Trong khi tạo nội dung mới, đặt con trỏ ở vị trí cần đặt mã shift.
- (2) Ấn nút *Insert* trên bàn phím.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Mã Shift*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Nhập thiết lập cần thiết:

Tên thiết lập	Giải thích
Mã	Nhập tên ca làm việc. Tối đa 2 ký tự.
Thời gian	Nhập thời gian bắt đầu ca làm việc.

- (6) Ấn nút *Enter*.

## Tạo nội dung bằng Máy tính

*Chú ý: Máy tính cá nhân và G20i phải luôn được kết nối với nhau để in nội dung được tạo trên máy tính. Lý do là vì nội dung được tạo trên máy tính được lưu trên ổ cứng của máy tính.*

Tạo nội dung mới bằng máy tính:

- (1) Trên máy tính, mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Nhấp vào trình đơn *Thiết kế* trên thanh công cụ.
- (3) Nhấp vào biểu tượng *Mẫu mới*.



- (4) Các thiết lập mẫu nội dung sau phải được xác định:

Tên thiết lập	Giải thích
Tên	Nhập tên cho mẫu nội dung.
Chiều rộng	Nhập chiều rộng cho nội dung. Bạn có thể sử dụng hộp dạng thả xuống để thay đổi đơn vị đo giữa centimet, milimet, inch và pixel.
Chiều cao	Nhập chiều cao cho nội dung. Bạn có thể sử dụng hộp dạng thả xuống để thay đổi đơn vị đo giữa centimet, milimet, inch và pixel.
Hiển thị Đường lưới	Tích vào ô chọn <i>Hiển thị đường lưới</i> để hiển thị đường lưới trong cửa sổ thiết kế mẫu nội dung.

- (5) Nhấp *OK*.

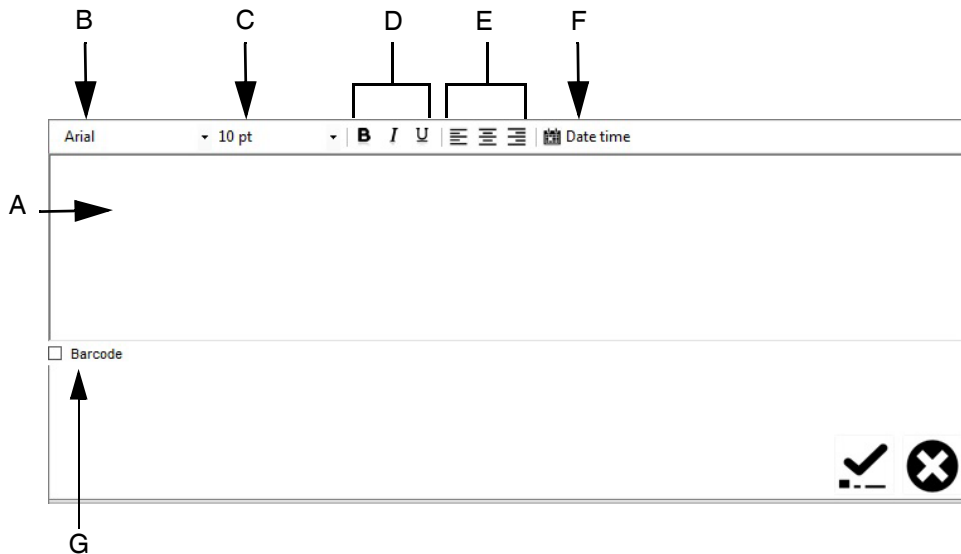
## Văn bản tĩnh

Để chèn văn bản tĩnh vào thiết kế nội dung:

- (1) Nhấp vào biểu tượng *Văn bản tĩnh*.



- (2) Trong vùng thiết kế, nhấp vào vị trí cần đặt văn bản tĩnh.
- (3) Lúc này, cửa sổ thiết kế *Văn bản tĩnh* mở ra, bạn có thể cài đặt các thiết lập sau:



Cửa sổ Thiết kế Văn bản tĩnh

	Giải thích
A	Vùng nhập dữ liệu văn bản tĩnh.
B	Chọn loại phông chữ.
C	Chọn cỡ phông chữ.
D	Chọn phông <i>Đậm</i> , <i>Nghiêng</i> hoặc <i>Gạch dưới</i> .
E	Căn chỉnh ngang cho văn bản.
F	Các thiết lập thêm <i>Ngày tháng</i> , <i>Thời gian</i> hoặc <i>Ngày hết hạn</i> .
G	Tích vào ô chọn <i>Mã vạch</i> để chuyển các dữ liệu văn bản tĩnh vào mã vạch. Xem " <a href="#">Mã vạch</a> " trên trang 3-33.

- (4) Nhấp vào biểu tượng *Dấu tick* để xác nhận thiết lập.

## Mã vạch

Để đảm bảo duy trì chất lượng mã vạch đồng nhất, cần sử dụng bộ đo tốc độ trục để đo tốc độ dây chuyền sản xuất. Xem [“Kết nối bộ đo tốc độ trục” trên trang 6-27](#).

Để chèn mã vạch vào thiết kế nội dung:

- (1) Nhấp vào biểu tượng *Văn bản tĩnh*.



- (2) Nhấp vào vùng thiết kế nội dung cần thêm mã vạch, để mở cửa sổ *Văn bản tĩnh*.
- (3) Nhấp vào vùng thiết kế văn bản tĩnh và nhập dữ liệu mã vạch.
- (4) Tích vào ô chọn *Mã vạch*.
- (5) Lúc này, cửa sổ *Mã vạch* sẽ xuất hiện. Sử dụng trình đơn thả xuống *Loại mã vạch* để chọn một trong các loại mã vạch khả dụng:

Loại mã vạch		
Australian Post Customer	Australian Post Customer 2	Australian Post Customer 3
Australian Post Redirection	Australian Post Reply Paid	Australian Post Routing
Aztec	Brazilian CEPNet	CODABAR 2 Widths
CODEBLOCK F	CODE 11	CODE 128
CODE 128 Subset A	CODE 128 Subset B	CODE 128 Subset C
CODE 2 OF 5 DataLogic	CODE 2 OF 5 IATA	CODE 2 OF 5 Industry
CODE 2 OF 5 Interleaved	CODE 2 OF 5 Matrix	CODE 2 OF 5 Standard
CODE 32	CODE 39	CODE 39 Full ASCII
CODE 93	CODE 93 Full ASCII	DAFT Code
DataMatrix	Deutsche Post Identcode	Deutsche Post Leitcode
DotCode	DPD	EAN 13
EAN 13 2 Digits	EAN 13 5 Digits	EAN 14 GTIN14
EAN 8	EAN 8 2 Digits	EAN 8 5 Digits
EAN UCC 128	FIM	Flattermarken

VẬN HÀNH

Loại mã vạch		
GS1 128	GS1 DataBar Expanded	GS1 DataBar Expanded Stacked
GS1 DataBar Limited	GS1 DataBar RSS14	GS1 DataBar Stacked
GS1 DataBar Stacked Omni Directional	GS1 DataBar Truncated	Han Xin
HIBC LIC 128	HIBC LIC 3Of9	HIBC LIC CODABLOCK F
HIBC LIC DataMatrix	HIBC LIC MPDF417	HIBC LIC PDF417
HIBC LIC QRCode	HIBC PAS 128	HIBC PAS 3Of9
HIBC PAS CODABLOCK F	HIBC PAS DataMatrix	HIBC PAS MPDF417
HIBC PAS PDF417	HIBC PAS QRCode	ISBN 13
ISBN 13 5 Digits	ISMN	ISSN
ISSN 2 Digits	Italian Postal 2Of5	Italian Postal 3Of9
ITF14	Japanese Postal	KIX
Korean Postal Authority	Logmars	MaxiCode
Micro PDF417	Micro QRCode	MSI
NVE18	PDF417	PDF417 Truncated
Pharma Zentralnummer 7	Pharma Zentralnummer 8	Pharmacode One Track
Pharmacode Two Track	Planet 12	Planet 14
Plessey	Plessey Bidirectional	QRCode
QRCode 2005	Reversed 1	Royal Mail 4 State RM4Scc
SSCC 18	Swedish Postal Shipment Item ID	Telepen
TelepenAlpha	UCC 128	UPC 12
UPC A	UPC A 2 Digits	UPC A 5 Digits



VẬN HÀNH

Loại mã vạch		
UPC E		UPC E 5 Digits
USPS Intelligent Mail	USPS Intelligent Mail Package	USPS Postnet 10 ZIP 4 CD
USPS Postnet 11 ZIP 4 2	USPS Postnet 12 ZIP 4 2 CD	USPS Postnet 5 ZIP
USPS Postnet 6 ZIP CD	USPS Postnet 9 ZIP 4	Mã số Nhận diện Xe

- (6) Sử dụng thiết lập trong cửa sổ *Mã vạch* để xác định bề ngoài của mã vạch.
- (7) Nhấp vào biểu tượng *Dấu tick* để xác nhận thiết lập.

## Mã vạch động

Mã vạch động có chứa số đếm trong giá trị mã vạch.

Để chèn mã vạch động vào thiết bị nội dung:

- (1) Nhấp biểu tượng *Số sê-ri*.

123

- (2) Nhấp vào vùng thiết kế nội dung cần thêm mã vạch động.
- (3) Lúc này, cửa sổ *Số sê-ri* sẽ xuất hiện. Sử dụng thiết lập trong cửa sổ *Số sê-ri* để xác định giá trị mã vạch động:

Tên thiết lập	Giải thích
Tăng từ	Để tăng dần giá trị mã vạch động, nhập giá trị mã vạch động mà bạn muốn bắt đầu tăng từ mã đó.
Giảm từ	Để giảm dần giá trị mã vạch động, nhập giá trị mã vạch động mà bạn muốn bắt đầu giảm từ mã đó.
Bước	Nhập số bước mà mã vạch động cần đếm. Ví dụ, nếu giá trị <i>Bước</i> được đặt là 5, giá trị mã vạch động sẽ đếm theo trình tự: 5, 10, 15, 20, v.v..
Lặp lại	Nhập số lần giá trị mã vạch động được lặp lại. Ví dụ, nếu giá trị <i>Lặp lại</i> được đặt là 5, giá trị mã vạch động sẽ đếm theo trình tự: 11111, 22222, 33333, 44444, v.v..
Đặt lại	Nhập giá trị khôi phục cho giá trị mã vạch động. Khi giá trị mã vạch động đạt đến giá trị khôi phục, nó sẽ được khôi phục về giá trị <i>Tăng từ</i> hoặc <i>Giảm từ</i> .
Phông chữ	Chọn phông chữ cho văn bản có thể đọc được.
Cỡ chữ	Chọn cỡ chữ cho văn bản có thể đọc được.
Độ dài số tối thiểu	Tích vào ô chọn <i>Độ dài số tối thiểu</i> để quy định độ dài tối thiểu cho giá trị mã vạch động.

## VẬN HÀNH

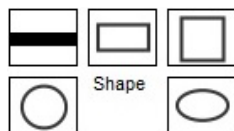
<b>Tên thiết lập</b>	<b>Giải thích</b>
Thêm số không vào đầu	Thêm số không vào đầu giá trị mã vạch động.
Thêm dấu cách vào đầu	Thêm dấu cách vào đầu giá trị mã vạch động.
Tiền tố	Thêm văn bản sẽ xuất hiện ở đầu giá trị mã vạch động.
Hậu tố	Thêm văn bản sẽ xuất hiện ở phía cuối giá trị mã vạch động.

- (4) Tích vào ô chọn *Mã vạch*.
- (5) Lúc này, cửa sổ *Mã vạch* sẽ xuất hiện. Sử dụng thiết lập trong cửa sổ *Mã vạch* để xác định loại và bề ngoài của mã vạch.
- (6) Nhấp vào biểu tượng *Dấu tick* để xác nhận thiết lập.

## Hình dạng

Để chèn hình vào thiết kế nội dung:

- (1) Nhấp vào biểu tượng *Hình dạng*.




- (2) Chọn *Đường thẳng*, *Hình chữ nhật*, *Hình vuông*, *Hình tròn* hoặc *Hình bầu dục*.
- (3) Nhấp vào vùng thiết kế nội dung cần thêm hình.
- (4) Nhấp chuột trái vào hình để định cỡ hoặc kéo hình vào vị trí khác.
- (5) Nhấp đúp vào hình để thay đổi thuộc tính của hình.
- (6) Chọn biểu tượng *Dấu tick* để xác nhận thiết lập và quay trở lại màn hình *Thiết kế*.

## Ảnh

Để chèn ảnh vào thiết kế nội dung:

- (1) Nhấp vào biểu tượng *Ảnh*.



- (2) Nhấp vào vùng thiết kế nội dung cần thêm ảnh.
- (3) Chọn biểu tượng  để tìm kiếm và chọn tập tin ảnh cần dùng.
- (4) Điều chỉnh giá trị *Ngưỡng* và chọn *Xem trước*, cho tới khi chất lượng ảnh được chuyển đổi có thể chấp nhận được.
- (5) Chọn biểu tượng *Dấu tick* để xác nhận thiết lập và quay trở lại màn hình thiết kế.

## Số sê-ri

Để chèn số sê-ri vào thiết kế nội dung:

- (1) Nhấp biểu tượng *Số sê-ri*.

123

- (2) Nhấp vào vùng thiết kế nội dung cần thêm số sê-ri.  
 (3) Lúc này, cửa sổ *Số sê-ri* sẽ xuất hiện. Sử dụng thiết lập trong cửa sổ *Số sê-ri* để xác định giá trị số sê-ri:

Tên thiết lập	Giải thích
Tăng từ	Để tăng dần số sê-ri, nhập giá trị số sê-ri mà bạn muốn bắt đầu tăng từ số đó.
Giảm từ	Để giảm dần số sê-ri, nhập giá trị số sê-ri mà bạn muốn bắt đầu giảm từ số đó.
Bước	Nhập số bước mà số sê-ri cần đếm. Ví dụ, nếu giá trị <i>Bước</i> được đặt là 5, số sê-ri sẽ đếm theo trình tự: 5, 10, 15, 20, v.v..
Lặp lại	Nhập số lần số sê-ri được lặp lại. Ví dụ, nếu giá trị <i>Lặp lại</i> được đặt là 5, số sê-ri sẽ đếm theo trình tự: 11111, 22222, 33333, 44444, v.v..
Đặt lại	Nhập giá trị khôi phục cho số sê-ri. Khi số sê-ri đạt đến giá trị này, nó sẽ được khôi phục về giá trị <i>Tăng từ</i> hoặc <i>Giảm từ</i> .
Phông chữ	Chọn loại phông chữ.
Cỡ chữ	Chọn cỡ phông chữ.
Độ dài số tối thiểu	Tích vào ô chọn <i>Độ dài số tối thiểu</i> để xác định độ dài tối thiểu của ký tự trong số sê-ri.
Thêm số không vào đầu	Thêm số không vào đầu số sê-ri.
Thêm dấu cách vào đầu	Thêm dấu cách vào đầu số sê-ri.
Tiền tố	Thêm văn bản sẽ xuất hiện ở đầu số sê-ri.
Hậu tố	Thêm văn bản sẽ xuất hiện ở cuối số sê-ri.

- (4) Chọn biểu tượng *Dấu tick* để xác nhận thiết lập và quay trở lại màn hình thiết kế.

## Ngày / Giờ

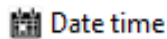
**Chú ý:** Đồng hồ hệ thống của máy in phải được thiết lập để in giá trị ngày/tháng chính xác. Xem [“Thiết lập Đồng hồ Hệ thống” trên trang 6-34](#).

Để chèn ngày hiện tại hoặc giờ hiện tại vào thiết kế nội dung:

- (1) Nhấp vào biểu tượng *Văn bản tĩnh*.



- (2) Trong vùng thiết kế, nhấp vào vị trí cần đặt ngày hoặc giờ.
- (3) Nhấp vào biểu tượng *Ngày giờ*.



- (4) Chọn định dạng ngày hoặc giờ, hoặc nhập định dạng tùy chỉnh vào ô văn bản *Tùy chỉnh*.

**Chú ý:** Bản xem trước ngày hoặc giờ sẽ hiển thị phía dưới tiêu đề Ví dụ.

- (5) Nhấp OK.
- (6) Nhấp vào biểu tượng *Dấu tick* để xác nhận thiết lập.

## Ngày hết hạn

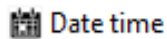
**Chú ý:** Đồng hồ hệ thống của máy in phải được thiết lập để in giá trị ngày hết hạn chính xác. Xem ["Thiết lập Đồng hồ Hệ thống" trên trang 6-34](#).

Để chèn ngày hết hạn vào thiết kế nội dung:

- (1) Nhấp vào biểu tượng *Văn bản tĩnh*.



- (2) Trong vùng thiết kế, nhấp vào vị trí cần đặt ngày hết hạn.
- (3) Nhấp vào biểu tượng *Ngày giờ*.



- (4) Chọn định dạng ngày, hoặc nhập định dạng tùy chỉnh vào ô văn bản *Tùy chỉnh*.

**Chú ý:** *Bản xem trước ngày sẽ hiển thị phía dưới tiêu đề Ví dụ.*

- (5) Nhập số ngày tới ngày hết hạn trong ô văn bản *Hết hạn*.
- (6) Nhấp *OK*.
- (7) Nhấp vào biểu tượng *Dấu tick* để xác nhận thiết lập.



## Mã Shift

Để chèn mã shift vào thiết kế mẫu nội dung:

- (1) Nhấp vào biểu tượng *Mã Shift*.



- (2) Trong vùng thiết kế, nhấp vào vị trí cần đặt mã shift.
- (3) Lúc này, cửa sổ Tùy chọn Mã Shift xuất hiện. Bạn có thể xác định kiểu phông, cỡ phông, văn bản đậm, nghiêng hoặc gạch chân trong thanh công cụ.
- (4) Nhập mã shift cần thiết vào từng ô văn bản *Mã Shift*.
- (5) Nhập ngày bắt đầu mỗi ca bằng cách sử dụng đồng hồ dạng 24 giờ.
- (6) Chọn biểu tượng *Dấu tick* để xác nhận thiết lập và quay trở lại màn hình *Thiết kế*.

## Trường dữ liệu (từ tệp máy tính)

*Chú ý: Để dùng tính năng này, máy in phải kết nối liên tục với máy tính qua phần mềm G20i PC.*

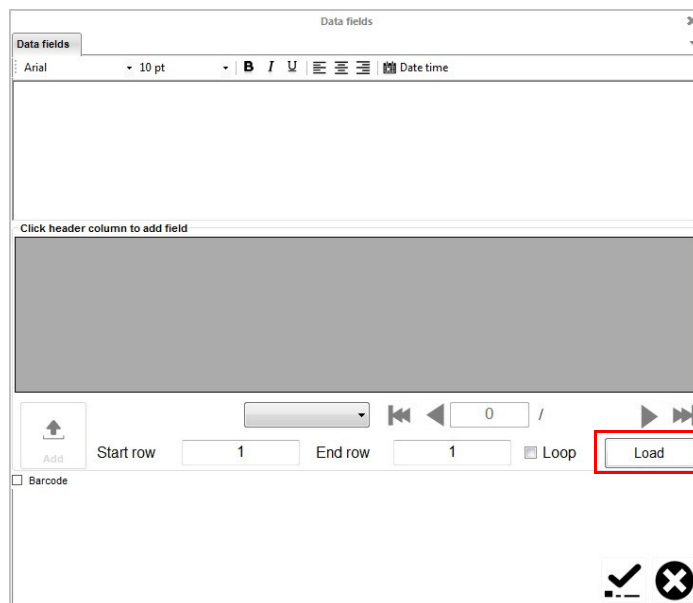
Trường dữ liệu cho phép in thông tin từ một tệp cơ sở dữ liệu (Văn bản, Excel, CSV hay Access) trên máy tính hoặc trên máy chủ. Có thể in dữ liệu dưới dạng bản bản hoặc theo định dạng mã vạch.

Để chèn một trường dữ liệu vào thiết kế nội dung dùng tệp cơ sở dữ liệu trên máy tính:

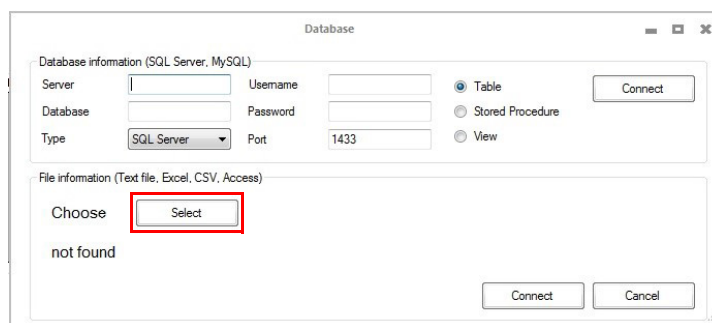
- (1) Bấm vào biểu tượng *Trường dữ liệu*.



- (2) Trong vùng thiết kế, nhấp vào vị trí cần đặt trường dữ liệu.
- (3) Bấm vào *Tải*.



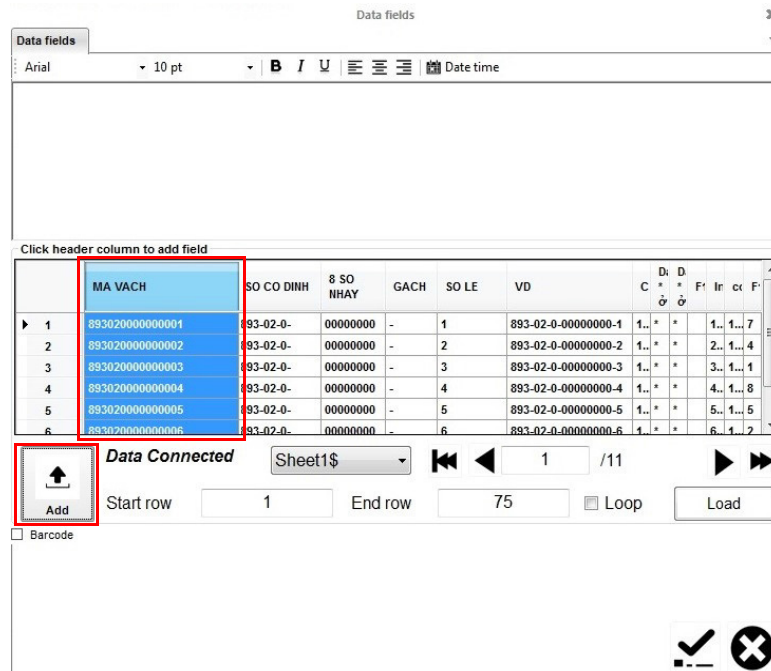
- (4) Bấm vào *Chọn*.



- (5) Chọn tệp cơ sở dữ liệu.
- (6) Bấm vào *Kết nối*.

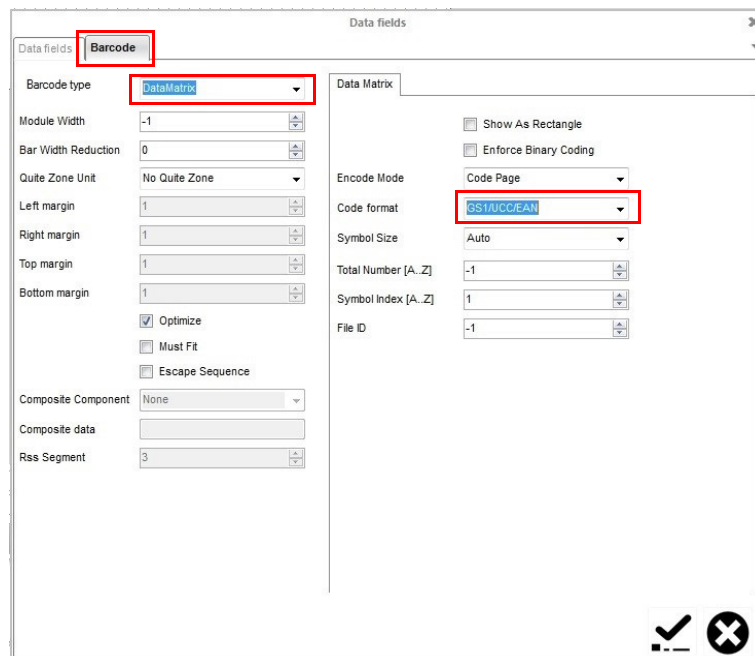
## VẬN HÀNH

(7) Chọn tiêu đề cột có dữ liệu cần in và bấm vào *Thêm*.



(8) Để in dữ liệu theo định dạng mã vạch, tích chọn ô *Mã vạch*, bấm vào thẻ *Mã vạch* và xác định cài đặt mã vạch.

*Chú ý:* Đối với các mã vạch ma trận dữ liệu, chọn *Tương thích GS1* và nhập số nhận dạng ứng dụng hoặc dữ liệu trước mỗi trường dữ liệu.



(9) Chọn biểu tượng *Dấu tích* để xác nhận cài đặt và quay trở lại màn hình *Thiết kế*.

## Trường dữ liệu (từ vị trí máy chủ)

*Chú ý: Để dùng tính năng này, máy in phải kết nối liên tục với máy tính qua phần mềm G20i PC.*

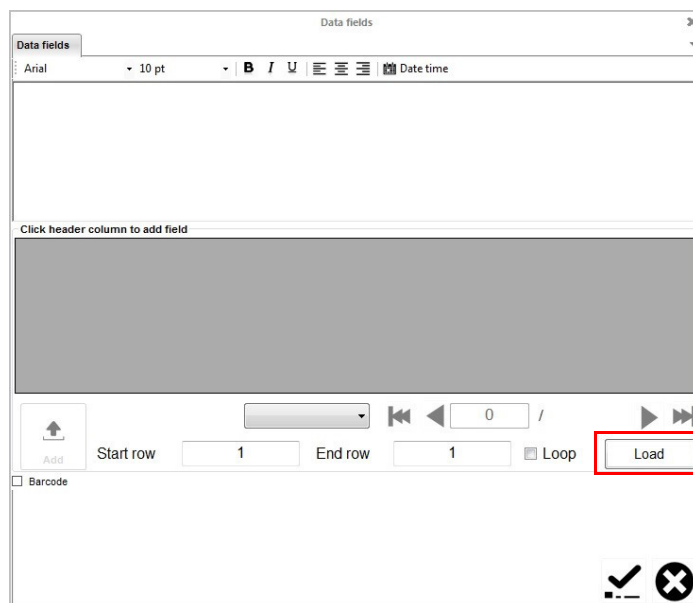
Trường dữ liệu cho phép in thông tin từ một tệp cơ sở dữ liệu (Văn bản, Excel, CSV hay Access) trên máy tính hoặc trên máy chủ. Có thể in dữ liệu dưới dạng bản bản hoặc theo định dạng mã vạch.

Để chèn một trường dữ liệu vào thiết kế nội dung dùng tệp cơ sở dữ liệu trên máy chủ:

- (1) Bấm vào biểu tượng *Trường dữ liệu*.



- (2) Trong vùng thiết kế, nhấp vào vị trí cần đặt đối tượng trường dữ liệu.
- (3) Bấm vào *Tải*.



## VẬN HÀNH

- (4) Nhập tên máy chủ, tên cơ sở dữ liệu, tên người dùng và mật khẩu của máy chủ.

Database

Database information (SQL Server, MySQL)

Server: [ ] Username: [ ]  
Database: [ ] Password: [ ]  
Type: SQL Server Port: 1433

File information (Text file, Excel, CSV, Access)

Choose [Select] not found

Connect Cancel

- (5) Bấm vào *Kết nối*.

Database

Database information (SQL Server, MySQL)

Server: [ ] Username: [ ]  
Database: [ ] Password: [ ]  
Type: SQL Server Port: 1433

File information (Text file, Excel, CSV, Access)

Choose [Select] not found

Connect Cancel

- (6) Chọn tiêu đề cột có dữ liệu cần in và bấm vào *Thêm*.

Data fields

Arial 10 pt B I U [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] Date time

Click header column to add field

	MA VACH	SỐ CỘ ĐINH	8 SỐ NHẢY	GẠCH	SỐ LỀ	VD	C	D	F	Ir	c	F
1	893020000000001	893-02-0-	00000000	-	1	893-02-0-00000000-1	1..*	*				1.. 7
2	893020000000002	893-02-0-	00000000	-	2	893-02-0-00000000-2	1..*	*				2.. 1.. 4
3	893020000000003	893-02-0-	00000000	-	3	893-02-0-00000000-3	1..*	*				3.. 1.. 1
4	893020000000004	893-02-0-	00000000	-	4	893-02-0-00000000-4	1..*	*				4.. 1.. 8
5	893020000000005	893-02-0-	00000000	-	5	893-02-0-00000000-5	1..*	*				5.. 1.. 5
6	893020000000006	893-02-0-	00000000	-	6	893-02-0-00000000-6	1..*	*				6.. 1.. 2

Data Connected Sheet1\$ 1 /11

Add Start row 1 End row 75 Loop Load

Barcode

✓ ✕

## VẬN HÀNH

- (7) Để in dữ liệu theo định dạng mã vạch, tích chọn ô *Mã vạch*, bấm vào thẻ *Mã vạch* và xác định cài đặt mã vạch.

**Chú ý:** Đối với các mã vạch ma trận dữ liệu, chọn *Tương thích GS1* và nhập số nhận dạng ứng dụng hoặc dữ liệu trước mỗi trường dữ liệu.

The screenshot shows the 'Data fields' dialog box with the 'Barcode' tab selected. The 'Barcode type' dropdown is set to 'DataMatrix'. The 'Code format' dropdown is set to 'GS1UCC/EAN'. The 'Data Matrix' section includes options for 'Show As Rectangle', 'Enforce Binary Coding', 'Encode Mode', 'Code Page', 'Code format', 'Symbol Size', 'Total Number [A..Z]', 'Symbol Index [A..Z]', and 'File ID'. The 'Code format' dropdown is highlighted with a red box.

- (8) Chọn biểu tượng *Dấu tích* để xác nhận cài đặt và quay trở lại màn hình *Thiết kế*.

## POD (In Dữ liệu Trực tuyến)

**Chú ý:** Để dùng tính năng này, máy in phải kết nối liên tục với máy tính qua phần mềm G20i PC.

Đối tượng POD cho phép truyền tới máy in và in dữ liệu từ một thiết bị quét mã vạch hoặc một thiết bị khác trên mạng lưới. Đối tượng POD có thể chứa tối đa 20 mục dữ liệu có thể in được. Có thể in dữ liệu dưới dạng bản bản hoặc theo định dạng mã vạch.

**Chú ý:** Trước khi chèn một đối tượng POD, hãy xác định nguồn dữ liệu, xem [trang 6-54](#).

Để chèn một đối tượng POD vào thiết kế nội dung:

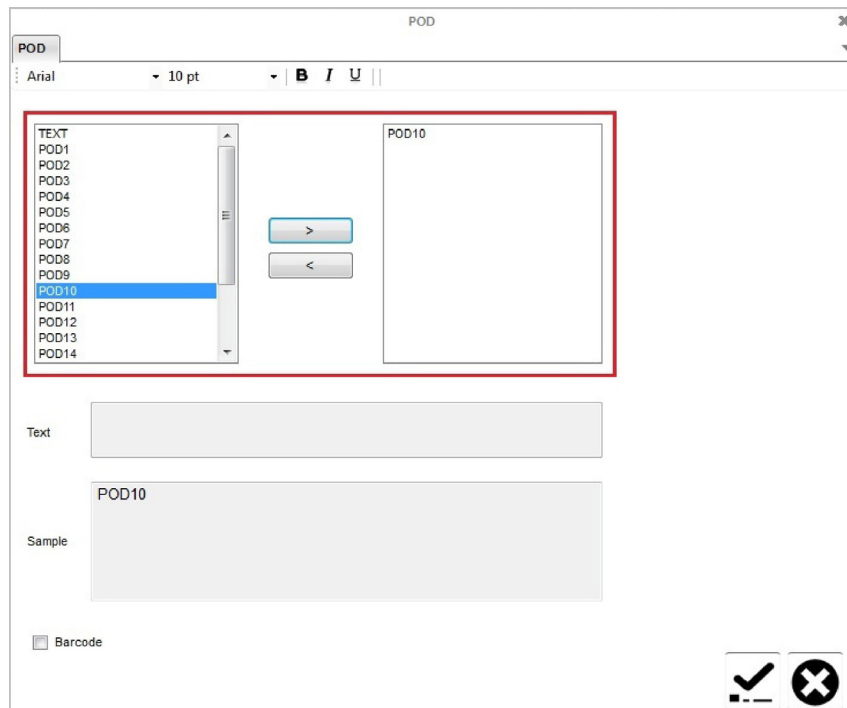
- (1) Bấm vào biểu tượng POD.



- (2) Trong vùng thiết kế, nhấp vào vị trí cần đặt đối tượng POD.
- (3) Chọn riêng từng mục dữ liệu (POD) ở cột bên trái và bấm vào biểu tượng > để bố trí cách hiển thị đối tượng POD ở cột bên phải.

**Chú ý:** (1) *POD1* là trường dữ liệu đầu tiên mà máy in nhận được.  
*POD2* là trường dữ liệu thứ hai mà máy in nhận được...

- (2) *TEXT* cho phép người dùng nhập một mục văn bản cố định vào đối tượng POD. Nhập nội dung bắt buộc vào Hộp văn bản. Sau đó chọn *TEXT* từ cột bên trái rồi bấm vào biểu tượng >.



## VẬN HÀNH

- (4) Để in dữ liệu theo định dạng mã vạch, tích chọn ô *Mã vạch*, bấm vào thẻ *Mã vạch* và xác định cài đặt mã vạch.
- (5) Chọn biểu tượng *Dấu tích* để xác nhận cài đặt và quay trở lại màn hình *Thiết kế*.



## Tạo Nội dung bằng Thiết bị Android

Để tạo nội dung bằng Thiết bị Android:

- (1) Mở ứng dụng *Domino G20i* trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Nội dung*.

### Văn bản tĩnh

Mọi ký tự 128 ASCII có thể được nhập vào nội dung dưới dạng văn bản tĩnh. Để chèn Hán tự hoặc các loại ký tự đặc biệt khác bằng thiết bị Android, bạn cần sử dụng logo văn bản. Xem [“Logo văn bản \(văn bản chứa Hán tự và ký tự đặc biệt\)” trên trang 3-52](#).

Để chèn trường văn bản tĩnh vào thiết kế nội dung:

- (1) Ấn *Chọn kiểu phông*.
- (2) Chọn *Phông chữ thường* hoặc *PHÔNG CHỮ HOA*.
- (3) Chọn *Cỡ chữ*.
- (4) Chọn cỡ chữ:

*Chú ý:* Phông chữ nhỏ hơn cho phép bạn có thể ghi nhiều dòng văn bản trong một nội dung.

Phông chữ 1 dòng (12,7 mm)
Phông chữ 2 dòng (5,93 mm)
Phông chữ 3 dòng (3,89 mm)
Phông chữ 4 dòng (2,54 mm)
Phông chữ 6 dòng (1,69 mm)

- (5) Chọn dòng cần chèn văn bản trong nội dung.
- (6) Sử dụng bàn phím trên màn hình để nhập văn bản tĩnh.

## VẬN HÀNH

### Logo văn bản (văn bản chứa Hán tự và ký tự đặc biệt)

Để chèn Hán tự hoặc các loại ký tự đặc biệt khác vào nội dung bằng thiết bị Android, bạn cần sử dụng logo văn bản. Bạn có thể tạo và lưu đến 4 logo văn bản trong G20i.

Để tạo, lưu và chèn logo văn bản vào nội dung bằng thiết bị Android:

- (1) Mở ứng dụng G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *logo & mã vạch*.
- (3) Chọn *tạo logo văn bản*.
- (4) Nhập văn bản cần tạo vào dòng *Nhập văn bản bằng bất kỳ ngôn ngữ nào tại đây*.
- (5) Chọn *phông chữ* cần thiết.
- (6) Điều chỉnh thanh trượt *Cỡ chữ của chuỗi*, cho tới khi cỡ chữ hiện trong bản xem trước có thể chấp nhận được.
- (7) Chọn *Tạo*.
- (8) Chọn *Có*.
- (9) Nếu cần, điều chỉnh thanh trượt *Ngưỡng* và *Chiều cao* cho tới khi chất lượng và chiều cao của logo được xem trước có thể chấp nhận được.
- (10) Chọn *Sử dụng ảnh này*.
- (11) Chọn một số logo từ 1 đến 4 để lưu chuỗi.
- (12) Chọn *Cập nhật logo*.
- (13) Quay về màn hình chính của ứng dụng G20i.
- (14) Chọn *Nội dung*.
- (15) Đặt con trỏ tại vị trí cần đặt logo văn bản.
- (16) Chọn *biểu tượng logo*.
- (17) Chọn số logo cần chọn.
- (18) Chọn *Chèn*.

## Mã vạch

Để đảm bảo duy trì chất lượng mã vạch đồng nhất, cần sử dụng bộ đo tốc độ trục để đo tốc độ dây chuyền sản xuất. Xem [“Kết nối bộ đo tốc độ trục” trên trang 6-27](#).

Để chèn mã vạch vào thiết kế nội dung:

- (1) Đặt con trỏ ở vị trí cần đặt mã vạch.

*Chú ý: Nếu in trên nhiều dòng văn bản, đặt con trỏ ở dòng dưới. Việc này đảm bảo mã vạch được in đầy đủ.*

- (2) Chọn biểu tượng *Mã*.
- (3) Chọn *Tính*.
- (4) Bạn có thể xác định các thiết lập mã vạch sau:

Tên thiết lập	Giải thích
Dữ liệu	Nhập dữ liệu mã vạch.
Loại	Chọn loại mã vạch từ các tùy chọn sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• CODE 39</li> <li>• CODE 2 OF 5 Interleaved</li> <li>• Code 128</li> <li>• Code 93</li> <li>• Code UPC-A</li> <li>• Code EAN</li> <li>• Code Codabar</li> <li>• Code 11</li> </ul>
Chiều rộng	Chọn chiều rộng mã vạch. Phạm vi: 1 - 4
Chiều cao	Chọn chiều cao mã vạch. Phạm vi: 1 - 3
Kích hoạt văn bản	Kích hoạt hoặc Vô hiệu hóa văn bản có thể đọc được.

- (5) Chọn *Chèn* để xác nhận thiết lập và quay trở lại Thiết kế nội dung.

## Mã vạch động

Để chèn mã vạch động vào thiết bị nội dung:

- (1) Đặt con trỏ ở vị trí cần đặt mã vạch động.

*Chú ý: Nếu in trên nhiều dòng văn bản, đặt con trỏ ở dòng dưới.  
Việc này đảm bảo mã vạch được in đầy đủ.*

- (2) Chọn biểu tượng Mã.
- (3) Chọn Mã vạch động.
- (4) Bạn có thể xác định các thiết lập mã vạch động sau:

Tên thiết lập	Giải thích
Hướng dữ liệu	Chọn hướng đếm <i>Lên</i> hoặc <i>Xuống</i> .
Điền số không	Kích hoạt hoặc vô hiệu hóa số không dẫn đầu.
Giá trị bắt đầu	Nhập giá trị bắt đầu cho dữ liệu mã vạch động.
Giá trị hiện tại	Hiển thị giá trị mã vạch động hiện tại.
Giá trị đặt lại	Nhập giá trị đặt lại cho giá trị mã vạch động. Khi giá trị mã vạch động đạt đến giá trị đặt lại, nó sẽ được đặt lại về giá trị bắt đầu.
Giá trị bước	Nhập số bước mà mã vạch động cần đếm. Ví dụ, nếu giá trị Bước được đặt là 5, giá trị mã vạch động sẽ đếm theo trình tự: 5, 10, 15, 20, v.v..
Giá trị tiền tố	Thêm văn bản sẽ xuất hiện ở đầu giá trị mã vạch động.
Giá trị hậu tố	Thêm văn bản sẽ xuất hiện ở phía cuối giá trị mã vạch động.
Loại	Chọn loại mã vạch từ các tùy chọn sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Code 39</li> <li>• Code 2 of 5 Interleaved</li> <li>• Code 128</li> <li>• Code 93</li> <li>• Code UPC-A</li> <li>• Code EAN</li> <li>• Code Codabar</li> <li>• Code 11</li> </ul>

## VẬN HÀNH

<b>Tên thiết lập</b>	<b>Giải thích</b>
Chiều rộng	Chọn chiều rộng của mã vạch từ các tùy chọn sau: <ul style="list-style-type: none"><li>• 1</li><li>• 2</li><li>• 3</li><li>• 4</li></ul>
Chiều cao	Chọn chiều dài của mã vạch từ các tùy chọn sau: <ul style="list-style-type: none"><li>• 1</li><li>• 2</li><li>• 3</li></ul>
Kích hoạt văn bản	Kích hoạt hoặc Vô hiệu hóa văn bản có thể đọc được.

(5) Chọn *Chèn* để xác nhận thiết lập và quay trở lại Thiết kế nội dung.

## Thời gian

**Chú ý:** Đồng hồ hệ thống của máy in phải được thiết lập để in giá trị thời gian chính xác. Xem “**Thiết lập Đồng hồ Hệ thống**” trên trang 6-34.

Để chèn thời gian hiện tại vào thiết kế nội dung:

- (1) Đặt con trỏ ở vị trí cần đặt thời gian.
- (2) Chọn biểu tượng *Thời gian*.
- (3) Nhập định dạng thời gian vào ô văn bản:

<b>Định dạng thời gian</b>	<b>Giải thích</b>
h	Giờ theo định dạng 12 giờ từ 1 đến 12.
hh	Giờ theo định dạng 12 giờ từ 01 đến 12.
H	Giờ theo định dạng 24 giờ từ 0 đến 23.
HH	Giờ theo định dạng 24 giờ từ 00 đến 23.
m	Phút từ 0 đến 59.
mm	Phút từ 00 đến 59.
s	Giây từ 0 đến 59.
ss	Giây từ 00 đến 59.
/ : - . _   SPACE	Dấu phân cách thời gian.
tt	SA hoặc CH.

- (4) Chọn *Chèn* để xác nhận định dạng thời gian và quay trở lại Thiết kế nội dung.

## Ngày tháng

**Chú ý:** Đồng hồ hệ thống của máy in phải được thiết lập để in giá trị ngày tháng chính xác. Xem [“Thiết lập Đồng hồ Hệ thống” trên trang 6-34](#).

Để chèn ngày tháng hiện tại vào thiết kế nội dung:

- (1) Đặt con trỏ vào vị trí cần đặt ngày tháng.
- (2) Chọn biểu tượng *Ngày tháng*.
- (3) Chọn *Ngày tháng*.
- (4) Nhập định dạng ngày tháng vào ô văn bản:

<b>Định dạng ngày</b>	<b>Giải thích</b>
d hoặc D	Ngày trong tháng từ 1 đến 31.
dd hoặc DD	Ngày trong tháng, từ 01 đến 31.
M	Tháng, từ 1 đến 12.
MM	Tháng, từ 01 đến 12.
MMM	Tên viết tắt của tháng. Ví dụ: T1, T2, T3, v.v..
YY	Năm, từ 00 đến 99.
YYYY	Năm dưới dạng 4 chữ số.
JJJ	Ngày dưới dạng 3 chữ số ngày Julius. Ví dụ: Ngày 01 tháng Một = 001
/ - . _   SPACE	Dấu phân cách ngày.

- (5) Chọn *Chèn* để xác nhận định dạng ngày tháng và quay trở lại Thiết kế nội dung.

## Ngày hết hạn

**Chú ý:** Đồng hồ hệ thống của máy in phải được thiết lập để in giá trị ngày hết hạn chính xác. Xem [“Thiết lập Đồng hồ Hệ thống” trên trang 6-34](#).

Để chèn ngày hết hạn vào thiết kế nội dung:

- (1) Đặt con trỏ ở vị trí cần đặt ngày hết hạn.
- (2) Chọn biểu tượng *Ngày tháng*.
- (3) Chọn *Ngày hết hạn*.
- (4) Nhập số ngày từ ngày hiện tại tới ngày hết hạn trong ô văn bản *Nhập ngày hết hạn*.
- (5) Nhập định dạng ngày vào hộp văn bản *Nhập định dạng của bạn*:

<b>Định dạng ngày</b>	<b>Giải thích</b>
d hoặc D	Ngày trong tháng từ 1 đến 31.
dd hoặc DD	Ngày trong tháng, từ 01 đến 31.
M	Tháng, từ 1 đến 12.
MM	Tháng, từ 01 đến 12.
MMM	Tên viết tắt của tháng. Ví dụ: T1, T2, T3, v.v..
YY	Năm, từ 00 đến 99.
YYYY	Năm dưới dạng 4 chữ số.
JJJ	Ngày dưới dạng 3 chữ số ngày Julius. Ví dụ: Ngày 01 tháng Một = 001
/ - . _   SPACE	Dấu phân cách ngày.

- (6) Chọn *Chèn* để xác nhận định dạng ngày hết hạn và quay trở lại Thiết kế nội dung.



## Bộ đếm đơn

Trong trường hợp bị mất điện, khi có điện trở lại, bộ đếm sẽ bắt đầu lại từ điểm bị tắt máy.

Để chèn bộ đếm vào thiết kế nội dung:

- (1) Đặt con trỏ ở vị trí cần đặt bộ đếm.
- (2) Chọn biểu tượng *Bộ đếm*.
- (3) Chọn *Đơn*.
- (4) Bạn có thể cài đặt các thiết lập bộ đếm sau:

Tên thiết lập	Giải thích
Chọn số bộ đếm	Chọn số tối đa trong bộ đếm từ 0 đến 5.
Điểm bắt đầu	Nhập giá trị bắt đầu cho bộ đếm.
Điểm hiện tại	Nhập giá trị hiện tại cho bộ đếm.
Điểm đặt lại	Nhập giá trị đặt lại cho bộ đếm. Khi bộ đếm đạt đến giá trị này, nó sẽ trở về giá trị điểm bắt đầu.
Đếm bước	Nhập số bước mà bộ đếm cần đếm. Ví dụ, nếu giá trị đếm bước được đặt là 5, bộ đếm sẽ đếm theo trình tự: 5, 10, 15, 20, v.v..
Điền số không	Bật hoặc tắt số không dẫn đầu sang <i>BẬT</i> hoặc <i>TẮT</i> .
Hướng	Chọn <i>Lên</i> để đếm tiến lên. Chọn <i>Xuống</i> để đếm ngược xuống.

- (5) Chọn *Chèn* để xác nhận thiết lập và quay trở lại Thiết kế nội dung.

## Bộ đếm Hộp/Lô

Bộ đếm Hộp/Lô là bộ đếm kép có thể được sử dụng để in số hộp và số lô.

Trong trường hợp bị mất điện, khi có điện trở lại, bộ đếm sẽ bắt đầu lại từ điểm bị tắt máy.

Để chèn bộ đếm hộp/lô vào thiết kế nội dung:

- (1) Đặt con trỏ ở vị trí cần đặt bộ đếm.
- (2) Chọn biểu tượng *Bộ đếm*.
- (3) Chọn *Hộp/lô*.
- (4) Bạn có thể cài đặt các thiết lập bộ đếm sau:

Tên thiết lập	Giải thích
BoxLot 1	Chọn <i>BoxLot 1</i> để in một số đếm hộp/lô
BoxLot 2	Chọn <i>BoxLot 2</i> để in 2 số đếm hộp/lô
Thiết lập bộ đếm 1 và 2	<p>Thiết lập cho từng bộ đếm:</p> <p><b>Giá trị bắt đầu</b> Nhập giá trị bắt đầu cho bộ đếm.</p> <p><b>Giá trị hiện tại</b> Nhập giá trị hiện tại của bộ đếm.</p> <p><b>Giá trị đặt lại</b> Nhập điểm đặt lại bộ đếm. Khi bộ đếm đạt đến giá trị này, nó sẽ trở về giá trị điểm bắt đầu và bắt đầu đếm lại.</p> <p><b>Đếm bước</b> Nhập số bước mà bộ đếm cần đếm. Ví dụ: nếu giá trị <i>Bước</i> được đặt là 5, bộ đếm sẽ đếm theo trình tự: 5, 10, 15, 20, v.v.</p>
Điền số không	Bật hoặc tắt số không dẫn đầu sang <b>BẬT</b> hoặc <b>TẮT</b> .
Hướng	Chọn <i>Lên</i> để đếm tiến lên. Chọn <i>Xuống</i> để đếm ngược xuống.

- (5) Chọn *Chèn* để xác nhận thiết lập và quay trở lại Thiết kế nội dung.

## Mã Shift

Để chèn mã shift vào thiết kế mẫu nội dung:

- (1) Đặt con trỏ ở vị trí cần đặt mã shift.
- (2) Chọn biểu tượng *Shift*.
- (3) Bạn có thể xác định 5 mã shift trong bảng thiết lập:

Tên thiết lập	Giải thích
S.Code 0, 1 và 2	Bạn có thể xác định và lưu 3 thời gian biểu khác nhau cho mã shift. Chọn S.Code 0, 1 hoặc 2
Cột đầu tiên	Nhập tên ca làm việc.
Cột thứ 2 và 3	Nhập thời gian bắt đầu ca làm việc.

- (4) Chọn *Chèn* để xác nhận thiết lập và quay trở lại Thiết kế nội dung.

## Logo

Bạn có thể lưu tới 4 logo trong bộ nhớ trong của máy in và có thể chèn các logo đó vào thiết kế nội dung.

Để cập nhật 4 logo đã lưu: Xem [“Cập nhật Logo” trên trang 3-74](#).

Để chèn logo vào thiết kế nội dung:

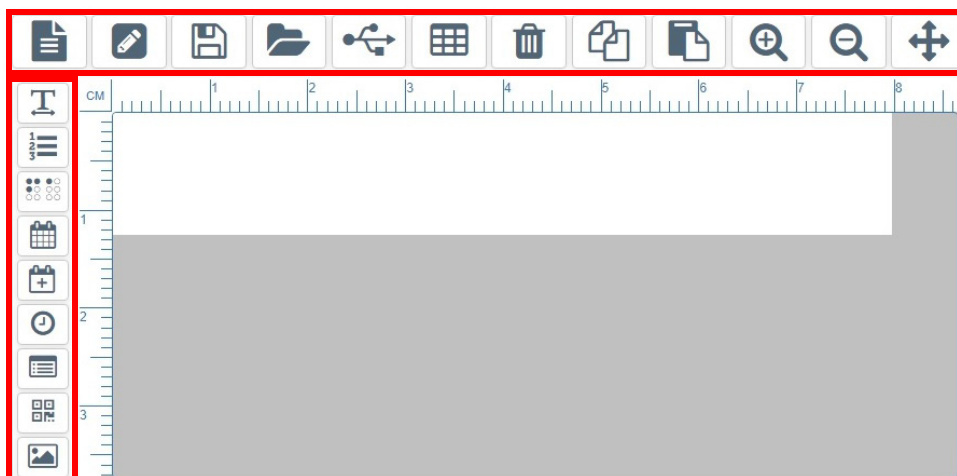
- (1) Đặt con trỏ tại vị trí cần đặt logo.
- (2) Chọn biểu tượng *Logo*.
- (3) Chọn số logo từ 1 đến 4.
- (4) Chọn *Chèn* để xác nhận chọn logo và quay trở lại Thiết kế nội dung.

# CÔNG CỤ THIẾT KẾ NỘI DUNG WEB

## Tạo nội dung

Tạo nội dung bằng cách dùng công cụ thiết kế web:

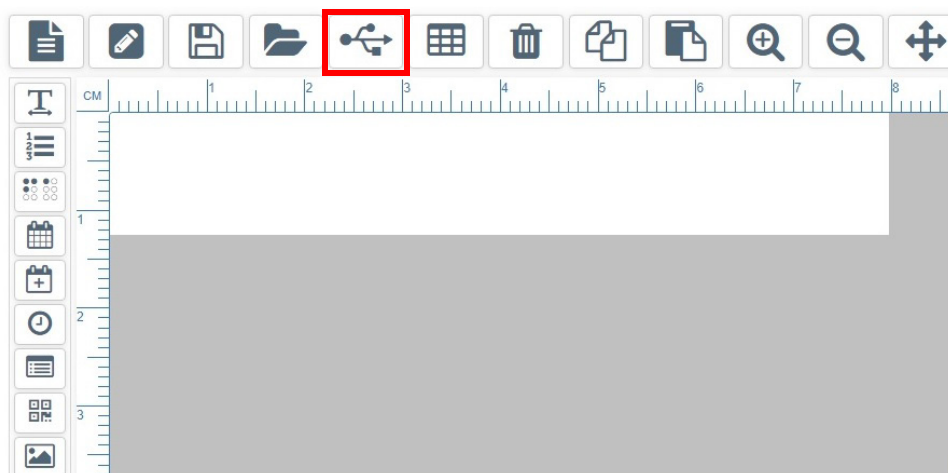
- (1) Mở trình duyệt Internet trên PC.
- (2) Nhập [www.design.dominocasecoding.com](http://www.design.dominocasecoding.com) vào thanh địa chỉ trình duyệt Internet.
- (3) Dùng các công cụ trên màn hình để tạo nội dung.



## Xuất nội dung

Để xuất nội dung từ công cụ thiết kế web:

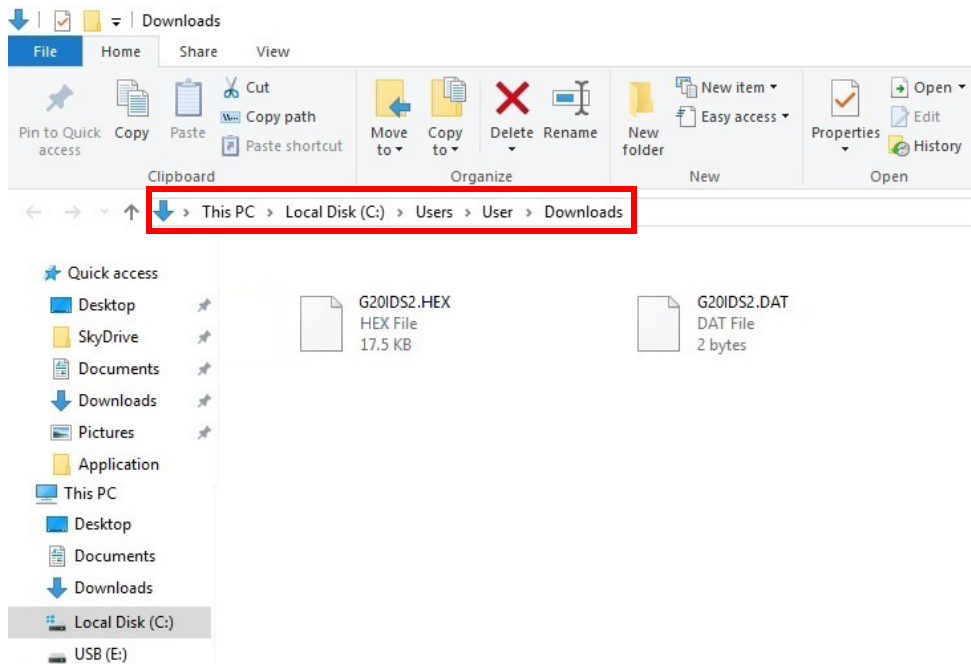
- (1) Kết nối một ổ đĩa USB vào máy tính.
- (2) Bấm vào biểu tượng *USB*.



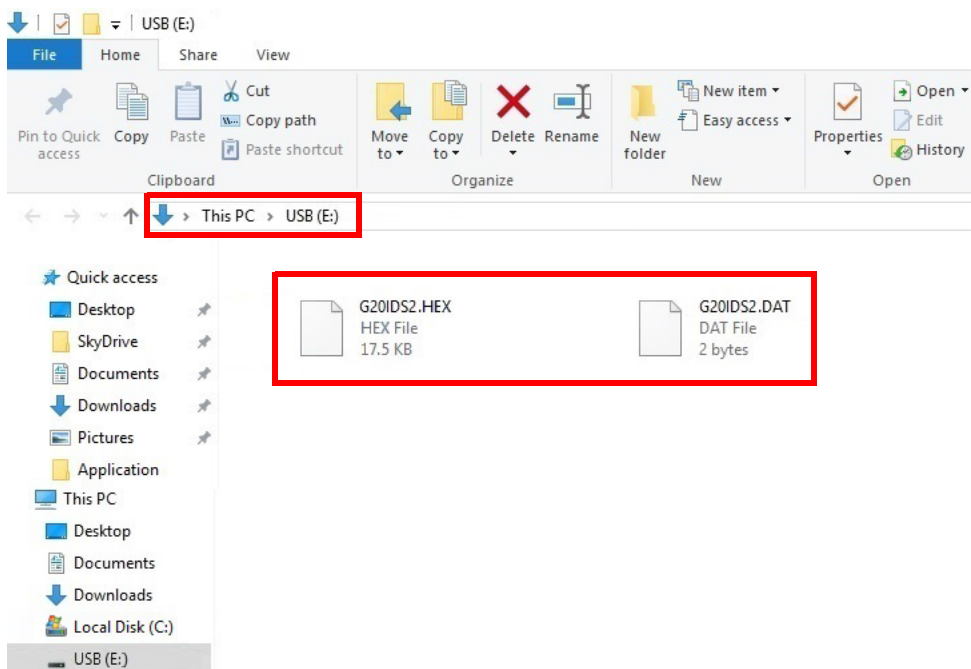
- (3) Bấm vào *Cho phép*.

## VẬN HÀNH

### (4) Mở thư mục Tải xuống.



### (5) Chuyển các tệp .HEX và .DAT mới vào ổ đĩa USB.



### (6) Rút ổ đĩa USB ra khỏi máy tính.

## In nội dung



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

*Chú ý:* Cần sử dụng bàn phím USB không dây cho quy trình này.

Để in nội dung đã được tạo trong công cụ thiết kế web:

- (1) Cắm ổ đĩa USB có chứa các tệp .HEX và .DAT vào khe cắm ổ USB Flash trên máy in.

*Chú ý:* Không tháo ổ đĩa USB ra khi chưa in xong.



- (2) Từ trình đơn chính của máy in, di chuyển con trỏ để tô sáng *Nội dung*.
- (3) Ấn nút *Enter*.
- (4) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Thiết kế tự do*.
- (5) Ấn nút *Enter*.
- (6) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Tài*.
- (7) Ấn nút *Enter*.
- (8) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Bắt đầu*.
- (9) Ấn nút *Enter*.

# MỞ VÀ CHỈNH SỬA NỘI DUNG

## Sử dụng bàn phím USB không dây

*Chú ý: Bạn không thể chỉnh sửa trường nội dung bằng bàn phím USB không dây. Bạn phải xóa trường nội dung và tạo trường nội dung mới để thay thế trường nội dung cũ.*

Để mở và chỉnh sửa nội dung bằng Bàn phím USB Không dây:

- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng *Nội dung*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Tô sáng *Mở*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Tô sáng nội dung cần chỉnh sửa.
- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Tô sáng *Chỉnh sửa*.
- (8) Ấn nút *Enter*.
- (9) Sử dụng phím mũi tên để di chuyển con trỏ tới phía cuối trường cần chỉnh sửa.
- (10) Sử dụng phím Backspace để xóa trường.
- (11) Bạn có thể sử dụng bàn phím để nhập văn bản tĩnh mới hoặc ấn nút insert để chèn một loại dữ liệu khác.
- (12) Sau khi tạo xong trường mới, ấn nút *ESC*.
- (13) Ấn nút *Enter* để chọn lưu nội dung.



## Sử dụng máy tính

Để mở và chỉnh sửa nội dung bằng máy tính:

- (1) Khởi động phần mềm Domino G20i trên máy tính.
- (2) Mở trình đơn *Thiết kế* trên thanh công cụ.
- (3) Chọn biểu tượng *Mở*.
- (4) Chọn nội dung cần chỉnh sửa.
- (5) Chọn *Mở*.
- (6) Chọn *OK*.
- (7) Nhấp đúp vào trường nội dung cần chỉnh sửa.
- (8) Cửa sổ thiết lập cho trường được chọn sẽ xuất hiện để cho phép bạn chỉnh sửa trường.
- (9) Chọn biểu tượng *Dấu tick* sau khi chỉnh sửa trường nội dung xong và quay lại *Thiết kế Nội dung*.

## Sử dụng thiết bị Android

*Chú ý: (1) Bạn chỉ có thể mở nội dung đã tạo gần đây trên thiết bị Android.*

*(2) Bạn không thể chỉnh sửa trường nội dung bằng thiết bị Android.  
Bạn phải xóa trường nội dung và tạo trường nội dung mới  
để thay thế trường nội dung cũ.*

Để mở và chỉnh sửa nội dung bằng thiết bị Android:

- (1) Mở ứng dụng G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Nội dung*.
- (3) Chọn *Gần đây*.
- (4) Chọn nội dung từ danh sách *Nội dung gần đây*.
- (5) Xóa trường nội dung cần chỉnh sửa.
- (6) Tạo trường nội dung mới để thay thế trường đã bị xóa.

## CHỈNH SỬA TRƯỜNG NỘI DUNG

### Sử dụng bàn phím USB không dây

Bạn không thể chỉnh sửa trường nội dung bằng bàn phím USB không dây. Bạn phải xóa trường nội dung và tạo trường nội dung mới để thay thế trường nội dung cũ.

### Sử dụng máy tính

Để chỉnh sửa trường nội dung bằng máy tính:

- (1) Nhấp đúp vào trường nội dung cần chỉnh sửa.
- (2) Cửa sổ thiết lập cho trường nội dung được chọn sẽ xuất hiện,
- (3) Chọn biểu tượng *Dấu tick* sau khi chỉnh sửa trường nội dung xong để quay lại Thiết kế Nội dung.

### Sử dụng thiết bị Android

Bạn không thể chỉnh sửa trường nội dung bằng thiết bị Android. Bạn phải xóa trường nội dung và tạo trường nội dung mới để thay thế trường nội dung cũ.

## XÓA TRƯỜNG NỘI DUNG

### Sử dụng bàn phím USB không dây

Để xóa trường nội dung bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Di chuyển con trỏ tới phía cuối trường cần xóa.
- (2) Sử dụng phím backspace trên bàn phím.

### Sử dụng máy tính

Để xóa trường nội dung bằng máy tính:

- (1) Nhấp vào trường nội dung cần xóa.
- (2) Ấn nút *Delete* trên bàn phím hoặc nhấp biểu tượng *Xóa* trên thanh công cụ.



### Sử dụng thiết bị Android

Để xóa trường nội dung bằng thiết bị Android:

- (1) Tô sáng trường nội dung cần xóa.
- (2) Sử dụng phím delete hoặc backspace để xóa trường nội dung.

## SAO CHÉP TRƯỜNG NỘI DUNG

### Sử dụng bàn phím USB không dây

*Chú ý: Tính năng này không khả dụng.*

### Sử dụng máy tính

Để sao chép trường nội dung bằng máy tính:

- (1) Nhấp vào trường nội dung cần sao chép.
- (2) Nhấp vào biểu tượng *Sao chép* trên thanh công cụ.



- (3) Nhấp vào biểu tượng *Dán* trên thanh công cụ.



- (4) Nhấp và kéo trường nội dung đã sao chép vào vị trí mong muốn.

### Sử dụng thiết bị Android

Để sao chép trường nội dung bằng thiết bị Android:

- (1) Tô sáng trường nội dung cần sao chép.
- (2) Chọn biểu tượng *Sao chép*.
- (3) Đặt con trỏ vào vị trí cần dán trường nội dung đã sao chép.
- (4) Chọn biểu tượng *Dán*.

## LƯU NỘI DUNG

### Sử dụng bàn phím USB không dây

Để lưu nội dung bằng bàn phím USB không dây:

*Chú ý:* Các nội dung được tạo bằng bàn phím USB không dây sẽ được lưu trên bộ nhớ trong của G20i.

- (1) Ấn nút *ESC*.
- (2) Tô sáng *Lưu*.
- (3) Ấn nút *Enter*.
- (4) Nhập tên để lưu tệp nội dung.
- (5) Ấn nút *Enter*.

### Sử dụng máy tính

Để lưu nội dung bằng máy tính:

*Chú ý:* Các nội dung được tạo trên máy tính sẽ được lưu vào ổ cứng của máy tính.

- (1) Chọn biểu tượng *Lưu mẫu*.



- (2) Trong ô văn bản *Tên tập tin*, nhập tên cho nội dung.
- (3) Chọn *Lưu*.

### Sử dụng thiết bị Android

Để lưu nội dung bằng thiết bị Android:

*Chú ý:* (1) Các nội dung được tạo bằng thiết bị Android chỉ có thể được lưu bằng cách gửi nội dung để in.

(2) Việc gửi nội dung để in sẽ ghi đè lên bất kỳ nội dung nào mà G20i đang in.

- (1) Chọn biểu tượng *Gửi nội dung* trong Thiết kế Nội dung.



- (2) Chọn *Gửi*.

## XÓA NỘI DUNG

### Sử dụng bàn phím USB không dây

Để xóa nội dung bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng *Nội dung*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Mở*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Tô sáng nội dung cần xóa.
- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Xóa*.
- (8) Ấn nút *Enter*.

### Sử dụng máy tính

Để xóa nội dung bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Mở *Windows Explorer* trên máy tính.
- (2) Điều hướng đến vị trí của tập tin nội dung được lưu.
- (3) Chọn tập tin nội dung.
- (4) Ấn nút *Delete*.

### Sử dụng thiết bị Android

Bạn không thể xóa nội dung bằng thiết bị Android.

# CẬP NHẬT LOGO

## Sử dụng Bàn phím USB Không dây và Máy tính

### Chuyển đổi Logo

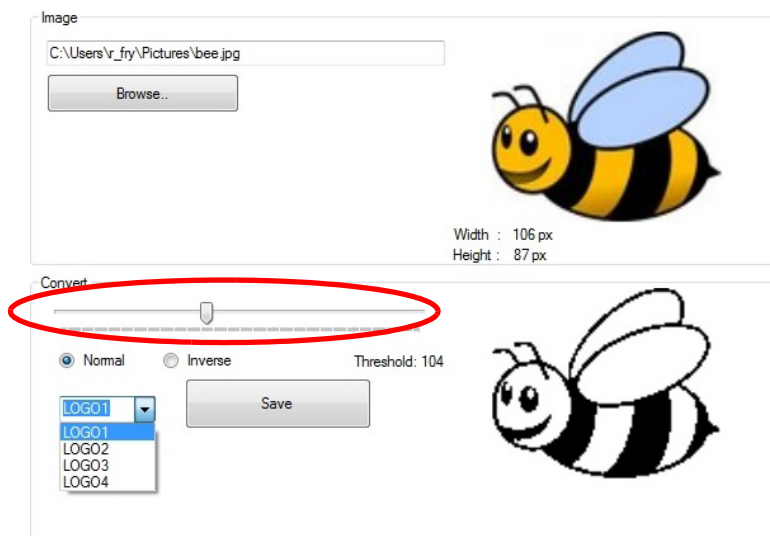
Mọi logo và ảnh phải được chuyển đổi sang định dạng .hex để có thể sử dụng trên máy in.

*Chú ý: (1) Công cụ Chuyển đổi Logo chấp nhận các định dạng tập tin .BMP .JPG .GIF .TIF.*

*(2) Kích cỡ ảnh tối đa là 150 x 1600 pixel.*

Để chuyển đổi logo:

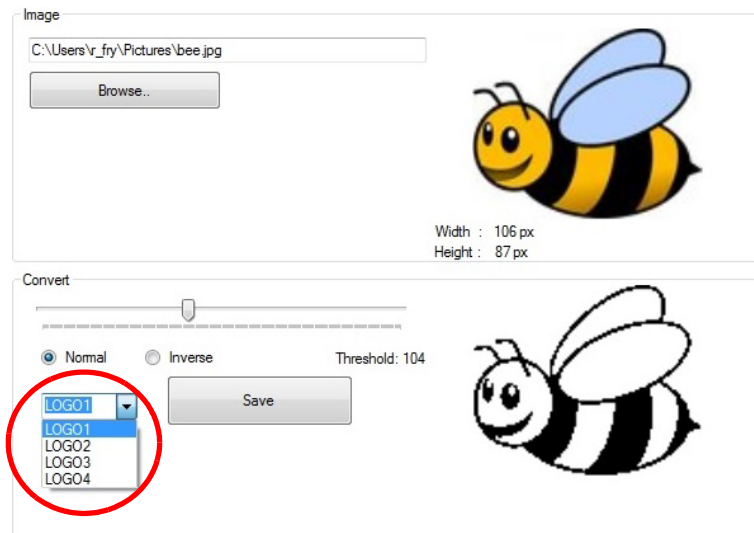
- (1) Mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Công cụ*.
- (3) Nhấp vào *Chuyển đổi Logo*.
- (4) Nhấp *Tim duyệt*.
- (5) Điều hướng đến vị trí của logo hoặc tập tin hình ảnh và chọn logo hoặc tập tin hình ảnh.
- (6) Nhấp vào *Mở*.
- (7) Điều chỉnh thanh trượt Ngưỡng cho tới khi chất lượng ảnh có thể chấp nhận được.





## VẬN HÀNH

(8) Chọn tên của logo là LOGO1, LOGO2, LOGO3 hoặc LOGO4.



(9) Nhấp vào *Lưu*.

(10) Lưu logo đã chuyển đổi vào ổ USB flash.

## Cập nhật logo

Để cập nhật logo trên máy in:

- (1) Chuyển đổi logo sang định dạng có thể sử dụng trên máy in. Xem [“Chuyển đổi Logo” trên trang 3-74](#).
- (2) Cắm ổ USB flash có chứa tập tin logo vào cổng USB flash của G20i.
- (3) Từ trình đơn chính của máy in, sử dụng bàn phím USB không dây để di chuyển con trỏ xuống và tô sáng *Thiết lập*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ xuống để tô sáng *Cập nhật logo*.
- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Tô sáng tên logo mà bạn muốn cập nhật.
- (8) Ấn nút *Enter* để cập nhật logo từ ổ USB flash vào bộ nhớ trong của máy in.
- (9) Rút ổ USB flash ra khỏi máy in.
- (10) Ấn *ESC* để quay lại trình đơn chính của máy in.

## Sử dụng thiết bị Android

Để cập nhật logo từ thiết bị Android:

- (1) Mở *Ứng dụng G20i* trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *logo & mã vạch*.
- (3) Chọn *Cập nhật logo*.
- (4) Chọn *Chọn ảnh...*
- (5) Chọn hình ảnh cần sử dụng từ bộ nhớ của thiết bị Android.
- (6) Nếu cần, điều chỉnh thanh trượt *Ngưỡng*, *Chiều cao* và *Chiều rộng* cho tới khi chất lượng và kích cỡ của logo được xem trước có thể chấp nhận được.
- (7) Chọn *Sử dụng ảnh này*.
- (8) Chọn một số logo từ 1 đến 4 để lưu logo.
- (9) Chọn *Cập nhật logo*.

## CẬP NHẬT VÀ TẠO CHUỖI

*Chú ý:* Cần sử dụng bàn phím USB không dây cho quy trình này.

Chuỗi là một chuỗi văn bản có thể được lưu vào G20i và có thể chèn vào thiết kế nội dung bằng bàn phím USB không dây. Bạn có lưu đến 5 chuỗi với tối đa 50 ký tự.

Để chèn chuỗi vào thiết kế nội dung: Xem [“Chuỗi” trên trang 3-28](#).

Để tạo và cập nhật chuỗi đã lưu trên G20i:

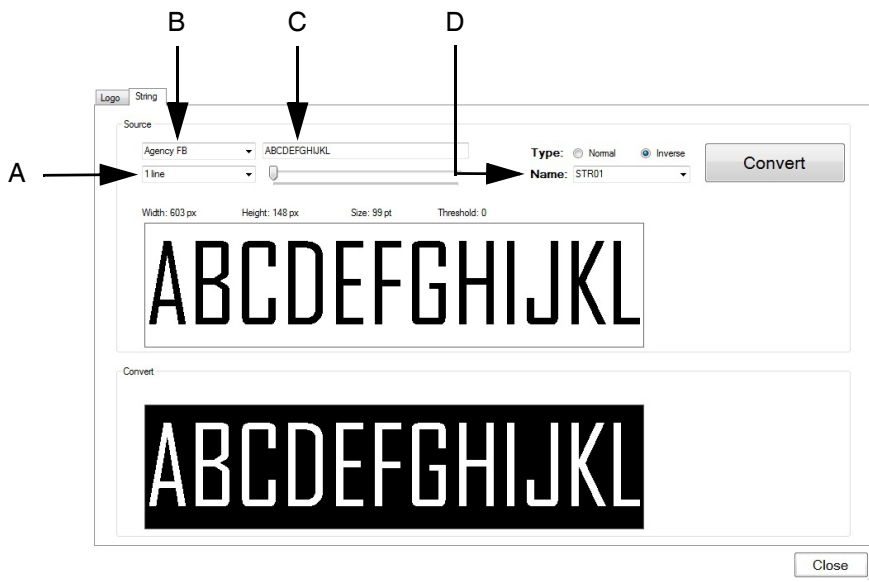
- (1) Sử dụng bàn phím USB không dây, từ trình đơn chính của máy in, di chuyển con trỏ xuống để tô sáng *Thiết lập*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ xuống để tô sáng *Chuỗi*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Một cửa sổ xuất hiện, trong đó, có 5 dòng văn bản có thể nhập. Mỗi dòng đại diện cho một chuỗi khác nhau. Di chuyển con trỏ tới chuỗi cần cập nhật.
- (6) Sử dụng phím Backspace để xóa dữ liệu chuỗi.
- (7) Sử dụng bàn phím để nhập dữ liệu chuỗi mới.
- (8) Ấn nút *Enter*.
- (9) Ấn *ESC* để quay lại trình đơn chính của máy in.

## CẬP NHẬT VÀ TẠO CHUỖI TÙY CHỈNH

Chuỗi tùy chỉnh là chuỗi văn bản có thể chứa Hán tự và các ký tự đặc biệt khác. Sau khi tạo và lưu chuỗi tùy chỉnh, bạn có thể chọn và chèn chuỗi tùy chỉnh đó vào thiết kế nội dung. Bạn có thể tạo và lưu đến 20 chuỗi tùy chỉnh trong bộ nhớ của máy in.

Để tạo và cập nhật chuỗi tùy chỉnh:

- (1) Cắm ổ USB flash vào cổng USB của máy tính.
- (2) Mở phần mềm Domino G20i.
- (3) Mở trình đơn *Công cụ*.
- (4) Nhấp vào *Chuyển đổi Logo*.
- (5) Nhấp vào thẻ *Chuỗi*.
- (6) Lúc này, cửa sổ thiết lập *Chuỗi* sẽ xuất hiện như hình minh họa dưới đây:



Cửa sổ thiết lập chuỗi

A	Cỡ chữ.
B	Loại phông.
C	Dữ liệu chuỗi.
D	Tên chuỗi.

- (7) Sau khi xác định thiết lập chuỗi, nhấp *Chuyển đổi* để lưu chuỗi.
- (8) Điều hướng đến vị trí của ổ USB flash.
- (9) Nhấp *OK*.
- (10) Rút ổ USB flash ra khỏi cổng USB flash của máy tính.

## VẬN HÀNH

- (11) Cắm ổ USB flash vào cổng USB flash của G20i.
- (12) Từ trình đơn chính của máy in, sử dụng bàn phím USB không dây để di chuyển con trỏ xuống và tô sáng *Thiết lập*.
- (13) Ấn nút *Enter*.
- (14) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Chuỗi tùy chỉnh*.
- (15) Ấn nút *Enter*.
- (16) Tô sáng tên chuỗi tùy chỉnh mà bạn muốn cập nhật.
- (17) Ấn nút *Enter*.
- (18) Rút ổ USB flash ra khỏi máy in.
- (19) Ấn *ESC* để quay lại trình đơn chính của máy in.
- (20) Lúc này, bạn có thể chèn chuỗi tùy chỉnh mới vào nội dung. Xem "[Chuỗi tùy chỉnh \(văn bản chứa Hán tự và ký tự đặc biệt\)](#)" trên trang 3-29.

## CÔNG CỤ TÍNH TOÁN CHI PHÍ MỤC

**Chú ý:** Cần sử dụng bàn phím USB không dây để dùng công cụ tính toán chi phí mục.

Để sử dụng công cụ tính toán chi phí mục:

- (1) Tải nội dung để tính toán chi phí cho lượng mục sử dụng, xem [trang 3-14](#).
- (2) Từ trình đơn chính, tô sáng *Nội dung*.
- (3) Ấn nút *Enter*.
- (4) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Chi phí mục*.
- (5) Ấn nút *Enter*.
- (6) Màn hình hiển thị thông tin sau:

Tên nội dung	
Loại mục:	Hiển thị loại mục hiện tại.
Độ phân giải:	Hiển thị độ phân giải in hiện tại.
Mật độ:	Hiển thị mật độ in hiện tại.
Mức mục:	Hiển thị lượng mục cao nhất trong hộp mục.
Mã tối đa:	Hiển thị số bản in tối đa có thể in ra.
Giá:	Nhập giá hộp mục.
Mã:	Nhập số nội dung sẽ in.
Chi phí mục:	Hiển thị chi phí mục sẽ sử dụng.

- (7) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Giá*.
- (8) Nhập giá hộp mục.
- (9) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Mã*.
- (10) Nhập số nội dung sẽ in.
- (11) Ấn nút *Enter*.
- (12) Cài đặt *Chi phí mục* sẽ hiển thị chi phí mục cho toàn bộ công việc in.
- (13) Ấn *ESC* để quay lại trình đơn chính.

VẬN HÀNH

TRANG NÀY ĐƯỢC CỐ Ý ĐỂ TRỐNG



# PHẦN 4: PHÁT HIỆN LỖI

## NỘI DUNG

	Trang
KHẮC PHỤC SỰ CỐ .....	4-3
Thông báo Lỗi Phần cứng .....	4-3
Thông báo Lỗi Firmware .....	4-3
Thông báo Lỗi Phần mềm .....	4-3
LỖI CHẤT LƯỢNG IN .....	4-4

PHÁT HIỆN LỖI

TRANG NÀY ĐƯỢC CỐ Ý ĐỂ TRỐNG

## KHẮC PHỤC SỰ CỐ

### Thông báo Lỗi Phần cứng

Sử dụng bảng dưới đây để chẩn đoán và giải quyết các lỗi phần cứng.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Giải pháp
Không hiển thị hộp mực	Bảng mạch trên hộp mực chưa được kết nối với máy in.	Tháo hộp mực và cắm lại vào máy in. Lau mặt tiếp xúc của hộp mực ( <a href="#">trang 5-6</a> ).
Không in	Bộ cảm biến sản phẩm bên trong bị bẩn.	Vệ sinh bộ cảm biến sản phẩm bên trong.

### Thông báo Lỗi Firmware

Sử dụng bảng dưới đây để chẩn đoán và giải quyết các lỗi firmware.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Giải pháp
Cập nhật ngôn ngữ và các tính năng khác không thành công	Ấn nhầm phím F12.	Ấn phím F12.
Kết quả in không chính xác	Máy in bị nhầm lẫn bởi thiết lập chưa xác định trước đó.	Khôi phục G20i về thiết lập mặc định gốc.

### Thông báo Lỗi Phần mềm

Sử dụng bảng dưới đây để chẩn đoán và giải quyết các lỗi phần mềm.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Giải pháp
Chế độ in trì hoãn không chính xác	Một chương trình phần mềm như chương trình chống virus đã can thiệp vào tín hiệu dữ liệu giữa máy tính cá nhân và máy in.	Vô hiệu hóa hoặc gỡ bỏ chương trình phần mềm gây can thiệp tín hiệu dữ liệu.

## LỖI CHẤT LƯỢNG IN

Sử dụng bảng dưới đây để chẩn đoán và giải quyết các lỗi về chất lượng in.

Sự cố	Ví dụ	Biện pháp khắc phục
Mặt in quá xa so với bề mặt cần in.		Hạ thấp đầu in cho tới khi đạt đến chất lượng in có thể chấp nhận được.
Mặt in chạm vào bề mặt cần in.		Nâng đầu in cho tới khi đạt đến chất lượng in có thể chấp nhận được.
Mặt in bị nghiêng.		Đảm bảo đầu phun in song song với mép trước của bề mặt cần in.
Đầu phun in song song với chuyển động của bề mặt cần in.		Đảm bảo đầu phun in vuông góc với chuyển động của sản phẩm.
Đầu phun mặt in bị nghẽn.		Lau mặt in hoặc lọc đầu phun. Nếu đầu phun vẫn bị nghẽn, thay thế hộp mực.
Mực in bị mờ ở phía trên hoặc phía dưới văn bản.		Đầu phun in vuông góc với chuyển động sản phẩm, tuy nhiên mặt in không song song song với bề mặt cần in.
Bộ đo tốc độ bị trượt, hoặc thiết lập tốc độ nội bộ không chính xác.		Kiểm tra xem bộ đo tốc độ có được lắp đặt chính xác hay không. Kiểm tra thiết lập tốc độ.
Mực in quá mờ.		Tăng độ phân giải in hoặc mật độ in.
Mực in quá đậm/ quá nhiều mực trên bề mặt cần in hoặc mức tiêu thụ mực quá cao.		Giảm độ phân giải in hoặc mật độ in.

# PHẦN 5: BẢO DƯỠNG

## NỘI DUNG

	Trang
BẢO DƯỠNG HỘP MỤC .....	5-3
Bảo quản Hộp mực .....	5-3
Vệ sinh Hộp mực .....	5-4
Tại sao cần vệ sinh hộp mực .....	5-4
Lau đầu in của hộp mực .....	5-5
Lau bề mặt tiếp xúc của hộp mực .....	5-6
Lọc đầu phun thủ công .....	5-7
Lọc đầu phun tự động .....	5-8
Tự động chuyển đầu phun .....	5-9
CẬP NHẬT FIRMWARE .....	5-11
CẬP NHẬT NGÔN NGỮ .....	5-12
KHÔI PHỤC VỀ THIẾT LẬP MẶC ĐỊNH GỐC .....	5-13
SAO LƯU VÀ PHỤC HỒI MÁY IN .....	5-14
Sao lưu .....	5-14
Phục hồi .....	5-15

BẢO DƯỠNG

TRANG NÀY ĐƯỢC CỐ Ý ĐỂ TRỐNG

## **BẢO DƯỠNG HỘP MỰC**

### **Bảo quản Hộp mực**

Việc gián đoạn chu kỳ in có thể ảnh hưởng tới chất lượng in. Sau một thời gian không hoạt động, mực sẽ bắt đầu bay hơi và cứng lại trên tấm đầu phun và trong khoang đầu phun. Tình trạng này sẽ làm nghẽn khoang và có thể hạn chế quy trình bắn giọt mực hoặc khiến mực bị chệch khỏi hướng chính xác.

Mỗi loại mực, dạng nước và gốc ethanol, có thời gian “mở nắp” khác nhau:

Với mực dạng nước có kháng thời gian không hoạt động ngắn, thông thường là các khoảng thời gian không hoạt động ít hơn 2 tiếng trong chu kỳ in, không cần thực hiện biện pháp khắc phục nào, và không cần tháo hộp mực khỏi đầu in.

Với mực gốc ethanol, thời gian “mở nắp” có thể thay đổi tùy theo loại mực được sử dụng; thông thường, mực cần được đóng nắp khoảng 10 đến 60 phút sau khi không hoạt động trong chu kỳ in. Để có được bản in đầu tiên hoàn hảo, lau bề mặt đầu phun bằng khăn khô không xơ trước khi bắt đầu lại thao tác và/hoặc in thử một vài nội dung. Thiết lập lọc cũng có thể được ghi vào thao tác, điều này giúp giảm bớt sự cần thiết phải lau đầu phun.

Với cả hai loại mực không hoạt động trong thời gian dài hơn thời gian nêu trên, hộp mực phải được tháo ra và đậy nắp cho đầu phun để tránh làm mực bị khô. Khi bắt đầu thao tác lần đầu tiên sau một khoảng thời gian không hoạt động kéo dài, lau bề mặt đầu phun và in thử một vài trang nội dung trước khi bắt đầu in tiếp.

Nhiệt độ phòng cũng gây ảnh hưởng tới động lực học dung dịch của mực - hộp mực phải luôn được vận hành trong phạm vi nhiệt độ được quy định trong MSDS.

## Vệ sinh Hộp mực

Các điều kiện môi trường làm việc nhiều bụi có thể làm bẩn đầu in và hộp mực in, gây ảnh hưởng tới chất lượng nội dung được in.

### Tại sao cần vệ sinh hộp mực

- Mực bị cứng trên tấm đầu phun sẽ làm tắc hoặc hạn chế quy trình bắn mực. Các loại mực dạng nước và gốc ethanol có thời gian “mở nắp” khác nhau; tuy nhiên, trong thời gian không hoạt động mà không đóng nắp hộp mực, tất cả các loại mực có thể bị đông cứng trên tấm đầu phun.
- Các chất bẩn trong môi trường từ dây chuyền sản xuất (ví dụ sợi nền, bụi, và tia mực) sẽ tích tụ trên đầu in và hộp mực. Kết quả là, chúng có thể gây nghẽn đầu phun và bề mặt tiếp xúc điện giữa đầu in và hộp mực.
- Tình trạng mòn bề mặt đầu phun từ các chất nền cụ thể có thể gây hư hại và làm nghẽn đầu phun trong quá trình sản xuất.

Cần đảm bảo đầu in và hộp mực luôn được giữ gìn sạch sẽ nhất có thể - không bị bám sợi nền, cặn mực, và các chất bẩn khác có thể tích tụ trong quá trình sản xuất.

Do đó, người dùng nên tiến hành vệ sinh hộp mực trước khi lắp vào đầu in và bắt đầu quy trình sản xuất. Điều này giúp đảm bảo cặn mực khô được loại bỏ khỏi bề mặt đầu phun trước khi in.



## Lau đầu in của hộp mực



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

- THẬN TRỌNG:** (1) Không dùng lực quá mạnh để tránh làm hư hại đầu in.  
(2) Không lắc hoặc bóp hộp mực.  
(3) Để tránh làm nghẽn đầu phun của đầu in, sử dụng vải mịn và nước khử ion.

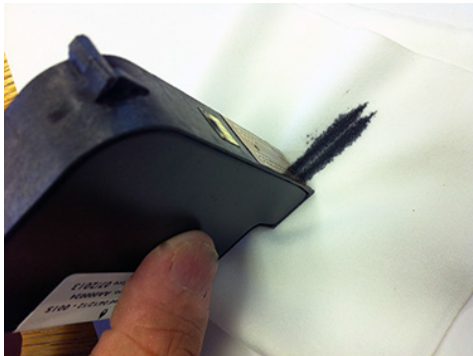
Để vệ sinh hộp mực:

- (1) Làm ẩm vải mịn bằng nước khử ion.
- (2) Nhẹ nhàng lau hộp mực bằng vải mịn.



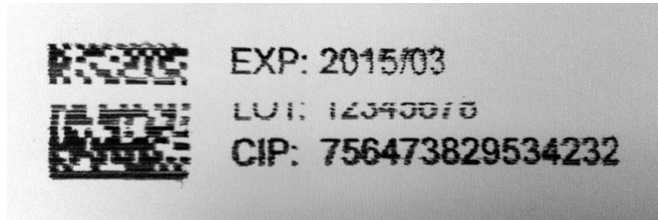
- (3) Tiếp tục lau hộp mực bằng vải mịn cho tới khi 2 đường mực đen xuất hiện.

**Chú ý:** Sử dụng vải sạch mỗi khi lau hộp mực.



## Lau bề mặt tiếp xúc của hộp mực

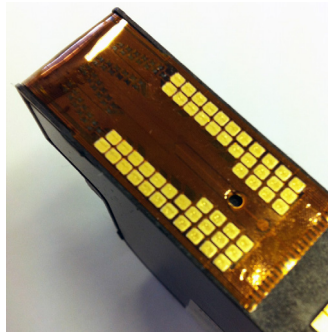
Trong một số trường hợp, các dây đầu phun trong đầu in có thể ngừng bắn mực, xem ảnh bên dưới.



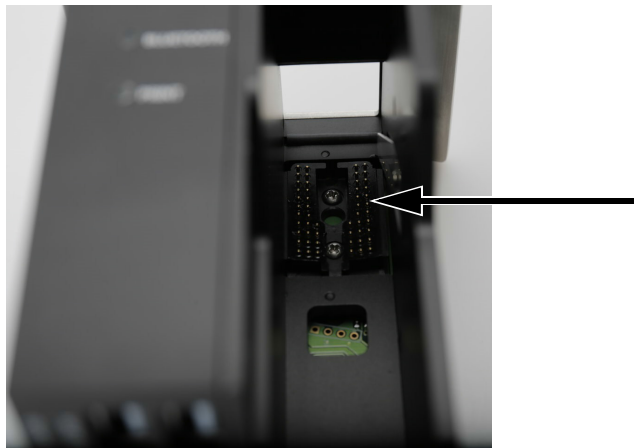
Trong các trường hợp đó, bề mặt tiếp xúc điện gửi tín hiệu tới hộp mực có thể bị cản trở do chất bẩn.

Để làm sạch bề mặt tiếp xúc:

- (1) Tháo hộp mực khỏi đầu in.
- (2) Lau tấm tiếp xúc vàng bằng cách nhẹ nhàng lau bề mặt bằng vải mịn.



- (3) Nhẹ nhàng lau bề mặt tiếp xúc trong máy in bằng vải mịn.



## Lọc đầu phun thủ công

Nếu đầu phun trong đầu in bị nghẽn, và vẫn không thể thông đầu phun bằng cách vệ sinh đầu in, cần tiến hành lọc đầu phun. Quy trình lọc sẽ ép mực ra ngoài đầu phun và làm đầu phun được thông suốt. Nếu việc này không làm thông đầu phun được, cần thay thế hộp mực.

*Chú ý: Máy in cũng có thể được cài đặt tự động lọc đầu phun hộp mực trong thời gian không hoạt động. Xem “Lọc đầu phun tự động” trên trang 5-8.*

### Sử dụng bàn phím USB không dây



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

Để lọc hộp mực bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính của máy in, di chuyển con trỏ xuống để tô sáng *Thao tác*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ xuống để tô sáng *Lọc*.
- (4) Ấn nút *Enter*.

### Sử dụng máy tính cá nhân



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

Để lọc hộp mực bằng máy tính cá nhân:

- (1) Mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Công cụ*.
- (3) Nhấp vào *Lọc*.

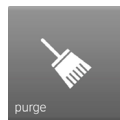
### Sử dụng thiết bị Android



**CẢNH BÁO:** Phải đeo thiết bị bảo hộ mắt.

Để lọc hộp mực bằng thiết bị Android:

- (1) Mở ứng dụng Domino Printer G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Lọc*.



- (3) Chọn *Lọc ngay!*

## Lọc đầu phun tự động

Để tránh làm mực khô trong đầu phun của đầu in trong thời gian không hoạt động; máy in có thể được cài đặt tự động lọc đầu phun thường xuyên.

### Cài đặt chế độ tự động lọc đầu phun bằng bàn phím USB không dây

Để cài đặt chế độ tự động lọc đầu phun bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng *Thiết lập*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Tô sáng *Đầu in phun Ngẫu nhiên*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Tô sáng *Trạng thái*.
- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Tô sáng *Kích hoạt*.
- (8) Ấn nút *Enter*.
- (9) Tô sáng *Thời gian*.
- (10) Nhập giá trị thời gian phù hợp (thời gian giữa các lần lọc đầu phun).
- (11) Ấn nút *Enter*.
- (12) Ấn *ESC* để quay lại trình đơn chính.

### Cài đặt chế độ tự động lọc đầu phun bằng máy tính cá nhân

Để cài đặt chế độ tự động lọc đầu phun bằng máy tính cá nhân:

- (1) Mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Điều khiển máy in*.
- (3) Trong trình đơn phụ *Đầu in phun Ngẫu nhiên*, bấm vào *In phun Tự động*.
- (4) Thay đổi giá trị *Thời gian* phù hợp thời gian giữa các lần xả mực béc phun.

### Cài đặt chế độ tự động lọc đầu phun bằng thiết bị Android

Để cài đặt chế độ tự động lọc đầu phun bằng thiết bị Android:

- (1) Mở ứng dụng Domino Printer G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Thiết lập máy in*.
- (3) Chọn *Lọc*.
- (4) Tích vào ô chọn *Kích hoạt lọc*.
- (5) Nhập giá trị phù hợp *Thời gian trì hoãn (Giây)* (thời gian giữa các lần lọc đầu phun).
- (6) Quay về màn hình chính của ứng dụng.

## Tự động chuyển đầu phun

Đầu in có 2 khối đầu phun. Để tăng tuổi thọ cho đầu phun, thay vì sử dụng cả hai hoặc 1 trong hai khối đầu phun cho từng công việc in, G20i có thể thay đổi các khối đầu phun cho từng công việc in.

### Cài đặt chế độ tự động chuyển đầu phun bằng bàn phím USB không dây

Để cài đặt chế độ tự động chuyển đầu phun bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng *Thiết lập*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Tô sáng *Mặt in*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Tô sáng *Chọn*.
- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Tô sáng *Tự động*.
- (8) Ấn nút *Enter*.
- (9) Tô sáng *Giá trị*.
- (10) Nhập số lần một khối béc phun sẽ in trước khi chuyển sang khối béc phun còn lại.
- (11) Ấn nút *Enter*.
- (12) Ấn *ESC* để quay lại trình đơn chính.

### Cài đặt chế độ tự động chuyển đầu phun bằng máy tính cá nhân

*Chú ý:* Tính năng này không thể được cài đặt bằng máy tính cá nhân khi in ở độ phân giải 600 DPI. Cả hai khối đầu phun đều cần in ở độ phân giải 600 DPI.

Để cài đặt tính năng này bằng máy tính cá nhân:

- (1) Mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Điều khiển máy in*.
- (3) Trong trình đơn phụ *Chuyển béc phun*, bấm vào *Có*.
- (4) Thay đổi giá trị *Số lần* thành số lần một khối béc phun sẽ in trước khi chuyển sang khối béc phun còn lại.

### **Cài đặt chế độ tự động chuyển đầu phun bằng thiết bị Android**

Để cài đặt tính năng này bằng thiết bị Android:

- (1) Mở ứng dụng Domino Printer G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Thiết lập máy in*.
- (3) Chọn *mặt in*.
- (4) Bỏ chọn ô *Chế độ thủ công*.
- (5) Nhập số lần một khối béc phun sẽ in trước khi chuyển sang khối béc phun còn lại trong ô văn bản *Tự động thay đổi giá trị*.
- (6) Chọn *OK*.

## CẬP NHẬT FIRMWARE

**THÂN TRỌNG:** *Không được tắt máy in hoặc ngắt điện khi đang cập nhật firmware máy in.*

- Chú ý:** (1) *Cần sử dụng ổ USB flash trống có dung lượng tối đa là 4GB cho quy trình này.*
- (2) *Cần sử dụng bàn phím USB không dây để điều khiển máy in cho quy trình này.*
- (3) *Mọi dữ liệu và thiết lập được lưu trong máy in sẽ bị mất đi sau khi cập nhật xong firmware.*

Để cập nhật firmware máy in:

- (1) Tải tập tin firmware về máy tính cá nhân.
- (2) Cắm ổ USB flash vào cổng USB của máy tính cá nhân.
- (3) Sao chép tập tin firmware mới vào ổ USB flash.
- (4) Rút ổ USB flash ra khỏi máy tính cá nhân.
- (5) Ngắt nối mọi đầu vào và đầu ra từ G20i, ngoại trừ nguồn điện và bàn phím USB không dây.
- (6) Tháo hộp mực khỏi G20i.
- (7) Cắm ổ USB flash vào cổng USB flash của G20i.
- (8) Từ trình đơn chính của máy in, sử dụng bàn phím USB không dây để di chuyển con trỏ xuống và tô sáng *Thiết lập*.
- (9) Ấn nút *Enter*.
- (10) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Giới thiệu*.
- (11) Ấn nút *Enter*.
- (12) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Cập nhật firmware*.
- (13) Ấn nút *Enter*.
- (14) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Có*.
- (15) Ấn nút *Enter*.
- (16) Mất 10 phút để hoàn thành quy trình cập nhật.
- (17) Sau khi cập nhật xong, ấn *ESC* để quay lại trình đơn chính.
- (18) Ấn phím *F12*.
- (19) Nếu cần cập nhật tập tin ngôn ngữ của G20i, để ổ USB flash trong G20i và làm theo quy trình Cập nhật Ngôn ngữ trên [trang 5-12](#). Nếu không cần cập nhật tập tin ngôn ngữ, bạn có thể rút ổ USB flash ra khỏi G20i.

## CẬP NHẬT NGÔN NGỮ

*Chú ý:* Cần sử dụng bàn phím USB không dây để điều khiển máy in cho quy trình này.

Để cập nhật ngôn ngữ trên máy in:

- (1) Cập nhật firmware máy in. Xem [“Cập nhật Firmware” trên trang 5-11](#).
- (2) Từ trình đơn chính của máy in, di chuyển con trỏ để tô sáng *Thiết lập*.
- (3) Ấn nút *Enter*.
- (4) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Ngôn ngữ*.
- (5) Ấn nút *Enter*.
- (6) Di chuyển con trỏ để tô sáng ngôn ngữ muốn cài.
- (7) Ấn nút *Enter*.
- (8) Ấn *ESC* để quay lại trình đơn chính.
- (9) Ấn phím *F12*.



## **KHÔI PHỤC VỀ THIẾT LẬP MẶC ĐỊNH GỐC**

*Chú ý: Cần sử dụng bàn phím USB không dây cho quy trình này.*

Để khôi phục G20i về thiết lập mặc định gốc:

- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng *Thiết lập*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Mặc định*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Có*.
- (6) Ấn nút *Enter*.

## SAO LƯU VÀ PHỤC HỒI MÁY IN

### Sao lưu

*Chú ý:* Cần sử dụng bàn phím USB không dây và ổ đĩa USB cho quy trình này.

*Chú ý:* Bạn nên dùng một ổ đĩa USB trống.

Để sao lưu phông chữ, logo, ngôn ngữ và thiết lập máy in vào ổ đĩa USB:

- (1) Cắm ổ đĩa USB vào khe cắm ổ USB Flash trên máy in.



- (2) Từ trình đơn chính của máy in, tô sáng *Cài đặt*.
- (3) Ấn nút *Enter*.
- (4) Tô sáng *Sao lưu vào USB*.
- (5) Ấn nút *Enter*.

## Phục hồi

*Chú ý:* Cần sử dụng bàn phím USB không dây và ổ đĩa USB cho quy trình này.

Để phục hồi phông chữ, logo, ngôn ngữ và cài đặt máy in vào máy in:

- (1) Cắm ổ đĩa USB có chứa các tệp phục hồi vào khe cắm ổ USB Flash trên máy in.



- (2) Từ trình đơn chính của máy in, tô sáng *Cài đặt*.
- (3) Ấn nút *Enter*.
- (4) Tô sáng *Phục hồi từ USB*.
- (5) Ấn nút *Enter*.

BẢO DƯỠNG

TRANG NÀY ĐƯỢC CỐ Ý ĐỂ TRỐNG

# PHẦN 6: LẮP ĐẶT

## NỘI DUNG

	Trang
LẮP ĐẶT .....	6-3
Mở hộp .....	6-3
Thiết bị trong hộp .....	6-3
Gắn G20i vào băng chuyền .....	6-8
Nối đất G20i .....	6-11
Kết nối nguồn cấp điện .....	6-12
Kết nối Bàn phím USB Không dây .....	6-13
Lắp đặt Hộp mực .....	6-14
Kết nối Máy tính Cá nhân và Lắp đặt Phần mềm .....	6-16
Vô hiệu hóa chế độ “Driver Signature Enforcement” .....	6-18
Cài đặt Trình điều khiển thủ công .....	6-19
Kết nối Thiết bị Android .....	6-20
KẾT NỐI ĐẦU VÀO .....	6-21
Kết nối Tín hiệu Đầu vào NPN .....	6-21
Bộ cảm biến Sản phẩm Bên ngoài .....	6-22
Kết nối Bộ cảm biến Sản phẩm NPN .....	6-22
Kết nối Bộ cảm biến Sản phẩm PNP .....	6-23
Kết nối Bộ cảm biến Sản phẩm dạng Kéo-Đẩy .....	6-24
KẾT NỐI ĐẦU RA .....	6-25
Kết nối Tín hiệu Đầu ra NPN .....	6-25
Kết nối Đèn Cảnh báo .....	6-26
Kết nối bộ đo tốc độ trực .....	6-27
Đường kính Bánh xe trong bộ đo tốc độ trực .....	6-28
THIẾT LẬP BỘ ĐO TỐC ĐỘ TRỰC .....	6-29
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	6-29
Sử dụng máy tính .....	6-29
BỘ CẢM BIẾN SẢN PHẨM BÊN TRONG .....	6-30
Hiệu chuẩn Bộ cảm biến Sản phẩm Bên trong .....	6-31
MẬT ĐỘ, ĐỘ PHÂN GIẢI VÀ TỐC ĐỘ .....	6-33
THIẾT LẬP MÁY IN .....	6-34
Thiết lập Đồng hồ Hệ thống .....	6-34
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	6-34
Sử dụng máy tính .....	6-34

## LẮP ĐẶT

Sử dụng thiết bị Android .....	6-34
Thiết lập Đơn vị Đo .....	6-35
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	6-35
Sử dụng máy tính .....	6-35
Sử dụng thiết bị Android .....	6-35
Thiết lập hướng in .....	6-36
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	6-36
Sử dụng máy tính .....	6-36
Sử dụng thiết bị Android .....	6-37
Thiết lập mật độ in .....	6-38
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	6-38
Sử dụng máy tính .....	6-38
Sử dụng thiết bị Android .....	6-38
Thiết lập độ phân giải in (DPI) .....	6-39
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	6-39
Sử dụng máy tính .....	6-39
Sử dụng thiết bị Android .....	6-40
Thiết lập Tốc độ in .....	6-41
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	6-41
Sử dụng máy tính .....	6-41
Sử dụng thiết bị Android .....	6-42
Thiết lập Loại Cảm biến Sản phẩm .....	6-43
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	6-43
Sử dụng máy tính .....	6-43
Sử dụng thiết bị Android .....	6-44
Thiết lập độ trì hoãn in .....	6-45
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	6-45
Sử dụng máy tính .....	6-45
Sử dụng thiết bị Android .....	6-46
Thiết lập chế độ in .....	6-47
Sử dụng bàn phím USB không dây .....	6-47
Sử dụng máy tính .....	6-49
Sử dụng thiết bị Android .....	6-50
Thiết lập Bảo vệ Mật khẩu .....	6-51
GIAO TIẾP RS-485 .....	6-52
Nối dây RS-485 .....	6-52
Kết nối nhiều máy in với một máy tính cá nhân .....	6-52
Kết nối nhiều máy in với một PLC .....	6-53
Thiết lập Máy in RS-485 .....	6-53
THIẾT LẬP POD (IN DỮ LIỆU TRỰC TUYẾN) .....	6-54




# LẮP ĐẶT

## Mở hộp





Tháo G20i và các phụ kiện từ bao bì.

Kiểm tra nội dung đóng gói với danh sách nội dung đóng gói, nếu có bất kỳ sai lệch nào, lập tức báo lại cho nhà cung cấp.

## Thiết bị trong hộp

Số lượng	Mô tả
1	 <p>Máy in Phun nhiệt G20i</p>
1	 <p>Kẹp đế</p>
2	 <p>Kẹp</p>

LẮP ĐẶT


Số lượng	Mô tả
1	 <p><i>Kẹp chống giật điện</i></p>
1	 <p><i>Thanh tròn 19 x 300mm</i></p>
1	 <p><i>Thanh tròn 19 x 200mm</i></p>
5	 <p><i>Vít lục giác 8 x 20mm</i></p>





## LẮP ĐẶT

Số lượng	Mô tả
2	 <p>Vít lục giác 8 x 15mm</p>
3	 <p>Vít lục giác 4 x 10mm</p>
1	 <p>Bàn phím USB không dây</p>
1	 <p>Dây cáp USB A-B</p>

LẮP ĐẶT

Số lượng	Mô tả
1	 <p data-bbox="715 779 892 817"><i>Bộ đổi nguồn</i></p>
1	 <p data-bbox="676 1182 994 1220"><i>Cáp nối đất với vít M3x5</i></p>
1	 <p data-bbox="794 1576 876 1615"><i>Tua vít</i></p>

## LẮP ĐẶT

Số lượng	Mô tả
1	 <p data-bbox="783 651 1035 689"><i>Khóa lục giác 6mm</i></p>
1	 <p data-bbox="783 1032 1035 1070"><i>Khóa lục giác 3mm</i></p>

## LẮP ĐẶT

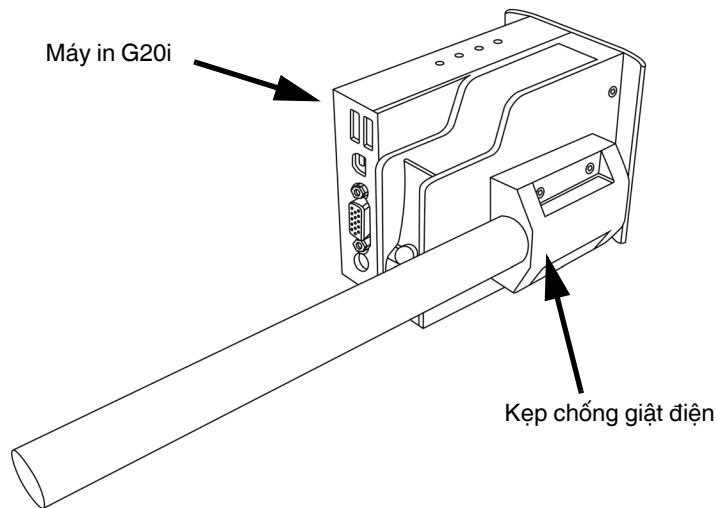
### Gắn G20i vào băng chuyền

Dụng cụ cần thiết:

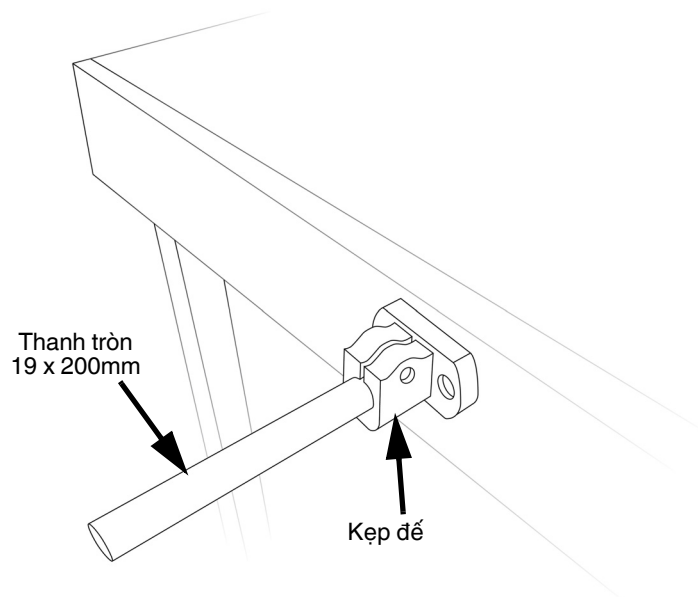
- Khóa lục giác 3mm
- Khóa lục giác 6mm

Để gắn G20i vào băng chuyền:

- (1) Gắn Kẹp chống giật điện vào phía bên của G20i.

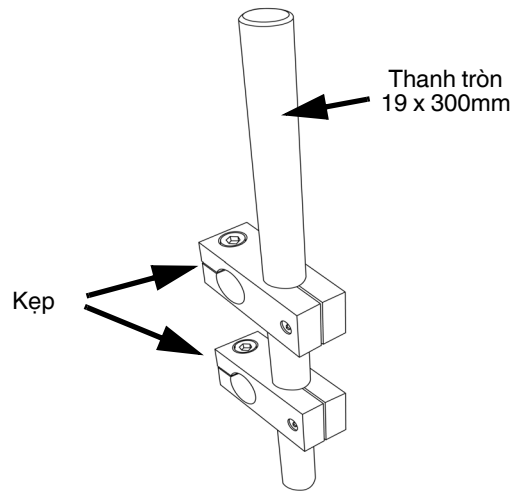


- (2) Gắn Kẹp đế và Thanh tròn 19 x 200mm vào phía bên của băng chuyền.

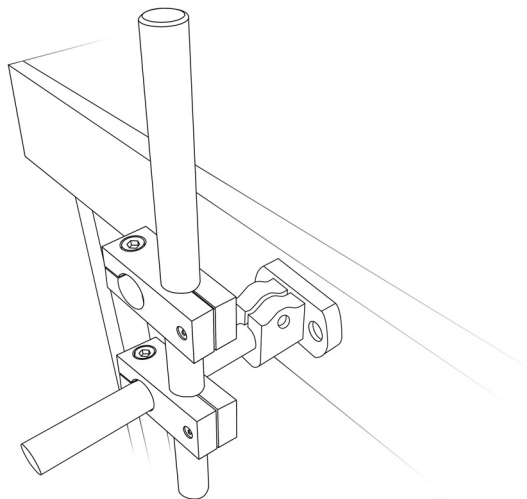


## LẮP ĐẶT

(3) Trượt 2 kẹp lên thanh tròn 19 x 300mm.

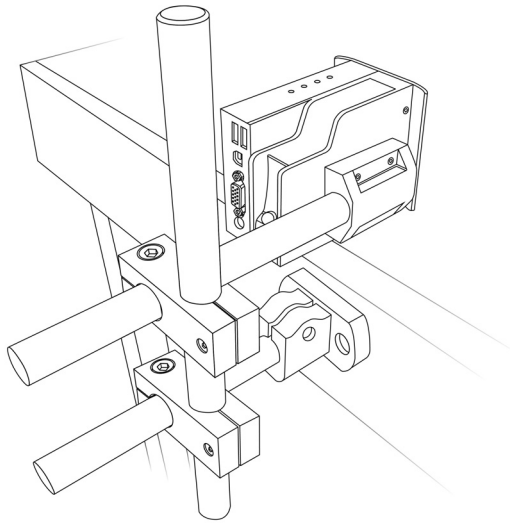


(4) Gắn Thanh tròn 19 x 300mm với kẹp trên thanh tròn 19 x 200mm.

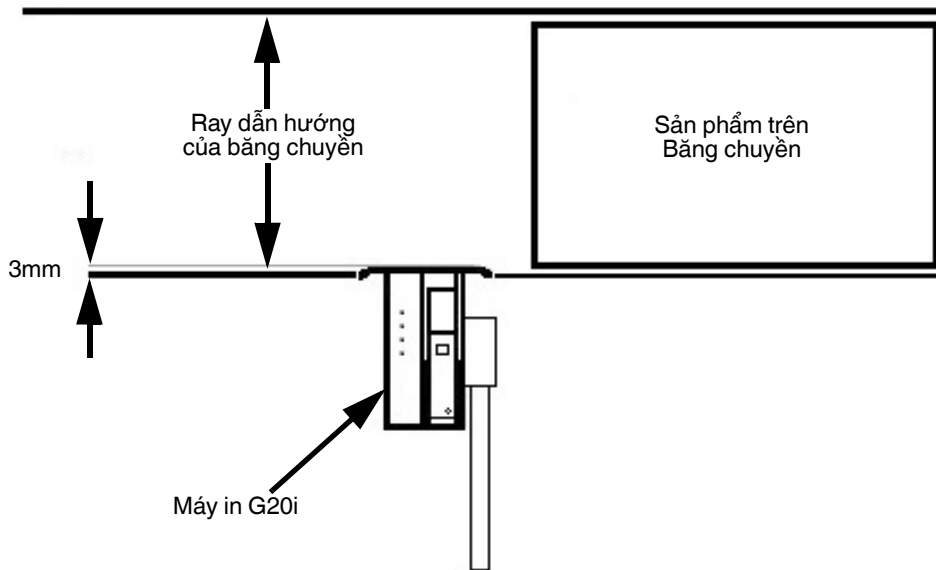


## LẮP ĐẶT

- (5) Gắn G20i và Kẹp chống giật điện vào Thanh tròn 19 x 300mm.



- (6) Điều chỉnh vị trí cho máy in sao cho máy in cách ray dẫn hướng của băng chuyền 3mm.



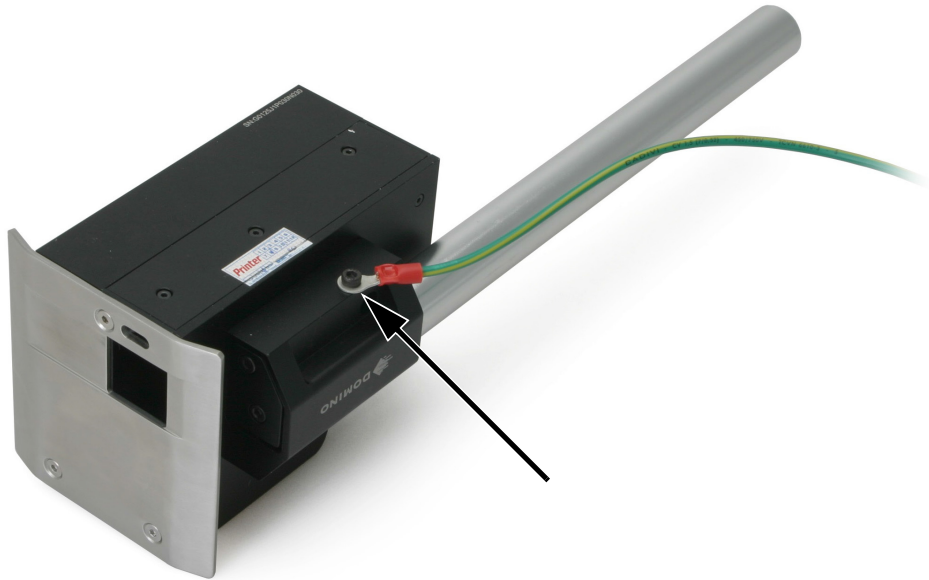
- (7) Vặn chặt tất cả vít.

## LẮP ĐẶT

### Nối đất G20i

Để nối đất G20i:

- (1) Gắn cáp nối đất vào điểm nối đất, ở dưới kẹp chống giật điện bằng vít M3x5.



*Điểm nối đất G20i*

- (2) Gắn đầu còn lại của cáp nối đất vào điểm nối đất phù hợp.

## LẮP ĐẶT

### Kết nối nguồn cấp điện

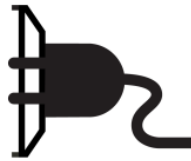
**THẬN TRỌNG:** Chỉ sử dụng bộ đổi nguồn được cung cấp.

- (1) Cắm bộ đổi nguồn vào ổ cắm 12 VDC.



*Kết nối bộ đổi nguồn*

- (2) Cắm bộ đổi nguồn vào ổ cắm điện hoặc các nguồn điện khác.





## LẮP ĐẶT

### Kết nối Bàn phím USB Không dây

- (1) Cắm đầu thu phát tín hiệu của bàn phím USB vào khe cắm bàn phím USB của máy in.



*Đầu thu phát tín hiệu của bàn phím USB Không dây*

- (2) Cắm 2 pin AAA vào khoang chứa pin của bàn phím.



*Pin của Bàn phím USB Không dây*

- (3) Bật bàn phím.



*Công tắc Tắt/bật Bàn phím USB Không dây*

## LẮP ĐẶT

### Lắp đặt Hộp mực

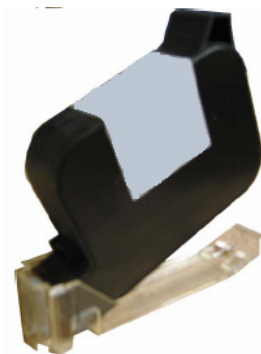
Để lắp hộp mực vào G20i:

- (1) Mở chốt phía sau máy in.



*Chốt hộp mực*

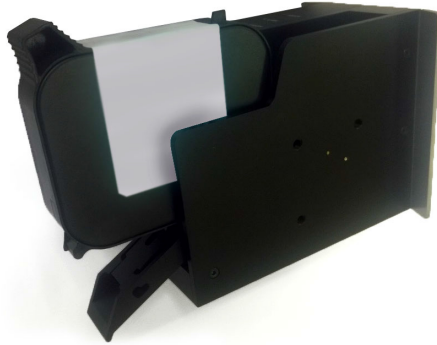
- (2) Tháo nắp hộp mực.



*Nắp hộp mực*

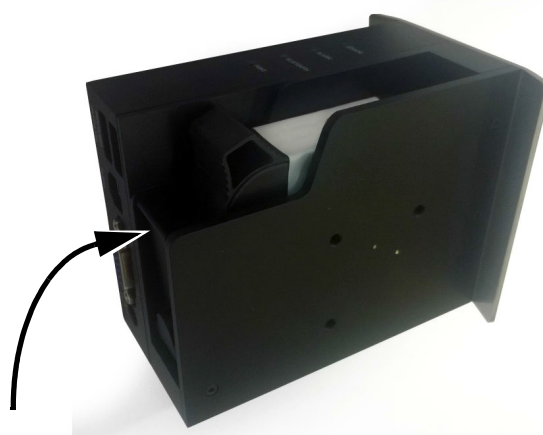
## LẮP ĐẶT

(3) Đưa hộp mực vào máy in.



*Đưa hộp mực vào máy in*

(4) Đóng chốt phía sau máy in.



*Đóng chốt hộp mực*

## LẮP ĐẶT

### Kết nối Máy tính Cá nhân và Lắp đặt Phần mềm

*Chú ý:* (1) Cần sử dụng bàn phím USB không dây để thiết lập máy in với kết nối máy tính.

(2) Nếu cài đặt phần mềm vào hệ điều hành máy tính Windows 8 hoặc 10 64 bit, cần vô hiệu hóa chế độ “driver signature enforcement” trước khi cài đặt trình điều khiển. Xem “Vô hiệu hóa chế độ “Driver Signature Enforcement”” trên trang 6-18.

Để kết nối G20i với máy tính:

- (1) Lưu phần mềm Domino G20i và tập tin trình điều khiển vào một vị trí trên máy tính.
- (2) Kết nối máy tính với khe cắm USB PC trên G20i bằng dây cáp USB A-B.



## LẮP ĐẶT

- (3) Bật G20i.
- (4) Sử dụng bàn phím USB không dây, từ trình đơn chính của máy in, di chuyển con trỏ xuống để tô sáng *Thao tác*.
- (5) Ấn nút *Enter*.
- (6) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Kết nối với máy tính*.
- (7) Ấn nút *Enter*.
- (8) Máy tính cá nhân sẽ dò kết nối tới G20i và cài đặt phần mềm trình điều khiển, làm theo các hướng dẫn trên màn hình.
- (9) Nếu máy tính không tự động cài đặt trình điều khiển, bạn phải cài đặt trình điều khiển thủ công. Xem [“Cài đặt Trình điều khiển thủ công” trên trang 6-19](#).
- (10) Khởi động chương trình Cài đặt Domino G20i trên máy tính và làm theo hướng dẫn trên màn hình.

## Vô hiệu hóa chế độ “Driver Signature Enforcement”

Nếu máy tính mà G20i kết nối sử dụng hệ điều hành Windows 8 hoặc 10 64 bit, cần vô hiệu hóa chế độ “driver signature enforcement”.

### Windows 8

Để vô hiệu hóa chế độ “driver signature enforcement” trên Windows 8:

- (1) Giữ phím *Windows* trên bàn phím máy tính và ấn nút *C*.
- (2) Nhấp vào *Thiết lập*.
- (3) Nhấp vào *Thay đổi thiết lập máy tính*.
- (4) Nhấp vào *Chung*.
- (5) Trong phần *Khởi động nâng cao*, nhấp *Khởi động lại ngay*.
- (6) Sau khi khởi động lại, nhấp *Khắc phục sự cố*.
- (7) Nhấp *Tùy chọn nâng cao*.
- (8) Nhấp *Thiết lập Khởi động*.
- (9) Nhấp *Khởi động lại*.
- (10) Sau khi khởi động lại, ấn phím *F7* trên bàn phím máy tính để vô hiệu hóa chế độ “driver signature enforcement”.
- (11) Máy tính sẽ được khởi động lại; sau khi khởi động lại, trình điều khiển đã được cài đặt hoàn tất.

### Windows 10

Để vô hiệu hóa chế độ “driver signature enforcement” trên Windows 10:

- (1) Nhấp vào biểu tượng *Windows Start*
- (2) Nhấp *Nguồn điện*.
- (3) Giữ phím *Shift* trên bàn phím máy tính và ấn nút *Khởi động lại*.
- (4) Sau khi khởi động lại, nhấp *Khắc phục sự cố*.
- (5) Nhấp *Tùy chọn nâng cao*.
- (6) Nhấp *Thiết lập Khởi động*.
- (7) Nhấp *Khởi động lại*.
- (8) Sau khi khởi động lại, ấn phím *F7* trên bàn phím máy tính để vô hiệu hóa chế độ “driver signature enforcement”.
- (9) Máy tính sẽ được khởi động lại; sau khi khởi động lại, trình điều khiển đã được cài đặt hoàn tất.

## **Cài đặt Trình điều khiển thủ công**

Để cài đặt trình điều khiển G20i thủ công:

- (1) Chọn biểu tượng khởi động Windows trên máy tính.
- (2) Nhấp chuột phải vào *Máy tính* và chọn *Quản lý*.
- (3) Chọn *Quản lý Thiết bị trong thanh bên trái*.
- (4) Nhấp chuột phải vào *Bộ mã hóa Phun nhiệt* và chọn *Cập nhật Phần mềm Trình điều khiển*.
- (5) Chọn *Tìm duyệt phần mềm trình điều khiển trên máy tính của tôi*.
- (6) Chọn vị trí phần mềm trình điều khiển.
- (7) Chọn *Tiếp theo*.
- (8) Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cài đặt trình điều khiển.

## Kết nối Thiết bị Android

*Chú ý: Cần sử dụng bàn phím USB không dây để thiết lập kết nối thiết bị Android.*

Để thiết lập kết nối thiết bị Android:

- (1) Sử dụng bàn phím USB không dây, từ trình đơn chính của máy in, di chuyển con trỏ xuống để tô sáng *Thiết lập*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Bluetooth*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Đảm bảo Hoạt động được chuyển thành *Kích hoạt*.
- (6) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Tên*.
- (7) Gõ tên sẽ được sử dụng cho máy in.
- (8) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Mã pin*.
- (9) Gõ mã pin sẽ được sử dụng để truy cập vào máy in.
- (10) Ấn nút *Enter*.
- (11) Ấn *ESC* để quay lại trình đơn chính.
- (12) Tải ứng dụng Domino Printer G20i từ kho ứng dụng Google Play trên thiết bị Android.
- (13) Bật Bluetooth trên thiết bị Android.
- (14) Mở ứng dụng Domino Printer G20i trên thiết bị Android.
- (15) Chọn *tìm kiếm máy in*.
- (16) Chọn *Tim kiếm thiết bị*.
- (17) Sau khi tìm thấy máy in, tên của máy in sẽ hiện trên danh sách *Các thiết bị khả dụng*.
- (18) Chọn máy in.
- (19) Chọn *Kết nối*.
- (20) Nhập mã pin của máy in.
- (21) Chọn *OK*.
- (22) Quay lại Trang chủ của ứng dụng Domino Printer G20i.
- (23) Máy in đã sẵn sàng được sử dụng.



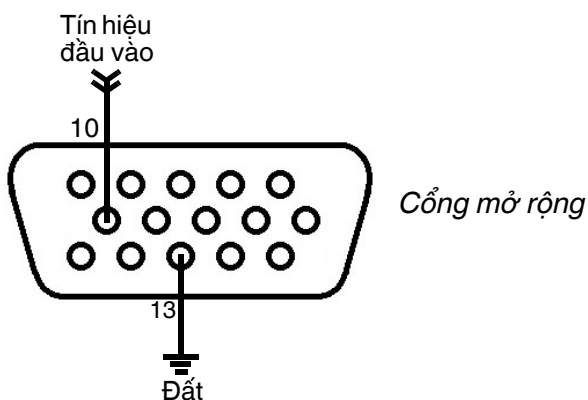
## KẾT NỐI ĐẦU VÀO

### Kết nối Tín hiệu Đầu vào NPN



**THẬN TRỌNG:** Tắt G20i và ngắt điện trước khi thực hiện bất kỳ quy trình nối dây điện nào.

Tín hiệu đầu vào NPN có thể được kết nối với Cổng mở rộng để kích hoạt các chức năng như cài đặt lại bộ đếm.



Sơ đồ nối dây tín hiệu đầu vào NPN

## Bộ cảm biến Sản phẩm Bên ngoài

G20i hỗ trợ các loại cảm biến NPN, PNP và Đẩy-Kéo. Khi được kết nối, bộ cảm biến sẽ gửi tín hiệu kích hoạt máy in tới G20i khi mép ngoài của sản phẩm đi qua bộ cảm biến.

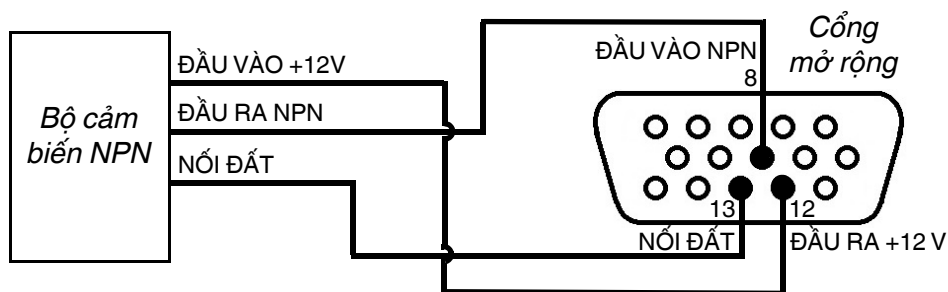
Khi sử dụng bộ cảm biến sản phẩm bên ngoài, loại cảm biến sản phẩm (trang 6-43), độ trì hoãn in (trang 6-45) và chế độ in (trang 6-47) phải được thiết lập.

### Kết nối Bộ cảm biến Sản phẩm NPN

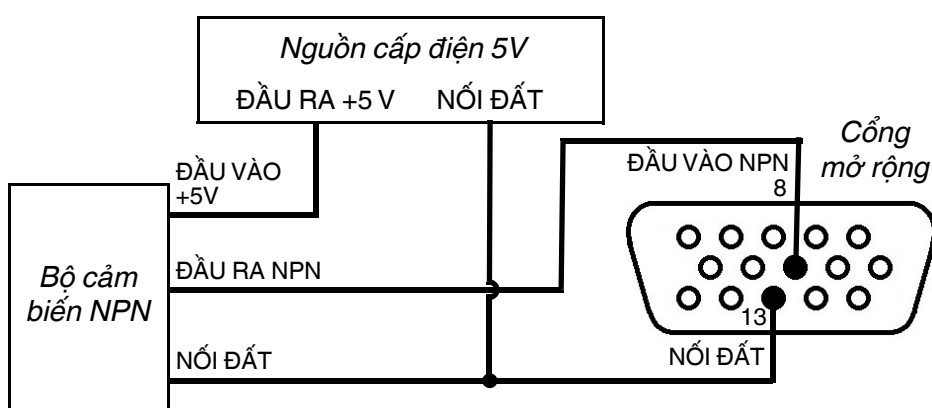


**THẬN TRỌNG:** Tắt G20i và ngắt điện trước khi thực hiện bất kỳ quy trình nối dây điện nào.

Cổng mở rộng có thể cấp điện 12V cho bộ cảm biến. Dùng một nguồn cấp ngoài 5V nếu cần cấp 5V cho bộ cảm biến.



Sơ đồ Nối dây Bộ cảm biến NPN với Máy in  
(Cấp điện 12V từ máy in)



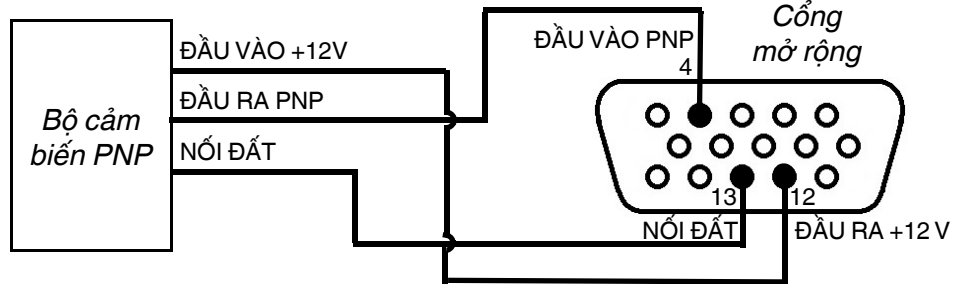
Sơ đồ Nối dây Bộ cảm biến NPN với Máy in  
(Cấp điện 5V từ nguồn cấp bên ngoài)

## Kết nối Bộ cảm biến Sản phẩm PNP

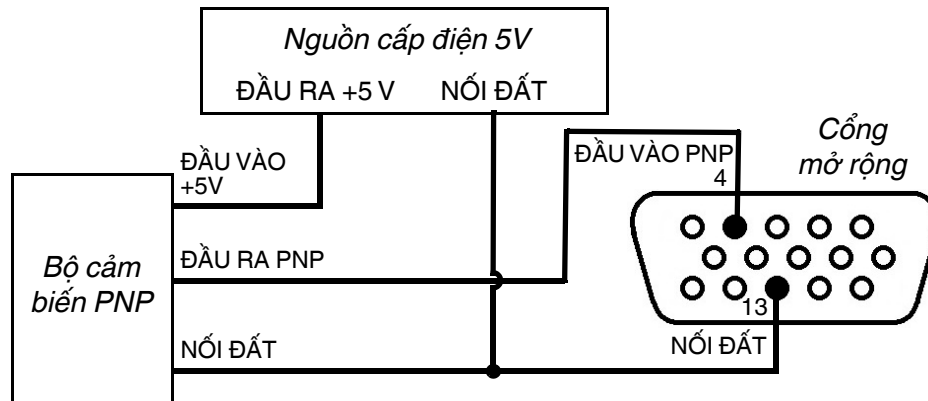


**THẬN TRỌNG:** Tắt G20i và ngắt điện trước khi thực hiện bất kỳ quy trình nối dây điện nào.

Cổng mở rộng có thể cấp điện 12V cho bộ cảm biến. Dùng một nguồn cấp ngoài 5V nếu cần cấp 5V cho bộ cảm biến.



Sơ đồ Nối dây Bộ cảm biến PNP với Máy in  
(Cấp điện 12V từ máy in)



Sơ đồ Nối dây Bộ cảm biến PNP với Máy in  
(Cấp điện 5V từ nguồn cấp bên ngoài)

## LẮP ĐẶT

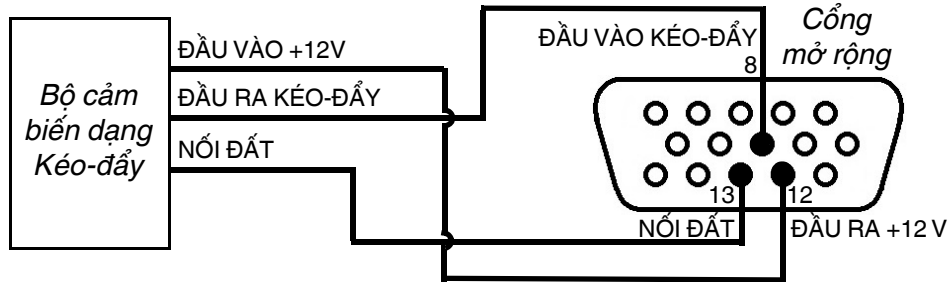
### Kết nối Bộ cảm biến Sản phẩm dạng Kéo-Đẩy



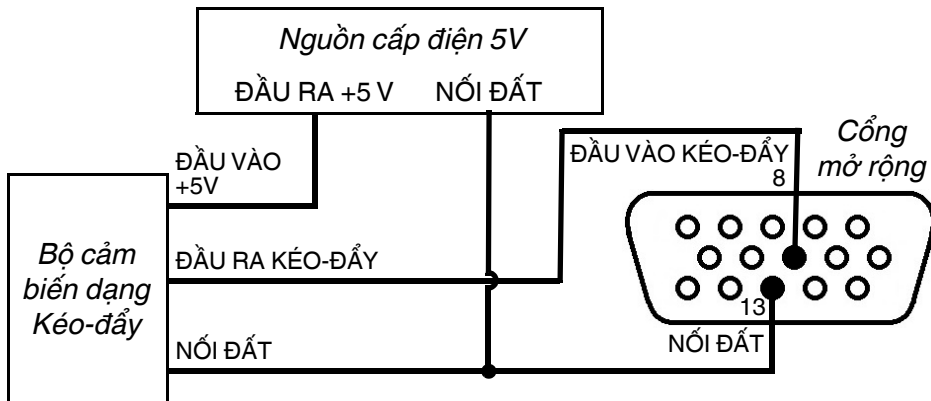
**THẬN TRỌNG:**

Tắt G20i và ngắt điện trước khi thực hiện bất kỳ quy trình nối dây điện nào.

Cổng mở rộng có thể cấp điện 12V cho bộ cảm biến. Dùng một nguồn cấp ngoài 5V nếu cần cấp 5V cho bộ cảm biến.



Sơ đồ Nối dây Bộ cảm biến dạng kéo-đẩy với Máy in  
(Cấp điện 12V từ máy in)



Sơ đồ Nối dây Bộ cảm biến dạng kéo-đẩy với Máy in  
(Cấp điện 5V từ nguồn cấp bên ngoài)

## KẾT NỐI ĐẦU RA

### Kết nối Tín hiệu Đầu ra NPN

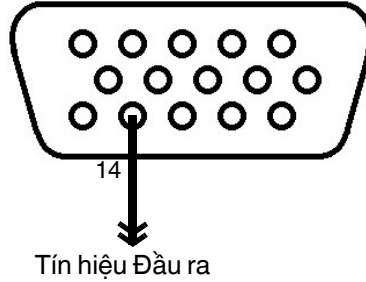


**THẬN TRỌNG:**

*Tắt G20i và ngắt điện trước khi thực hiện bất kỳ quy trình nối dây điện nào.*

Máy in có thể tạo tín hiệu đầu ra NPN từ Cổng mở rộng sau mỗi lần in.

*Cổng mở rộng*



*Sơ đồ nối dây Tín hiệu Đầu ra NPN*

## Kết nối Đèn Cảnh báo



**THẬN TRỌNG:** Tắt G20i và ngắt điện trước khi thực hiện bất kỳ quy trình nối dây điện nào.

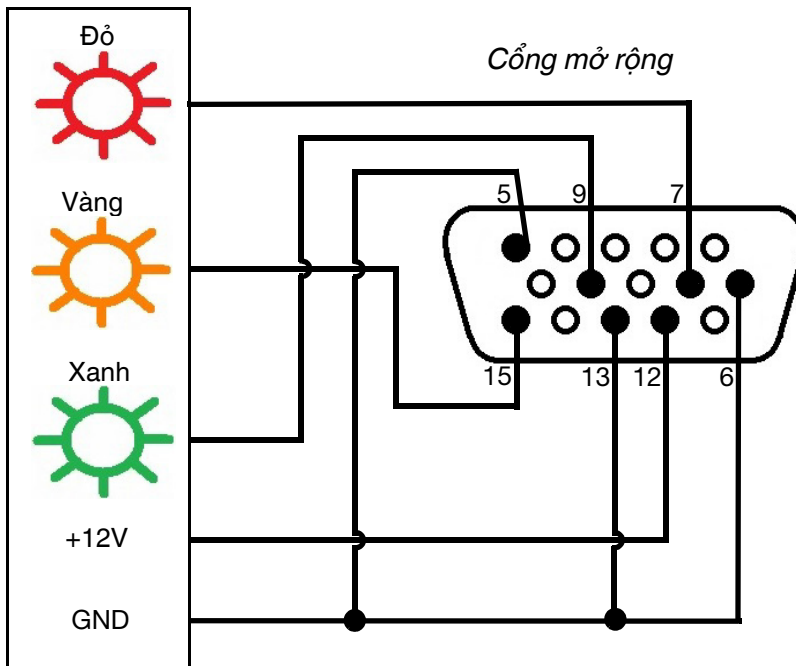
Đèn cảnh báo có thể được kết nối để cho phép người vận hành giám sát trạng thái máy in từ xa.



Tín hiệu đèn	Giải thích
Đỏ	Xảy ra lỗi, máy in đã dừng lại.
Vàng	Cần chú ý tới máy in.
Xanh	Máy in đang in hoặc sẵn sàng in.

Nguồn điện: 12V

Đèn cảnh báo



Sơ đồ nối dây Đèn cảnh báo tới Máy in

## Kết nối bộ đo tốc độ trực

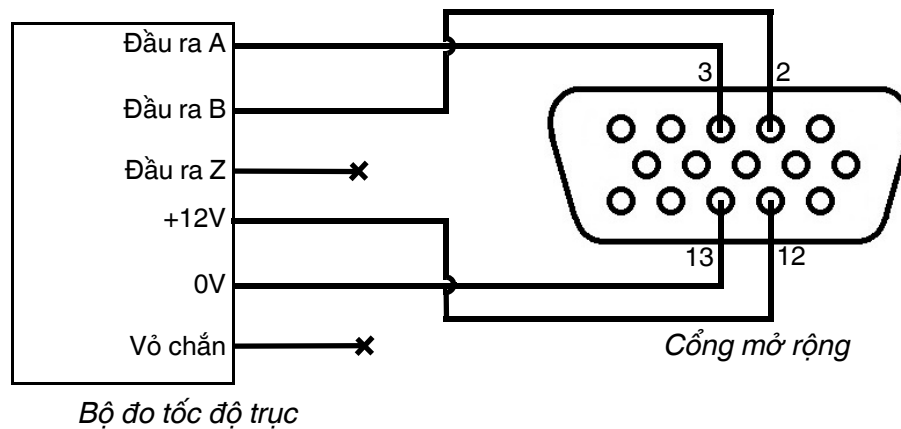


**THẬN TRỌNG:** Tắt G20i và ngắt điện trước khi thực hiện bất kỳ quy trình nối dây điện nào.

Bộ đo tốc độ trực có thể được kết nối tới G20i để đo tốc độ dây chuyền sản xuất. Nên sử dụng bộ đo tốc độ trực nếu tốc độ của dây chuyền sản xuất thay đổi trong quá trình in.

**Chú ý:** G20i chỉ hỗ trợ bộ đo tốc độ trực có bánh xe cố định, để tính đường kính bánh xe cần thiết, xem [trang 6-28](#).

Thông số kỹ thuật bộ đo tốc độ trực	
Xung trên vòng:	3600
Đầu ra:	A B Z
Nguồn điện:	12 - 24V



Sơ đồ nối dây Bộ đo tốc độ trực tới Máy in

## LẮP ĐẶT

### **Đường kính Bánh xe trong bộ đo tốc độ trực**

Để tính đường kính bánh xe của bộ đo tốc độ trực (D), cần đo độ phân giải in cần thiết (R).

Thực hiện phép tính sau:

$$3600 \div (\pi \times R) = D$$

Ví dụ, nếu độ phân giải in cần thiết là 600DPI, phép tính đường kính bánh xe bộ đo tốc độ là:

$$3600 \div (\pi \times 600) = 1,90985 \text{ inch hoặc } 48,5\text{mm.}$$



## THIẾT LẬP BỘ ĐO TỐC ĐỘ TRỰC

Để sử dụng bộ đo tốc độ trực, bạn cần thiết lập bộ đo tốc độ trực trong phần thiết lập của G20i.

### Sử dụng bàn phím USB không dây

Để thiết lập bộ đo tốc độ trực bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng *Thiết lập*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Tốc độ*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Chọn*.
- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Bộ đo tốc độ*.
- (8) Ấn nút *Enter*.
- (9) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Giá trị*.
- (10) Ấn nút *Enter*.
- (11) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Thực*.
- (12) Ấn nút *Enter*.

### Sử dụng máy tính

Để thiết lập đồng tốc trực bằng máy tính:

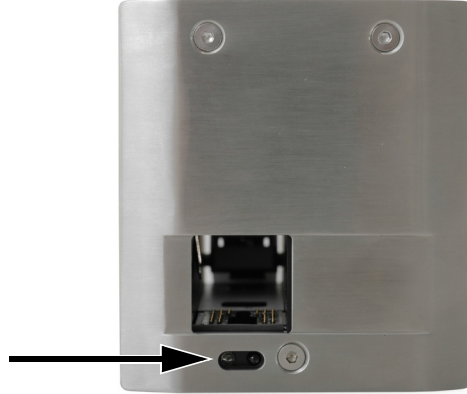
- (1) Mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Điều khiển Máy in*.
- (3) Trong trình đơn phụ *Đồng tốc*, chọn *Đồng tốc*.
- (4) Chọn một trong những cài đặt nêu trong bảng bên dưới:

Thực	Tối ưu hóa đồng tốc cho việc thay đổi tốc độ in.
Nhanh	Tối ưu hóa đồng tốc cho tốc độ in nhanh.
Chậm	Tối ưu hóa đồng tốc cho tốc độ in chậm.

## LẮP ĐẶT

# BỘ CẢM BIẾN SẢN PHẨM BÊN TRONG

G20i được trang bị bộ cảm biến sản phẩm bên trong để kích hoạt quy trình in nội dung.



*Vị trí Bộ cảm biến Sản phẩm Bên trong*

Bộ cảm biến Sản phẩm Bên trong sẽ tạo ra tín hiệu kích hoạt máy in khi mép ngoài của sản phẩm đi qua bộ cảm biến.

Để sử dụng bộ cảm biến sản phẩm bên trong, loại cảm biến sản phẩm ([trang 6-43](#)), độ trì hoãn in ([trang 6-45](#)) và chế độ in ([trang 6-47](#)) phải được thiết lập.

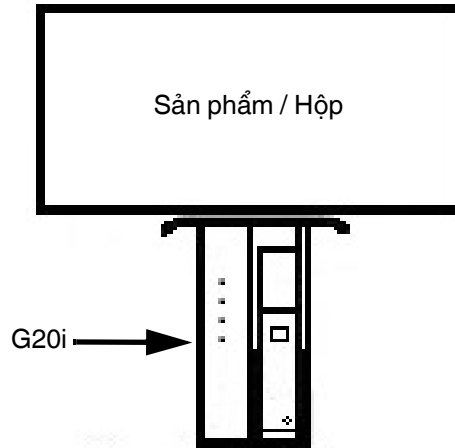
Để hiệu chuẩn bộ cảm biến sản phẩm bên trong, xem “[Hiệu chuẩn Bộ cảm biến Sản phẩm Bên trong](#)” trên [trang 6-31](#).

## LẮP ĐẶT

### Hiệu chuẩn Bộ cảm biến Sản phẩm Bên trong

Để hiệu chuẩn bộ cảm biến sản phẩm bên trong:

- (1) Đặt sản phẩm hoặc hộp phía trước G20i để chuẩn bộ cảm biến sản phẩm.



*Vị trí Bộ cảm biến*

- (2) Đèn LED cảm biến sáng lên để chỉ báo sản phẩm được dò tìm.



*Đèn LED cảm biến*

## LẮP ĐẶT

- (3) Nếu đèn LED cảm biến không sáng, sử dụng tua vít nhỏ để xoay vít điều chỉnh theo chiều kim đồng hồ, cho tới khi đèn LED cảm biến sáng lên.



*Vít điều chỉnh*

- (4) Lấy sản phẩm hoặc hộp ra khỏi phía trước bộ cảm biến sản phẩm bên trong.
- (5) Lúc này, đèn LED cảm biến sẽ tắt. Nếu đèn LED cảm biến không tắt, xoay vít điều chỉnh ngược chiều kim đồng hồ cho tới khi đèn LED tắt.

## MẬT ĐỘ, ĐỘ PHÂN GIẢI VÀ TỐC ĐỘ

Thiết lập mật độ và độ phân giải máy in ảnh hưởng đến tốc độ in tối đa. Bảng bên dưới cho thấy mối quan hệ giữa mật độ, độ phân giải và tốc độ in.

*Chú ý: Thiết lập mật độ và độ phân giải cao cũng tăng mức tiêu thụ mực.*

Mật độ Độ phân giải	1	2	3	4	5
600x600 (với máy tính)	38m/phút	19m/phút	12m/phút	9m/phút	7m/phút
600x300 (với máy tính)	76m/phút	38m/phút	25m/phút	19m/phút	15m/phút
600x150 (với máy tính)	152m/phút	76m/phút	50m/phút	38m/phút	30m/phút
600x100 (với máy tính)	228m/phút	114m/phút	76m/phút	57m/phút	45m/phút
300x300	76m/phút	38m/phút	25m/phút	19m/phút	15m/phút
300x150	152m/phút	76m/phút	50m/phút	38m/phút	30m/phút
300x100	228m/phút	152m/phút	101m/phút	76m/phút	60m/phút

## THIẾT LẬP MÁY IN

Nên cài đặt thiết lập máy in sau khi lắp đặt G20i.

Quy trình in phải được dừng lại trong lúc thay đổi thiết lập máy in. Xem [“Dừng in” trên trang 3-13](#).

### Thiết lập Đồng hồ Hệ thống

Đồng hồ hệ thống phải được thiết lập để đảm bảo trường ngày và giờ được in chính xác.

Quy trình sau đây mô tả cách thiết lập đồng hồ hệ thống.

#### Sử dụng bàn phím USB không dây

Để thiết lập đồng hồ hệ thống bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng *Thiết lập*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Đồng hồ hệ thống*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Ngày tháng*.
- (6) Sử dụng phím mũi tên  $\leftarrow$  và  $\rightarrow$  trên bàn phím để thay đổi giá trị ngày tháng.
- (7) Ấn nút *Enter* để áp dụng giá trị ngày tháng.
- (8) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Giờ*.
- (9) Sử dụng phím mũi tên  $\leftarrow$  và  $\rightarrow$  trên bàn phím để thay đổi giá trị thời gian.
- (10) Ấn nút *Enter* để áp dụng giá trị thời gian.
- (11) Ấn *ESC* để quay lại trình đơn chính.

#### Sử dụng máy tính

*Chú ý:* Tính năng này không khả dụng.

#### Sử dụng thiết bị Android

Để thiết lập đồng hồ hệ thống bằng thiết bị Android:

- (1) Mở ứng dụng Domino Printer G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Thiết lập máy in*.
- (3) Chọn *Đồng hồ Hệ thống*.
- (4) Lúc này, ngày giờ hệ thống có thể được thay đổi.
- (5) Chọn *Cài đặt*.

## Thiết lập Đơn vị Đo

Quy trình sau đây mô tả cách thiết lập loại đơn vị đo sẽ được sử dụng trong máy in.

### Sử dụng bàn phím USB không dây

Để thiết lập đơn vị đo bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng *Thiết lập*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Đơn vị*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ để tô sáng *inches* hoặc *mm*.
- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Ấn *ESC* để quay lại trình đơn chính.

### Sử dụng máy tính

Để thiết lập đơn vị đo bằng máy tính:

- (1) Mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Điều khiển máy in*.
- (3) Trong trình đơn phụ *Thông số*, chọn cài đặt thả xuống *Đơn vị*.
- (4) Chọn *Millimeters* hoặc *Inches*.

### Sử dụng thiết bị Android

Để thiết lập đơn vị đo bằng thiết bị Android:

- (1) Mở ứng dụng G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Thiết lập máy in*.
- (3) Chọn *Đơn vị*.
- (4) Chọn *Millimeters* hoặc *Inches*.
- (5) Chọn *OK*.

## Thiết lập hướng in

Quy trình sau đây mô tả cách chọn hướng để sản phẩm đi qua đầu in, và hướng nội dung sẽ được in.

### Sử dụng bàn phím USB không dây

Để thiết lập hướng in bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng *Thiết lập*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Hướng*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ để tô sáng hướng in:

ABC  
CBA  
CBA  
ABC

- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Ấn *ESC* để quay lại trình đơn chính.

### Sử dụng máy tính

Để thiết lập hướng in bằng máy tính:

- (1) Mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Điều khiển máy in*.
- (3) Trong trình đơn phụ *Thông số*, chọn cài đặt thả xuống *Hướng*.
- (4) Chọn *Trái sang Phải* hoặc *Phải sang Trái*.
- (5) Để in nội dung theo chiều lộn ngược, tích ô chọn *Xoay khung hình*.



## Sử dụng thiết bị Android

Để thiết lập hướng in bằng thiết bị Android:

- (1) Mở ứng dụng G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Thiết lập máy in*.
- (3) Chọn *hướng in*.
- (4) Chọn hướng in:

ABC

CBA

CBA

ABC

- (5) Chọn *Cài đặt*.

## Thiết lập mật độ in

Quy trình sau đây mô tả cách thiết lập mật độ in.

Cài đặt mật độ cao hơn sẽ khiến nội dung in ra đậm hơn, nhưng sẽ làm tăng mức tiêu thụ mực và giảm tốc độ in tối đa, xem [trang 6-33](#).

### Sử dụng bàn phím USB không dây

Để thiết lập mật độ in bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng *Thiết lập*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Mật độ*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ để tô sáng mức độ mật độ in từ 1 đến 5.
- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Ấn *ESC* để quay lại trình đơn chính.

### Sử dụng máy tính

Để thiết lập mật độ in bằng máy tính:

- (1) Mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Điều khiển máy in*.
- (3) Trong trình đơn phụ *Thông số*, chọn mức *Mật độ* từ 1 đến 5.

### Sử dụng thiết bị Android

Để thiết lập mật độ in bằng thiết bị Android:

- (1) Mở ứng dụng G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Thiết lập máy in*.
- (3) Chọn *mật độ*.
- (4) Chọn mức mật độ từ 1 đến 5.
- (5) Chọn *cài đặt*.

## Thiết lập độ phân giải in (DPI)

Quy trình sau đây mô tả cách thiết lập độ phân giải in (DPI).

Việc tăng độ phân giải in sẽ tăng chất lượng in nhưng làm giảm tốc độ in tối đa, xem [trang 6-33](#).

### Sử dụng bàn phím USB không dây

Để thiết lập độ phân giải in bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng *Thiết lập*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Độ phân giải*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ để tô sáng độ phân giải mong muốn:
  - 300x300 DPI
  - 300x150 DPI
  - 300x100 DPI
- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Ấn *ESC* để quay lại trình đơn chính.

### Sử dụng máy tính

Để thiết lập độ phân giải in bằng máy tính:

- (1) Mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Điều khiển máy in*.
- (3) Trong trình đơn phụ *Thông số*, chọn cài đặt thả xuống *Độ phân giải DPI*.
- (4) Chọn độ phân giải in cần thiết:
  - 600x600
  - 600x300
  - 600x150
  - 600x100
  - 300x300
  - 300x150
  - 300x100

## Sử dụng thiết bị Android

Để thiết lập độ phân giải in bằng thiết bị Android:

- (1) Mở ứng dụng G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Thiết lập máy in*.
- (3) Chọn *độ phân giải*.
- (4) Chọn độ phân giải in cần thiết:
  - 300x300 dpi
  - 300x150 dpi
  - 300x100 dpi
- (5) Chọn *Cài đặt*.

## Thiết lập Tốc độ in

Quy trình sau đây mô tả cách thiết lập thủ công tốc độ in.

Nếu máy in không sử dụng bộ đo tốc độ trực để đo tốc độ in, tốc độ in sẽ được cài đặt thủ công.

*Chú ý: Nên sử dụng bộ đo tốc độ in để đo tốc độ in nếu tốc độ dây chuyền sản xuất hay thay đổi.*

Tốc độ tối đa có thể cài đặt là 0,1mm/phút.

Tốc độ tối đa có thể cài đặt là 228mm/phút, tuy nhiên, tốc độ này tùy thuộc vào thiết bị mật độ in và độ phân giải in trong bảng dưới đây, xem [trang 6-33](#).

## Sử dụng bàn phím USB không dây

Để thiết lập tốc độ in bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng *Thiết lập*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Tốc độ*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Gõ tốc độ của băng chuyền sản xuất (m/phút).
- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Ấn *ESC* để quay lại trình đơn chính.

## Sử dụng máy tính

Để thiết lập tốc độ in bằng máy tính:

- (1) Mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Điều khiển Máy in*.
- (3) Trong trình đơn phụ *Đồng tốc*, chọn *Không dùng đồng tốc*.
- (4) Trong hộp văn bản *Tốc độ*, nhập tốc độ của băng chuyền sản xuất (m/phút).

## Sử dụng thiết bị Android

Để thiết lập tốc độ in bằng thiết bị Android:

- (1) Mở ứng dụng G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Thiết lập máy in*.
- (3) Chọn *tốc độ in*.
- (4) Sử dụng thanh trượt để chọn tốc độ của băng chuyền sản xuất (m/phút).
- (5) Chọn *OK*.

## Thiết lập Loại Cảm biến Sản phẩm

Quy trình dưới đây mô tả cách chọn bộ cảm biến sản phẩm bên trong hoặc bên ngoài trong phần thiết lập G20i.

### Sử dụng bàn phím USB không dây

Để thiết lập loại cảm biến sản phẩm bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng *Thiết lập*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Bộ cảm biến*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ để tô sáng một trong hai cảm biến sau:
  - *Bên trong* - Để sử dụng bộ cảm biến sản phẩm bên trong; hoặc,
  - *Bên ngoài* - Để sử dụng bộ cảm biến sản phẩm bên ngoài.
- (6) Ấn nút *Enter*.

### Sử dụng máy tính

Để thiết lập loại cảm biến sản phẩm bằng máy tính:

- (1) Mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Điều khiển Máy in*.
- (3) Trong trình đơn phụ *Chế độ in*, chọn một trong hai tùy chọn sau:
  - *Bên trong* - Để sử dụng bộ cảm biến sản phẩm bên trong.
  - *Bên ngoài* - Để sử dụng bộ cảm biến sản phẩm bên ngoài.

## Sử dụng thiết bị Android

Để thiết lập loại cảm biến sản phẩm bằng thiết bị Android:

- (1) Mở ứng dụng Domino Printer G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Thiết lập máy in*.
- (3) Chọn *Bộ cảm biến*.
- (4) Chọn một trong hai tùy chọn sau:
  - *Bộ cảm biến bên trong* - Để sử dụng bộ cảm biến sản phẩm bên trong; hoặc,
  - *Bộ cảm biến Bên ngoài* - Để sử dụng bộ cảm biến sản phẩm bên ngoài.
- (5) Chọn *cài đặt*.



## Thiết lập độ trì hoãn in

Quy trình sau đây mô tả cách thiết lập giá trị trì hoãn in.

Giá trị trì hoãn in thiết lập khoảng cách giữa thời điểm G20i nhận được tín hiệu kích hoạt in với thời điểm nội dung được in.

Giá trị trì hoãn in còn thiết lập khoảng cách giữa các nội dung được in.

## Sử dụng bàn phím USB không dây

Để thiết lập độ trì hoãn in bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng *Thiết lập*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Trì hoãn*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Thay đổi giá trị *Trì hoãn trước* để thiết lập khoảng cách giữa thời điểm kích hoạt in và thời điểm nội dung được in.
- (6) Thay đổi giá trị *Trì hoãn sau* để thiết lập khoảng cách giữa thời điểm nội dung đã được in xong và thời điểm bắt đầu in nội dung tiếp theo.
- (7) Ấn nút *Enter*.

## Sử dụng máy tính

Để thiết lập độ trì hoãn in bằng máy tính:

- (1) Mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Điều khiển máy in*.
- (3) Trong trình đơn phụ *Chế độ in*, thay đổi giá trị *Trì hoãn trước* để thiết lập khoảng cách giữa thời điểm kích hoạt in và thời điểm nội dung được in.
- (4) Thay đổi giá trị *Trì hoãn sau* để thiết lập khoảng cách giữa thời điểm nội dung đã được in xong và thời điểm bắt đầu in nội dung tiếp theo.

## Sử dụng thiết bị Android

Để thiết lập độ trì hoãn bằng thiết bị Android:

- (1) Mở ứng dụng Domino Printer G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Thiết lập máy in*.
- (3) Chọn *trì hoãn in*.
- (4) Thay đổi giá trị *Trì hoãn trước* để thiết lập khoảng cách giữa thời điểm kích hoạt in và thời điểm nội dung được in.
- (5) Thay đổi giá trị *Trì hoãn sau* để thiết lập khoảng cách giữa thời điểm nội dung đã được in xong và thời điểm bắt đầu in nội dung tiếp theo.
- (6) Chọn *cài đặt*.

## Thiết lập chế độ in

Quy trình sau đây mô tả cách thiết lập chế độ in của G20i.

G20i có 2 chế độ in:

Chế độ cảm biến	G20i sẽ in 1 hoặc nhiều nội dung sau mỗi lần nhận được tín hiệu đầu vào dạng xung từ bộ cảm biến sản phẩm.
Chế độ liên tục	G20i sẽ được kích hoạt in nội dung từ tín hiệu đầu vào liên tục từ bộ cảm biến sản phẩm. Quy trình in chỉ có thể dừng lại khi tín hiệu đầu vào dừng lại.

## Sử dụng bàn phím USB không dây

### Chế độ cảm biến

Để thiết lập chế độ in bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng *Thiết lập*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Chế độ in*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Lúc này, bạn có thể cài đặt cho các thiết lập sau.

Chế độ:	Chọn <i>Bộ cảm biến</i> .
Lặp lại:	Nhập số lần nội dung được lặp lại sau mỗi tín hiệu đầu vào. (0 - 100)
Trì hoãn:	Nhập khoảng cách giữa mỗi nội dung được in. (10 - 10.000)

- (6) Ấn nút *Enter*.

## LẮP ĐẶT

### Chế độ liên tục

Để thiết lập chế độ in liên tục bằng bàn phím USB không dây:

- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng *Thiết lập*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Chế độ in*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Lúc này, bạn có thể cài đặt cho các thiết lập sau.

Chế độ:	Chọn Liên tục.
Trì hoãn:	Nhập khoảng cách giữa mỗi nội dung được in. (10 - 10.000)
Kích hoạt:	Chọn một trong hai tùy chọn sau:  Mức độ - Cần có tín hiệu cảm biến để bắt đầu in.  Lập tức - G20i sẽ bắt đầu in ngay lập tức sau khi chọn <i>Bắt đầu</i> từ trình đơn <i>Nội dung</i> .

- (6) Ấn nút *Enter*.

## Sử dụng máy tính

### Chế độ cảm biến

Để thiết lập chế độ in bằng máy tính:

- (1) Mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Điều khiển máy in*.
- (3) Chuyển *Chế độ in* sang *Bộ cảm biến*.
- (4) Lúc này, bạn có thể cài đặt cho các thiết lập sau:

Loại cảm biến:	Chọn một trong hai tùy chọn sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bên ngoài - Sử dụng bộ cảm biến sản phẩm bên ngoài để kích hoạt in.</li> <li>• Bên trong - Sử dụng bộ cảm biến sản phẩm bên trong để kích hoạt in.</li> </ul>
Trì hoãn trước:	Thiết lập khoảng cách giữa thời điểm nhận tín hiệu kích hoạt và thời điểm nội dung đầu tiên được in.
Trì hoãn sau:	Thiết lập khoảng cách giữa các nội dung.
Số lần Cảm biến Lặp lại:	Nhập số lần lặp lại nội dung được in.
Chiều dài Cố định ở chế độ Cảm biến:	Nhập khoảng cách giữa các nội dung lặp lại.

### Chế độ Liên tục

Để thiết lập chế độ in Liên tục bằng máy tính:

- (1) Mở phần mềm Domino G20i.
- (2) Mở trình đơn *Điều khiển Máy in*.
- (3) Thay đổi *Chế độ in* sang *Liên tục*.
- (4) Thay đổi giá trị *Chiều dài Cố định ở chế độ Liên tục* thành khoảng cách giữa từng nội dung được in.
- (5) Chọn *Ngay lập tức* hoặc *Mức*:

Ngay lập tức	In liên tục sau khi bộ cảm biến phát hiện sản phẩm được kích hoạt một lần.
Mức	In liên tục khi bộ cảm biến phát hiện sản phẩm được kích hoạt liên tục. Ngừng in khi bộ cảm biến phát hiện sản phẩm không được kích hoạt.

## LẮP ĐẶT

### Sử dụng thiết bị Android

#### Chế độ cảm biến

Để thiết lập chế độ in cảm biến bằng thiết bị Android

- (1) Mở ứng dụng G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Thiết lập máy in*.
- (3) Chọn *chế độ in*.
- (4) Tích vào ô chọn *Sử dụng chế độ cảm biến*.
- (5) Lúc này, bạn có thể cài đặt cho các thiết lập sau:

Trì hoãn (mm):	Nhập khoảng cách giữa mỗi nội dung được in. (10 - 10.000)
Số lần lặp lại:	Nhập số lần nội dung được lặp lại.

- (6) Chọn *cài đặt*.

#### Chế độ liên tục

Để thiết lập chế độ in liên tục bằng thiết bị Android

- (1) Mở ứng dụng G20i trên thiết bị Android.
- (2) Chọn *Thiết lập máy in*.
- (3) Chọn *chế độ in*.
- (4) Bỏ tích ô chọn *Sử dụng chế độ cảm biến*.
- (5) Đặt giá trị *Trì hoãn (mm)* là khoảng cách giữa các nội dung được in.
- (6) Chọn *cài đặt*.

## Thiết lập Bảo vệ Mật khẩu

G20i có thể được bảo vệ mật khẩu để tránh người dùng truy cập trái phép vào thiết lập máy in.

*Chú ý: (1) Chế độ bảo vệ mật của khẩu của G20i mặc định bị vô hiệu hóa.*

*(2) Mật khẩu mặc định là: 1234567890.*

*(3) Mật khẩu có thể dài tới 10 ký tự chữ cái.*

*(4) Cần sử dụng bàn phím USB không dây để thiết lập chế độ bảo vệ mật khẩu.*

Để thiết lập chế độ bảo vệ mật khẩu:

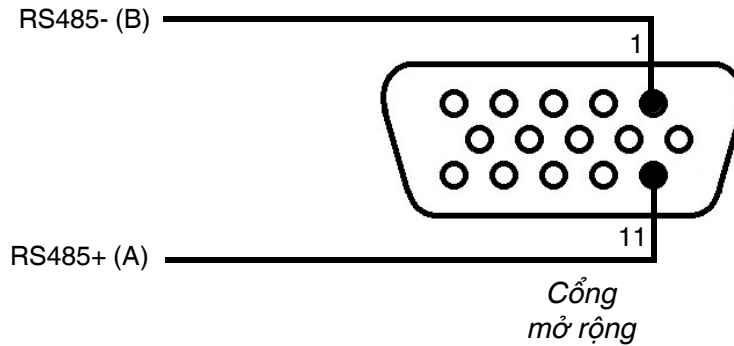
- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng *Thiết lập*.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Mật khẩu*.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Di chuyển con trỏ để tô sáng *Kích hoạt*.
- (6) Ấn nút *Enter*.
- (7) Nhập mật khẩu cũ.
- (8) Ấn nút *Enter*.
- (9) Nhập mật khẩu mới.
- (10) Ấn nút *Enter*.
- (11) Nhập lại mật khẩu mới.
- (12) Ấn nút *Enter*.
- (13) Ấn *ESC* để quay lại trình đơn chính.

## GIAO TIẾP RS-485

Máy tính cá nhân hoặc PLC có thể kiểm soát nhiều máy in cùng lúc bằng cách dùng giao thức giao tiếp RS-485.

### Nối dây RS-485

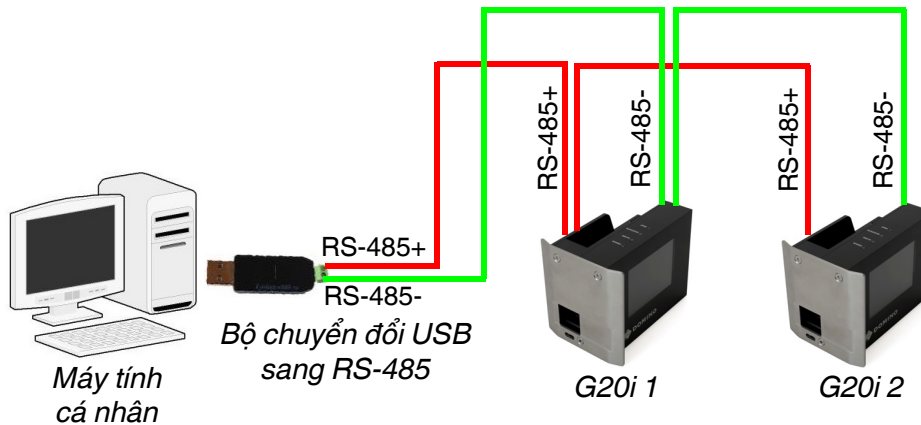
Giao tiếp RS-485 dùng chốt 1 và chốt 11 trên cổng Mở rộng của máy in.



Sơ đồ Đi dây RS-485

### Kết nối nhiều máy in với một máy tính cá nhân

Sơ đồ sau cho thấy cách nối ít nhất 1 máy in với máy tính cá nhân qua RS-485.

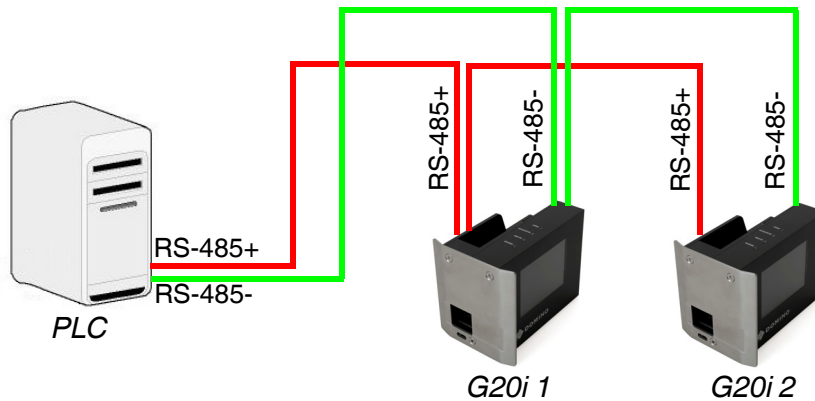


Sơ đồ Kết nối RS-485 - Nhiều máy in với máy tính cá nhân



## Kết nối nhiều máy in với một PLC

Sơ đồ sau cho thấy cách nối ít nhất 1 máy in với một PCL qua RS-485.



Sơ đồ Kết nối RS-485 - Nhiều máy in với PLC

## Thiết lập Máy in RS-485

Chú ý: (1) Cần sử dụng bàn phím USB không dây cho quy trình này.

(2) Đảm bảo cài đặt RS-485 và cài đặt cổng giao tiếp của máy tính cá nhân hoặc PLC đều được đặt về cùng một giá trị.

Để đặt cấu hình máy in cho giao tiếp RS-485:

- (1) Từ trình đơn chính, tô sáng Cài đặt.
- (2) Ấn nút *Enter*.
- (3) Di chuyển con trỏ để tô sáng RS485.
- (4) Ấn nút *Enter*.
- (5) Lúc này, bạn có thể đặt cấu hình cho các cài đặt sau:

Trạng thái:	Bật hoặc tắt giao tiếp RS-485.
Địa chỉ	Đặt một địa chỉ duy nhất cho từng máy in. Giá trị được đặt ở dạng thập phân từ 1 đến 255.
Tốc độ Baud:	Đặt tốc độ truyền tin từ 9600 đến 115200.
Chặn lẻ:	Đặt tổng kiểm tra giao thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Lẻ</li> <li>• Chẵn</li> <li>• Không có</li> </ul>
Bit dữ liệu	Chọn 8 nếu Chặn lẻ được đặt là Không có. Chọn 9 nếu Chặn lẻ được đặt là Chẵn hoặc Lẻ.
Bit dừng	Chọn 1 hoặc 2

- (6) Ấn *ESC* để quay lại trình đơn chính.

## THIẾT LẬP POD (IN DỮ LIỆU TRỰC TUYẾN)

Đối tượng POD cho phép truyền tới máy in và in dữ liệu từ một thiết bị quét mã vạch hoặc từ một thiết bị khác trên mạng lưới. Đối tượng POD có thể chứa tối đa 20 mục dữ liệu có thể in được.

Để chèn một đối tượng POD vào thiết kế nhãn, xem [trang 3-49](#).

Để xác định nguồn POD (In Dữ liệu Trực tuyến):

- (1) Mở phần mềm Domino G20i PC.
- (2) Mở trình đơn *Điều khiển Máy in*.
- (3) Bấm vào biểu tượng *Cài đặt*.



- (4) Xác định cài đặt nêu trong bảng bên dưới:

Bật	Đánh dấu tích để bật POD.
Chế độ POD	Chọn chế độ in: <ul style="list-style-type: none"> <li>• In tất cả - Nhận tất cả dữ liệu và in từng mục POD theo trình tự.</li> <li>• In phần cuối - Nhận tất cả dữ liệu nhưng chỉ in mục POD cuối cùng.</li> <li>• Lặp lại In phần cuối - Nhận tất cả dữ liệu nhưng chỉ in mục POD cuối cùng. Tiếp tục in mục POD cuối cùng cho tới khi nhận được dữ liệu mới.</li> </ul>
Tách ký tự	Chọn ký tự được dùng để tách các mục POD trong khi truyền dữ liệu.
Mã hóa	Chọn phương thức mã hóa dữ liệu.
Gói bắt đầu	Xác định ký tự sẽ đánh dấu bắt đầu các mục có thể in được trong khi truyền dữ liệu.
Gói kết thúc	Xác định ký tự sẽ đánh dấu kết thúc các mục có thể in được trong khi truyền dữ liệu.
Loại kết nối	Chọn loại kết nối: <ul style="list-style-type: none"> <li>• TCP/IP</li> <li>• UDP</li> <li>• Thiết bị đọc Mã vạch</li> </ul>
IP	Nhập Địa chỉ IP của người gửi dữ liệu.
Cổng	Nhập Số cổng của người gửi dữ liệu.

**Chú ý:** Tắt tường lửa hệ thống hoặc cho phép ứng dụng truy cập mạng lưới nếu thấy Windows Firewall hiển thị cảnh báo.